Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tuần 19.Bài 6. CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG**

**Số tiết:** 13 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo; nhận biết được chủ đề của VB.

- Nhận biết được VB thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai VB theo trật tự thời gian.

- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp).

- Bước đẩu biết viết VB thông tin thuật lại một sự kiện.

- Kể được một truyến thuyết.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản trong bài học.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện và phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: *Em đã từng đọc hoặc nghe kể về người anh hùng nổi tiếng nào trong các câu chuyện kể của nước ta chưa? Đó là ai? Hãy kể lại chiến công tiêu biểu của họ?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV dẫn dắt: Trong bài 6, chúng ta sẽ cùng được đọc về một số người anh hùng đã đi vào lịch sử cùng những truyền thuyết hào hùng. Họ là những nhân vật anh hùng huyền thoại – những “tượng đài” mang sức mạnh và ý chí của tập thể được lưu giữ trong kí ức cộng đồng qua nhiều thế hệ. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu những khái quát chủ đề bài học. | HS có thể kể tên: Thánh Gióng, Lê Lợi, Sơn Tinh…. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: *Em hiểu những người anh hùng là những người như thế nào?*  HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  Gv chuẩn kiến thức:  Những người anh hùng trong truyền thuyết phản ánh ý chí, khát vọng và sức mạnh của cả cộng đồng. Đó là biểu tượng đại diệ của cộng đồng chứ không phải người anh hùng cá nhân. Nhân vật người anh hùng chính là sản phẩm từ kí ức của cộng đồng. Vì thế nên nhân vật người anh hùng và truyền thuyết về người anh hùng kết hợp cả yếu tố thực (hình bóng của sự thật lịch sử, sự vật, hiện tượng…) và yếu tố hư ảo (hoang đường, kì ảo). | **1. Giới thiệu bài học** |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về truyền thuyết, kể tên các truyện truyền thuýet đã đọc.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc phàn Tri thức ngữ văn trong SGK  *GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:*  *+ Nêu định nghĩa về truyện truyền thuyết*  *+ Các yếu tố của TT có đặc điểm gì: nhân vật chính, cốt truyện, lời kể yếu tố kì ảo.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV bổ sung:** | **Truyền thuyết**  Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên  quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.  **Một số yếu tố của truyền thuyết**   * Truyền thuyết thường kể lại cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian. * Truyền thuyết được kể theo mạch tuyến tính (có tinh chất nối tiếp, theo trình tự thời gian). Nội dung thường gồm ba phần gắn với cuộc đời của nhân vật chính: hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục. * Nhân vật chính của truyền thuyết là những người anh hùng. Họ thường phải đối mặt với những thử thách to lớn, cũng là thử thách của cả cộng đồng. Họ lập nên những chiến công phi thường nhờ có tài năng xuất chúng và sự hỗ trợ của cộng đồng. * Lời kể của truyền thuyết cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm gây ấn tượng về tinh xác thực của câu chuyện. * Yếu tố kỉ ảo (lạ và không có thật) xuất hiện đậm nét ờ tất cả các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hoá nhân vật và chiến công của họ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Chọn 1 truyền thuyết yêu thích và liên hệ với tri thức ngữ văn vừa đọc:

* Tóm tắt cốt truyện
* Xác định nhân vật chính
* Chỉ ra yếu tố hoang đường, kì ảo sử dụng trong truyện

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:Theo em, tại sao truyện truyền thuyết lại có các yếu tố kì ảo, hoang đường?*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**A: ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết 73-74. VĂN BẢN 1. THÁNH GIÓNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- HS xác định được chủ đề của truyện.

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên truyện truyền thuyết: tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo…

- HS nhận xét, đánh giá về một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyền thuyết.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thánh Gióng.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thánh Gióng.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện TG

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *1. Đối với em, ai là người anh hùng? Người đó có những phẩm chất và thành tích gì khiến em ngưỡng mộ?*  *2. Thiết kế giới thiệu ngắn gọn về một người anh hùng và trình bày trước lớp:*  *+ Tên:……………………………………*  *+ Phẩm chất:……………………………*  *+ Chiến công:………………………….*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV dẫn dắt: Người anh hùng là những người được ngưỡng mộ vì những phẩm chất cao cả hay thành tích phi thường, giúp ích cho nhiều người. Tiêu chuẩn của người anh hùng đầu tiêu là yếu tố thành tích phi thường, có lợi ích cho cộng đồng. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về người anh Thánh Gióng đã có công đánh đuổi giặc ngoại xâm trong buổi đầu dựng nước của dân tộc. | - HS nêu suy nghĩ về người anh hùng.  - Thiết kế và trình bày lai lịch của một người anh hùng mà mình ngưỡng mộ. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Thánh Gióng thuộc thể loại truyện gì? Nhắc lại khái niệm? Xác định nhân vật chính của truyện?*  *-* GV hướng dẫn cách đọc:  + Đoạn Gióng ra đời: giọng ngạc nhiên, hồi hộp: đoạn Gióng ra đời.  + Đoạn Gióng trả lời sứ giả: giọng dõng dạc, trang nghiêm.  + Đoạn cả làng nuôi Gióng: giọng háo hức, phấn khởi.  + Đoạn Gióng đánh giặc: khẩn trương, mạnh mẽ.  + Đoạn cuối: giọng chậm, nhẹ, xa vời, mang màu sắc huyền thoại.  GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *sứ giả, áo giáp, tây, truyền, khôi ngô, phúc đức, thụ thai, phi…*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: truyền thuyết thuộc thể loại truyền thuyết thời đại Hùng Vương thời kì giữ nước. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  + Tóm tắt văn bản Thánh Gióng  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV bổ sung:**  Như vậy, theo bố cục chúng ta vừa chia ở trên  thì có các sự việc xoay quanh nhân vật Gióng. Vậy ở mỗi phần, thông qua hình tượng nhân vật Thánh Gióng nhân dân ta muốn gửi gắm điều gì? Để trả lời được câu hỏi đó, cô và các con sẽ đi tìm hiểu phần II.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  - GV yêu cầu HS nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Thời gian: đời HV thứ sáu  + Không gian: không gian làng quê  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  ***Gv bổ sung:*** Trong khoảng thời gian và không gian đó đã xảy ra sự việc: giặc Ân đã xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc rất mạnh, đất nước ra đối diện với một mối lâm nguy, thử thách to lớn là đánh đuổi giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi. Tại thời điểm này, lịch sử đòi hỏi nước ta phải có những cá nhân kiệt xuất, những người tài giỏi đánh giặc giúp dân cứu nước.  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *Hãy tìm những chi tiết kể về sự ra đời của Gióng? Qua đó, con có nhận xét gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  + Cha mẹ Gióng là những người tốt bụng, hiện lành , được đền đáp xứng đáng 🡪 thể hiện quan niệm của dân gian ở hiền gặp lành.  + Có thể nói, ngay từ những chi tiết đầu tiên của câu chuyện đã đưa ta vào thế giới của những điều kì lạ. Ta chưa bao giờ gặp một bà mẹ ướm vào vết chân lạ mà có thai. Ta cũng chẳng thấy ai mang thai trong 12 tháng 🡪 sự ra đời của một con người phi thường.   Và những chi tiết hoang đường ấy càng cuốn hút ta vào câu chuyện mà ở đó trung tâm chính là cậu bé làng Gióng. Qua đây, cô muốn nhấn mạnh với các con rằng: sự ra đời kì lạ, khác thường của Gióng chính là mô-tip xây dựng nhân vật người anh hùng đặc trưng trong các truyện dân gian. Các con có thể tìm đọc thêm các truyện trong dân gian Việt Nam để thấy rõ điều này nhé.  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi :**   * Điều gì đã xảy ra tiếp theo? Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói gì? Em có nhận xét gì về tiếng nói ấy? * Bà con xóm làng đã có hành động gì giúp đỡ Gióng? Kết quả của hành động đó?   ***- GV yêu cầu HS thảo* luận** theo  nhóm, ý nghĩa của các chi tiết:  *+ Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đi đánh giặc*  *+ Bà con góp gạo nuôi Gióng*  *+ Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai trở thành tráng sĩ*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Tiếng nói đầu tiên:  + “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”  + “Ta sẽ phá tan lũ giặc này”  - Bà con góp gạo nuôi chú bé.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  Tiếng nói đầu tiên:  + “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”  + “Ta sẽ phá tan lũ giặc này”  🡪 Đó là nhiệm vụ, sứ mệnh cao cả của Gióng là bảo vệ đất nước. Đáp ứng tiếng goi cứu nước khi Tổ quốc lâm nguy.  **- GV** mở rộng: Tiếng nói đầu tiên của cậu bé là đòi đánh giặc:  + Gióng là hình ảnh của nhân dân, khi dân tộc gặp cơn nguy biến thì họ sẵn sàng đứng ra cứu nước, giống như Gióng, khi vua vừa kêu gọi đã đáp lời cứu nước.  + Chi tiết Gióng cất tiếng đầu tiên là đòi đánh giặc cũng hàm chứa 1 sự thật rằng: ở 1 đất nước luôn bị ngoại xâm như nước ta thì khả năng đánh giặc phải luôn thường trực từ tuổi bé thơ để đáp ứng lời kêu gọi của Tổ quốc, đúng như nhà thơ Tố Hữu đã từng viết:  “Ôi Việt Nam xứ xở lạ lùng  Đến em thơ cũng hóa những anh hùng  Đến ong dại cũng luyện thành dũng sĩ...”  - Bà con góp gạo nuôi chú bé.   * Gióng lớn lên bằng thức ăn, đồ mặc của nhân dân, nuôi dưỡng bằng những cái bình thường, giản dị. * Chi tiết còn nói lên truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc ta từ thuở xưa. ND ta rất yêu nước, ai cũng mong Gióng lớn nhanh ra trận đánh giặc.   🡪Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân. Một người không thể cứu nước, phải toàn dân hợp sức thì công cuộc đánh giặc cứu nước mới trở lên mau chóng.  *- Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ:*   * Sự vươn vai của Gióng có liên quan đến truyền thống của truyện cổ dân gian. Thời cổ nhân dân ta quan niệm người anh hùng phải khổng lồ về thể xác, sức mạnh, chiến công. Thần Trụ trời, Sơn Tinh ... đều là những nhân vật khổng lồ. Cái vươn vai của Gióng để đạt đến độ phi thường ấy.    Sự lớn lên của Gióng đã đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cứu nước. Khi lịch sử đặt ra vấn đề sống còn cấp bách, khi tình thế đòi hỏi dân tộc vươn lên một tầm vóc phi thường thì dân tộc ta vụt lớn dậy như Thánh Gióng, tự mình thay đổi tư thế tầm vóc của mình.  **NV5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Chiến công phi thường mà Gióng đã làm nên là gì?*  - HS tiếp tục thảo luận và nêu ý nghĩa của chi tiết:  *+ Ngựa sắn phun ra lửa, roi sắt quật vào giặc chết như ngả rả và những cụm tre cạnh đường quật giặc tan vỡ.*  *+ Tráng sĩ đánh giặc xong, cởi giáp sắt bỏ lại và bay thẳng lên trời.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Gióng đã đánh tan quân giặc.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  *-  Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc:*   * Chi tiết cho thấy sự sáng tạo, nhanh trí của Gióng   Gióng đánh giặc không những bằng vũ khí mà bằng cả cỏ cây của quê hương đất nước, bằng bất cứ những gì có thể giết được giặc 🡪 thể hiện quyết tâm giết giặc đến cùng.  - *Giặc tan, Gióng cưỡi ngựa bay về trời*:   * Nhân dân yêu mến, trân trọng muốn giữ mãi hình ảnh của người anh hùng nên đã để Gióng về với cõi vô biên, bất tử, sống mãi trong lòng dân tộc.    Đánh giặc xong, Gióng không trở về nhận phần thưởng. Dấu tích của chiến công, Gióng để lại cho quê hương xứ sở (tên đất, tên làng, ao hồ...)  **NV6**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Lời kể nào trong truyện Thánh Gióng hàm ý rằng câu chuyện đã xả ra trong quá khứ? Tìm chi tiết đó.*  *+ Theo em, ý nghĩa của hình tượng TG là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  *Hiện nay, vẫn còn đền thờ ở làng…. làng Cháy*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  Đây cũng là một biểu hiện có tính chất đặc thù trong thi pháp truyền thuyết, Người kể chuyện truyền thuyết có ý muốn tạo niềm tin ở người đọc, ngời nghe truyền thuyết nên thường đưa vào các lời kể hàm ý về tính xác thực của câu chuyện. Đồng thời cũng cho thấy trí tưởng tượng phong phú của tác giả dân gian khi sáng tạo nhiều chi tiết sinh động, kì lạ làm tăng thêm vẻ đẹp linh thiêng, hấp dẫn cho nhân vật, gắn lịch sử với phong tục, địa danh nhằm biểu đạt ý nghĩa thiêng liêng: phong tụ, địa danh của đất nước đã được “lịch sử đặt tên” nhờ những chiến công vĩ đại trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước của nhân dân.  Hình tượng thánh gióng: tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc giữ nước. TG mang trong mình sức mạnh của cộng đồng ở buổi đầu dựng nước: sức mạnh vô hạn của tự nhiên đất nước, sức mạnh và ý chí của nhân dân – những người thợ thủ công anh hùng, những người nông dân, những binh lính anh hùng, Tầm vóc khổng lồ của TG là biểu động của sự kết tinh tất cả các sức mạnh đó.  **NV7**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Truyện có ý nghĩa gì?Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | ***3. Đọc- kể tóm tắt***  - Nhân vật chính:  Gióng.  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - PTBĐ: tự sự  **Bố cục:** 4 phần  - P1: từ đầu… *nằm đấy* : Sự ra đời kỳ lạ của Gióng  - P2: Tiếp… *cứu nước*: Sự trưởng thành của Gióng  - P3: Tiếp… *lên trời*: Gióng đánh tan giặc và bay về trời  - P4: Còn lại: Những vết tích còn lại của Gióng.    **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1.Sự ra đời của Gióng***  - Thời gian, địa điểm: vua Hùng thứ 6, tại làng Gióng.    - Vợ chồng ông lão phúc đức, hiếm muộn  - Bà mẹ ướm vào vết chân lạ -> thụ thai  - Mang thai 12 tháng mới sinh  - Gióng lên ba: không biết nói, cười, không biết đi.  🡪*Sự ra đời kì lạ, báo hiệu một con người phi thường*    **2. Sự trưởng thành của Gióng**  - Hoàn cảnh: Giặc Ân xâm lược.  - Gióng cất tiếng nói muốn đi đánh giặc cứu nước.  🡪 Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  - Sau khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi 🡪 sự trưởng thành để đáp ứng nhiệm vụ cao cả.    - Bà con góp gạo nuôi chú bé.  🡪 thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân. Gióng là người anh hùng của nhân dân, được dân nuôi lớn, mang theo sức mạnh của toàn dân.    **3.3. Gióng đáng giặc và bay về trời**  - Tư thế, hành động:  + phi thẳng đến nơi có giặc  + Đón đầu, giết hết lớp này đến lớp khác  🡪 Sự oai phong, lẫm liệt, sức mạnh không thể địch nổi của tráng sĩ  - Khi roi sắt gẫy, tráng sĩ nhổi bụi tre quật vào giặc  -Giặc tan, Gióng cưỡi ngựa bay về trời.    **3.4. Những dấu tích còn lại**  - Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương  - Bụi tre đằng ngà  - Ao hồ liên tiếp  - Làng Cháy  🡪 Thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng cứu nước giúp dân.    **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta.  \* *Ý nghĩa*: Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.  **b. Nghệ thuật**  - Chi tiết tưởng tượng kì ảo  - Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*

**Câu 1:** Ý nghĩa hình tượng Thánh Gióng là gì?

A. tượng trưng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân

B. biểu tượng về lòng yêu nước, sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.

C. ước mơ cùa nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm thời kì đầu dựng nước.

D. Tất cả đều đúng

**Câu 2:** Trong truyện Thánh Gióng, cậu bé Gióng cất tiếng nói đầu tiên khi nào?

A. Khi Gióng được sáu tuổi và đòi đi chăn trâu.

B. Khi cha mẹ Gióng bị bệnh và qua đời.

C. Khi nghe sứ giả của nhà vua thông báo công chúa kén phò mã.

D. Khi nghe sứ giả của nhà vua đi loan truyền tìm người tài giỏi cứu nước, phá giặc Ân.

**Câu 3:** Tác phẩm Thánh Gióng thuộc thể loại truyện dân gian nào?

A. Cổ tích.

B. Thần thoại.

C. Truyền thuyết.

D. Ngụ ngôn.

**Câu 4**: Phát biểu nào sau đây nói đúng nhất về nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết Thánh Gióng?

A. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng từ hình ảnh những người anh hùng có thật thời xưa.

B. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng dựa trên truyền thống tuổi trẻ anh hùng trong lịch sử và từ trí tưởng tượng bắt nguồn từ tinh thần yêu nước của nhân dân.

C. Thánh Gióng là một cậu bé kì lạ chỉ có trong thời kì đầu dựng nước.

D. Thánh Gióng là nhân vật do nhân dân tưởng tượng hư cấu nên để thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên.

**Câu 5:** Để ghi nhớ công ơn của Thánh Gióng, vua Hùng đã phong cho Thánh Gióng danh hiệu gì?

A. Đức Thánh Tản Viên.

B. Lưỡng quốc Trạng nguyên.

C. Bố Cái Đại Vương.

D. Phù Đổng Thiên Vương.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu) về một hình ảnh hay hành động của TG đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

GV hướng dẫn HS viết một cách chân thực, xúc động, phù hợp với cảm xúc người viết

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Kí duyệt:  
  
  
................................................................................................................................  
Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 75 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS củng cố kiến thức về cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ, nắm được nghĩa của một số cụm động từ, cụm tính từ.

- HS luyện tập về từ ghép và từ láy, biết phân biệt hai loại từ này.

- Luyện tập về biện pháp tu từ so sánh, biết sử dụng trong khi nói, viết.

- Nhận biết được cấu tạo của từ Hán Việt, có yếu tố giả (kẻ, người) nhằm phát triển vốn từ Hán Việt.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện từ ghép, từ láy, cụm động từ, cụm tính từ, các biện pháp tu từ, các từ Hán Việt và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV giới thiệu bài học: *Ở Tiểu học, các em đã học về các từ loại. Hãy kể tên các từ loại em đã học.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv dẫn dắt: | HS nắm được yêu cầu của bài thực hành tiếng việt. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm từ và cụm từ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm từ và cụm từ.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức trò chơi: ***Ai nhanh hơn***  Chia lớp thành 4 nhóm, hãy ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái cho phù hợp:  **A                                                       B**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cụm từ |  | Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động. | | Tính từ | Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng. | | Động từ | Nhóm, tập hợp nhiều từ | | Từ Hán Việt | Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt, |   - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  Vuốt – nhọn hoắt  Cánh – hủn hoẳn  Người – rung rinh, bóng mỡ  Răng – đen nhánh, ngoằm ngoạp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về từ đơn, từ ghép, từ láy. | **I. Từ và cụm từ**  - Cụm từ: Nhóm, tập hợp nhiều từ  - Tính từ: Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.  - Động từ: Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.  - Từ HV: Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt, |
| **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh  **Bài tập thêm:** Hãy chỉ ra các từ ghép, từ láy trong câu thơ sau:  Việt Nam đất nước ta ơi!  Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  Từ đơn: ta, ơi, biển, lúa, đâu, trời, đẹp, hơn  Từ ghép: Việt Nam, đất nước  Từ láy: mênh mông  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **Bài tập**  - Từ ghép: Việt Nam, đất nước, biển lúa  - Từ láy: mênh mông |

**Hoạt động 2: Nhắc lại biện pháp tu từ so sánh**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm, tác dụng biện pháp tu từ so sánh.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV3: Tìm hiểu biện pháp tu từ so sánh**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm: So sánh là gì? Tác dụng của so sánh?  - GV yêu cầu HS rút ra kết luận về so sánh  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **Gv chuẩn kiến thức**  GV nhắc lại mô hình so sánh:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Vế A | Phương diện ss | Từ ss | Vế B | | Trẻ em |  | như | Búp trên cành | | **II. So sánh**  - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  - GV hướng dẫn HS kẻ bảng và hoàn thành bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:** làm bài tập 2, xác định từ ghép và từ láy trong các cậu  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  Gv lưu ý HS về cách nhận diện từ ghép, từ láy.  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm và phân tích các từ láy trong các câu văn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thổi, chạy/nhờ.  - Cụm tính từ: chăm/làm ăn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS vận dụng biện pháp này để nói về một sự vật hoặc hiện tượng được kể trong truyện.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **Bài tập 1/ trang 9**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Yếu tố HV A | Từ HV A + giả | Nghĩa của từ | | 1 | tác | Tác giả | Người tạo ra tác phẩm, bài thơ | | 2 | Độc | Độc giả | Người đọc | |  | ….. | …... | ….... |     **Bài 2/ trang 9**  - Từ ghéo: xâm phạm, tài giỏi, lo sợ, gom góp, mặt mũi, đền đáp.  - Từ láy: vội vàng, hoảng hốt.    **Bài  3/ trang 9**  - Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thổi, chạy/nhờ.  - Cụm tính từ: chăm/làm ăn  - Đặt câu: HS tự đặt từ 2-3 câu    **Bài 4/ trang 9**  - Biện pháp nghệ thuật so sánh  - Cấu trúc: A như B |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng. Trong đoạn văn có sử dụng từ ghép, từ láy, biện pháp nghệ thuật so sánh.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp – Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Kí duyệt:

...............................................................................................................................

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 76- 77 VĂN BẢN 2. SƠN TINH, THUỶ TINH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS xác định được chủ đề của truyện.

- HS nhận biết được những yếu tố cơ bản của thể loại truyền thuyết trong Vb truyện: các sự kiện thường được kết nối với nhau bởi một chuỗi quan hệ nguyên nhân – kết quả, nhân vật có nhiều đặc điểm kì lạ, có thể có dấu vết của nhân vật thần trong thần thoại, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường kì ảo, nội dung của truyện cũng có thể lí giải nguồn gốc các sự vật, hiện tượng, hoặc nguyên nhân của một hiện tượng thời tiết, mùa…

- HS biết vận dụng tình huống giả định: nếu là một nhân vật trong truyền thuyết thì sẽ có suy nghĩ, cảm xúc như thế nào?

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện ST, TT

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS xem một đoạn video về hiện tượng lũ lụt tàn phá nước ta. Yêu cầu HS nêu suy nghĩ về hiện tượng thiên tai đó.  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV dẫn dắt: Hằng năm, cứ vào mùa hạ thì ở vùng đồng bằng Bắc Bộ trời lại mưa như trút nước, lũ lụt xảy ra triền miên. Lũ lụt là một hiện tượng hoàn toàn từ tự nhiên nhưng với trí tưởng tượng phong phú, nhân dân ta đã giải thích hiện tượng này bằng một truyền thuyết mang tên *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*. Vậy nội dung, ý nghĩa của truyền thuyết này như thế nào, chúng ta sẽ cùng đến với bài học ngày hôm nay. | - HS chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về hiện tượng lũ lụt ở nước ta. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Sơn Tinh, Thủy Tinh thuộc thể loại nào trong truyện dân gian? Được viết trong thời đại nào?*  *-* GV hướng dẫn cách đọc:  Giọng đọc giọng chậm rãi ở hai đoạn đầu; đoạn giữa sôi nổi, nhanh, gấp ở cuộc giao tranh; đoạn cuối bình tĩnh…  GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh,kén rể, lễ vật, lạc hầu, hồng mao, nao núng.*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV bổ sung:** | **I. Tìm hiểu chung**  - Truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* thuộc thể loại truyền thuyết thời đại Hùng Vương thứ 18.  - Truyện bắt nguồn từ thần thoại cổ được lịch sử hoá. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  + Tóm tắt văn bản ST, TT. Yêu cầu HS nhận biết được các chi tiết trọng tâm kết nối với nhau bởi quan hệ nguyên nhân – kết quả.  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Nhân vật chính:  Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - PTBĐ: tự sự  - Tóm tắt:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV bổ sung:**  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  1. *Lí do Vua Hùng kén rể là gì?*  *2. Trong câu chuyện này, những nhân vật nào được gọi là thần? Hãy chỉ ra những điều khiến cho họ được coi là những vị thần.*  - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 2  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Lí do vua Hùng kén rể: Mị Nương xinh đẹp, hiền dịu. Vua yêu con, muốn chồng xứng đáng cho con.  - Hoàn thành PBT số 2  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  ***Gv bổ sung:***  - Lí do vua Hùng kén rể: Mị Nương xinh đẹp, hiền dịu. Vua yêu con, muốn chồng xứng đáng cho con -> Quan niệm xưa: Trai tài – gái sắc; Anh hùng – mĩ nhân.  Các chi tiết:  + Sơn Tinh: Chúa miền non cao, có tài lạ… vẫy tay … nổi cồn bãi … mọc núi đồi…  + Thuỷ Tinh: Chúa vùng nước thẳm, tài năng không kém … gọi gió … hô mưa …  🡪 Chi tiết nghệ thuật tưởng tượng kì ảo, hai thần đều tài giỏi, xứng đáng làm rể vua Hùng. Cách giới thiệu ấn tượng, gây hứng thú hấp dẫn đối với người đọc, ngầm dự báo một cuộc đua tranh quyết liệt sẽ diễn ra giữa hai vị thần.  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *+ Trước tài năng của hai vị thần, vua Hùng đã làm như thế nào?*  *+ Có ý kiến cho rằng: Khi kén rể, vua Hùng đã có ý chọn Sơn Tinh, nhưng vua cũng không muốn mất lòng Thuỷ Tinh nên mới nghĩ ra cuộc đua tài tìm những sản vật quý để dâng sính lễ. Suy nghĩ của em như thế nào?*  *+ Cuộc thi tài kén rể trong câu chuyện có gì đặc biệt?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  Lễ vật là sản vật của miền rừng núi. Có vẻ như Vua Hùng đã có cảm tình với Sơn Tinh nên yêu cầu về lễ vật thiên về phía Sơn Tinh.  - Truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* có màu sắc cổ tích qua mô-típ *thi tài kén* rểhay là *cuộc chiến tranh giữa những ngitời cầu hôn.* Những chi tiết khiến cuộc thi tài kén rể này trở nên đặc biệt là: + Vua Hùng kén rể hiển tài, Sơn Tinh và Thuỷ Tinh cùng đến cẩu hôn.  + Hai bên thi tài để có thê’ lấy được công chúa, nhưng không phần được thắng bại, cả hai đểu xứng đáng.  + Vua Hùng thách cưới (cuộc thi tài lần 2): Sơn Tinh nhanh hơn nên lấy được công chúa, đưa công chúa vế núi.  + Thuỷ Tinh đuối theo, hai bên đánh nhau (thi tài lần 3), Sơn Tinh chiến thắng nên giữ được vợ, cùng vợ sống hạnh phúc; Thuỷ Tinh thua, không lấy được vợ nên hằng năm gây lũ lụt báo thù.  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi :*Vì sao có cuộc giao tranh này?*  - GV yêu cầu HS quan sát SGK: *Em hãy quan sát bức tranh minh họa trang 32, miêu tả cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh?*  *Kết quả của cuộc giao tranh ra sao? Vì sao người thắng cuộc được xem như người anh hùng*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Nguyên nhân: Sơn Tinh đến trước, rước Mị Nương về núi. Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, nổi giận đem quân đuổi đánh Sơn Tinh.  - Diễn biến:  + TT hô mưa gọi gió làm thành dông bão, dâng nước đánh Sơn Tinh.  + Sơn Tinh không hề run sợ, chống cự một cách quyết liệt: bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành luỹ đất để ngăn lũ… nước dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu…  - Kết quả:  + Sơn Tinh thắng, TT thua đành phải rút quân.   + Hàng năm TT lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  Hai nhân vật giao tranh vì li do cá nhân, nhưng việc Thuỷ Tinh dâng nước lên làm ngập nhà cửa, khiến thành Phong Châu nổi lếnh bềnh như trên một biển nước. Sơn Tinh giao chiến với Thuỷ Tinh vì lí do cá nhân, nhưng cũng đổng thời để ngăn chặn một thảm hoạ thiên nhiên, bảo vệ sự sống cho con người, cỏ cây, súc vật. Vì thế khi Sơn Tinh chiến thắng Thuỷ Tinh thì Sơn Tinh là một anh hùng của cộng đồng.  **NV5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Chủ đề của truyện ST, TT là gì?*  *+ Truyện ST TT lí giải hiện tượng tự nhiên nào? Theo tác giả dân gian, nguyên nhân hiện tượng tự nhiên đó là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  Sơn Tinh, Thuỷ Tinh là những nhân vật tưởng tượng, hư cấu, mang ý nghĩa biểu trưng. Thuỷ Tinh biểu trưng cho sức mạnh của nước, là hiện tượng lù lụt được hình tượng hoá. Sơn Tinh biểu trưng cho đất, núi, nhưng đổng thời cũng là sức mạnh, là khả năng, ước mơ chiến thắng lũ lụt của nhân dân được hình tượng hoá. Truyện gắn với thời đại Vua Hùng, tại địa bàn dựng nước Van Lang xưa, nhằm để cao và tôn vinh những chiến công của người Việt cố trong công cuộc chống bão lụt, chế ngự và sử dụng nguồn nước (ở lưu vực sông Đà và sông Hổng) để phát triền trồng trọt, chăn nuôi, ổn định cuộc sống, dựng xây đất nước.  GV nói rõ thêm những thông tin về bối cảnh lịch sử: Vùng núi Tản Viên, điểm cao nhất, là một trong những địa bàn sinh tụ đầu tiên của người Việt cổ. Nơi đây hằng năm cũng thường xuyên diễn ra các hiện tượng bão lũ trên lưu vực sông Đà (dội thẳng vào chân núi Tản Viên); quy luật nước lớn thường diễn ra vào tháng 7, tháng 8. Công cuộc trị thuỷ để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của cư dân trổng lúa nước cũng diễn ra hằng năm là vì thế.  Thực chất đây cũng là một thủ pháp nghệ thuật trong lời kể của tác giả dân gian nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện. Từ trong thế giới tưởng tượng hư cấu của truyện kể với nhiều chi tiết hoang đường, người kể đưa người đọc trở vế với quy luật tự nhiên thường thấy trong cuộc sống, nhắc nhở họ vế những hiện tượng vẫn thường diễn ra để từ đó biết trần quý công lao của những bậc tiền nhân.  **NV6**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Truyện có ý nghĩa gì?Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | ***3. Đọc- kể tóm tắt***  - Nhân vật chính:  Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - PTBĐ: tự sự  **Bố cục:** 3 phần  - P1: Từ đầu ->*mỗi thứ một đôi*: Vua Hùng 18 kén rể.  - P2: Tiếp theo ->*Thần nước đành rút lui*: Sơn Tinh đến trước và cuộc giao tranh xảy ra.  - P3: Còn lại: Chiến thắng của Sơn Tinh và sự trả thù hàng năm về sau của Thuỷ Tinh.    **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Vua Hùng kén rể***  - Lí do vua Hùng kén rể: Mị Nương xinh đẹp, hiền dịu. Vua yêu con, muốn chồng xứng đáng cho con -> Quan niệm xưa: Trai tài – gái sắc; Anh hùng – mĩ nhân.  - Đặc điểm hai nhan vật ST và TT:  + Đến từ vùng xa thẳm của tự nhiên  + Cả hai đều có nhiều phép lạ và tài năng phi thường  🡪 Vua Hùng không biết chọn ai.  - Vua Hùng ra điều kiện:  + Ai mang lễ vật đến sớm sẽ được lấy Mị Nương.  + Lễ vật gồm: *100 ván cơm nếp, 100 nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi …*  ***2. Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh:***  + Nguyên nhân: Sơn Tinh đến trước, rước Mị Nương về núi. Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, nổi giận đem quân đuổi đánh Sơn Tinh.  - Diễn biến:  + TT hô mưa gọi gió làm thành dông bão, dâng nước đánh Sơn Tinh.  + Sơn Tinh không hề run sợ, chống cự một cách quyết liệt: bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành luỹ đất để ngăn lũ… nước dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu…  - Kết quả:  + Sơn Tinh thắng, TT thua đành phải rút quân.   + Hàng năm TT lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua.  **3.Ý nghĩa hình tượng nhân vật**  - Sơn Tinh, Thuỷ Tinh là những nhân vật hoang đường, kì ảo do người xưa tưởng tượng ra.  - Nhân dân ta xây dựng hai hình tượng nhân vật này nhằm mục đích giải thích các hiện tượng thiên nhiên thời tiết:  + Thủy Tinh là thần Nước, tượng trưng cho sức mạnh mưa gió, bão lụt hàng năm.  + Sơn Tinh là thần Núi, đại diện cho sức mạnh vĩ đại của nhân dân ta trong việc đấu tranh chống bão lụt hàng năm. Tầm vóc vũ trụ, tài năng và khí phách của ST là biểu tượng sinh động cho chiến công của người Việt cổ.  -> Thể hiện ước mơ của nhân dân ta trong việc chiến thắng thiên tai.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Truyện giải thích hiện tượng mưa bão lũ lụt xảy ra hàng năm ở đồng bằng Bắc Bộ thuở các vua Hùng dựng nước.  \* *Ý nghĩa*: Thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự thiên tai bảo vệ cuộc sống của người Việt cổ.  **b. Nghệ thuật**  - Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo có tính khái quát cao.  - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

*1.* Đóng vai một trong các nhân vật Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, vua Hùng, Mị Nương để kể lại câu chuyện?

2. Thử tượng tưởng em là Thuỷ Tinh và nêu suy nghix, cảm xúc nhân vật sau khi bị thua cuộc.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu) tưởng tượng về ngoại hình của nhân vật.

GV đưa ra yêu cầu: các nét miêu tả ngoại hình nhân vật có thể tự do, phóng khoáng nhưng cần dựa trên các chi tiết về tài năng, hành động… của nhân vật trong truyện.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp – Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**



**Kí duyệt:**

**.......................................................................................**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 78 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy và biết sử dụng dấu chấm phẩy trong việc viết câu và đoạn văn.

- HS nhận biết được cấu tạo của từ HV có yếu tố thuỷ (nước) nhằm phát triển vốn từ HV, nhận biết được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng xuất hiện trong văn bản đọc hiểu.

- Củng cố kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ qua việc tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ cũng như chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ này.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực dùng , các phép tu từ và tác dụng của chúng.

- Năng lực nhận biết và sử dụng dấu chấm phẩy trong viết câu, đoạn văn.

- Năng lực nhận biết từ Hán Việt, nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: *Khi đọc một văn bản, em thường thấy có những dấu câu nào? Hãy kể tên và nêu tác dụng của những dấu câu đó?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV dẫn dắt: Các dấu câu có vai trò quan trọng trong tạo lập văn bản. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về dấu chấm phẩy.  *HS tiếp nhận nhiệm vụ.* | HS lắng nghe và huy động kiến thức đã có về dấu chấm phẩy, từ HV, phép tu từ điệp ngữ |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về dấu chấm phẩy, phép tu từ điệp ngữ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về dấu chấm phẩy, phép tu từ điệp ngữ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *Em hãy nêu hiểu biết của mình về dấu chấm phẩy?*  - GV đưa ra bài tập mẫu: Tìm dấu chấm phẩy trong câu sau và nêu tác dụng  *a) Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.*  (Thạch Lam)  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa 2 vế của câu ghép.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV chuẩn kiến thức:** Có thể thay bằng dấu phẩy và nội dung của câu không bị thay đổi. | **I. Dấu chấm phẩy**  - Công dụng: dùng để ngắt các thành phần lớn trong một câu, thường các thành phần này có quan hệ đồng đẳng, mang tính liệt kê.  - Vị trí: đặt ở cuối dòng có tính liệt kê. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. HS đọc đoạn văn, thảo luận nhóm, trình bày nhận xét về vị trí, công dụng của dấu chấm phẩy trog đoạn văn, tương quan của hai bộ phận trước và sau dấu chấm phẩy.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 2**  GV hướng dẫn HS: để viết đoạn văn cần trả lời hai câu hỏi  *+ Em dự định viết đoạn văn chủ đề gì?*  *+ Em dự định dùng dấu chấm phẩy ở chỗ nào, câu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS viết vào vở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Sau khi HS  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm và nêu cấu tạo từ HV bài 3  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: thuỷ canh, thuỷ sản…  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  Gv yêu cầu HS dựa vào VB đọc có chứa các từ ngữ liên quan đến các thành ngữ để hiểu ý nghĩa của chúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV5:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  GV nhắc lại kiến thức: BPTT điệp ngữ dùng để liệt kê, nhấn mạnh, gây ấn tượng với người đọc, người nghe.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1/ trang 13**  HS tự làm vào vở    **Bài 2/ trang 13**    **Bài  3/ trang 13**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Yếu tố HV A | Từ HV thuỷ+A | Nghĩa của từ | | 1 | Cư | Thuỷ cư | Sống ở trong nước | | 2 | quái | Thuỷ quái | Quái vật sống dưới nước | |  | ….. | …... | ….... |     **Bài 4/ trang 13**   * Hô mưa gọi gió: người có sức mạnh siêu nhiên, có thể làm được những điều kỳ diệu, to lớn * Oán nặng thù sâu: sự hận thù sâu sắc, khắc cốt ghi tâm, ghi nhớ ở trong lòng, không bao giờ quên được.   Thành ngữ được tạo nên bằng cách đan xen các từ ngữ theo cách tương tự đó là: Góp gió thành bão, đội trời đạp đất, dãi nắng dầm mưa, chân cứng đá mềm, chém to kho mặn.    **Bài 5/trang 13**  *- Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng,* nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức, mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.  *- Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay* ***về*** *phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.* […] *Một người ở miền biển, tài năngcũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa* ***về:*** liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì.  *- Nước ngập ruộng đồng nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước:* liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận của Thuỷ Tinh. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu) sử dụng phép tu từ điệp ngữ.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp – Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

.........................................................................................................................................

Ngày soạn

Ngày dạy:

**Tiết 79+80:VĂN BẢN 3. AI ƠI MỒNG 9 THÁNG 4**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: nhớ ơn, tự hào về truyền thống của lịch sử dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh, video về lễ hội Gióng.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS quan sát video về lễ hội Gióng và đặt câu hỏi: *Lễ hội trên gợi nhắc em đến văn bản nào đã học?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  GV dẫn dắt: Từ truyền thuyết Thánh Gióng, nhan dân ta tổ chức hội Gióng nhằm nhớ ơn công lao của Gióng và cũng để nhắc nhở con cháu mai sau về truyền thống đấu tranh hào hùng, tinh thần yêu nước trong lịch sử dân tộc. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu. | - HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV hướng dẫn cách đọc:  GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *phỗng, phù giá, xà cạp*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  1. Đọc, tìm hiểu chú thích |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: *Xác định bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: chia 3 phần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  1. *Văn bản này thuật lại sự kiện gì?*  *2. Đoạn mở đầu của văn bản nêu rõ những thông tin gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:   1. VB này thuật lại sự kiện lễ hội Gióng vào ngày 9/4 âm lịch tại xã Phù Đổng – Gia Lâm – Hà Nội   2. Đoạn mở đầu của VB cho biết các thôn tin về sự kiện, thời gian diễn ra, bối cảnh (có mưa, mưa dông), tính chất, đặc điểm lễ hội (là một trong hững lễ hội lớn nhất ở khu vực đồng bằng BB).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Hội Gióng diễn ra ở những địa điểm nào?*  *+ Những địa điểm đó nhắc em nhớ đến các chi tiết nào trong truyền thuyết TG?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Một số địa danh diễn ra hội Gióng như Cố Viên, Miếu Ban, Đền Mẫu, Đền Thương.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung: cho HS xem thêm một số tranh ảnh về các di tích này với học sinh.  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành phiếu bài tập để tìm hiểu về tiến trình của lễ hội.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  HS nêu được thứ tự, thời gian, không gian, sự kiện, người tham gia lễ hội.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Hãy tìm một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS liệt kê các hình ảnh, hoạt động:  Một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội đã được tác giả bài viết giải thích rỏ ý nghĩa tượng trưng như:   * Lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng, ngày mồng 8: tượng trưng cho việc tôi luyện vũ khí trước khi đánh giặc; * Hội trận mô phỏng cảnh Thánh Gióng đánh giặc; * 28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục đẹp tượng trưng cho 28 đạo quân thù; * 80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quấn xà cạp là quân ta; * Dăm ba bé trai cầm roi rồng, mặc áo đỏ đi dọn đường, tượng trưng cho đạo quân mục đổng; * Cảnh chia nhau những đồ tế lễ tượng trưng cho việc xin lộc Thánh để được may mắn trong cả năm; * Ngày 12 là lễ rước cờ tượng trưng cho việc báo tin thắng trận với trời đất, thiên hạ hưởng thái bình.   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV6**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Theo em, hội Gióng có ý nghĩa gì ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:   Lễ Hội Gióng là một di sản vô giá của văn hoá dân tộc, là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liên và trần thế… Lễ hội cần được bảo tồn và phát huy để giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp cho muôn đời.  **NV7**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | ***2.* Bố cục:** 3 phần  - P1: Từ đầu ->*đồng bằng Bắc Bộ*: giới thiệu về hội Gióng  - P2: Tiếp theo ->*viên hầu cận:* Tiến trình hội Gióng.  - P3: Còn lại: Ý nghĩa của hội Gióng    **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Giới thiệu hội Gióng***  - Tên: lễ hội Gióng hay hội làng Phù Đổng.  - Thời gian: 9/4 âm lịch  - Địa điểm: xã Phù Đổng – Gia Lâm – Hà Nội    - Lễ hội diễn ra trên khu vực rộng lớn.    ***2. Tiến trình của hội Gióng***  - Thời gian chuẩn bị: 1/3-5/3  - Lễ hội bắt đâu  +  Mùng 6: lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay lên đền Thượng  + Mùng 9: chính hội, có múa hát thờ, hội trận và khao quân  + Mùng 10: lễ duyệt quâ, tạ ơn Thánh  + Ngày 11,12: lễ rửa khí giới và lễ rước cờ báo tin thắng trận.  🡪 Lễ hội diễn ra trang trọng, đủ nghi thức với nhiều hoạt động.    - Lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc và thể hiện sự tôn kính, trân trọng truyền thống lịch sử dân tộc.    ***3. Ý nghĩa của hội Gióng***    -  Di sản văn hoá vô giá của văn hoá dân tộc.  🡪 cần được bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của muôn đời.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  - Giới thiệu về lễ hội đền Gióng. Qua đó thể hiện được nét đẹp văn hoá tâm linh và truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc.  ***2. Nghệ thuật***  - Sử dụng các phương thức thuyết minh, ngắn gọn, súc tích. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Em hãy lập sơ đồ tư duy và thuyết minh ngắn gọn về lễ hội Gióng ở nước ta.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu) nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của lễ hội Gióng ở nước ta.

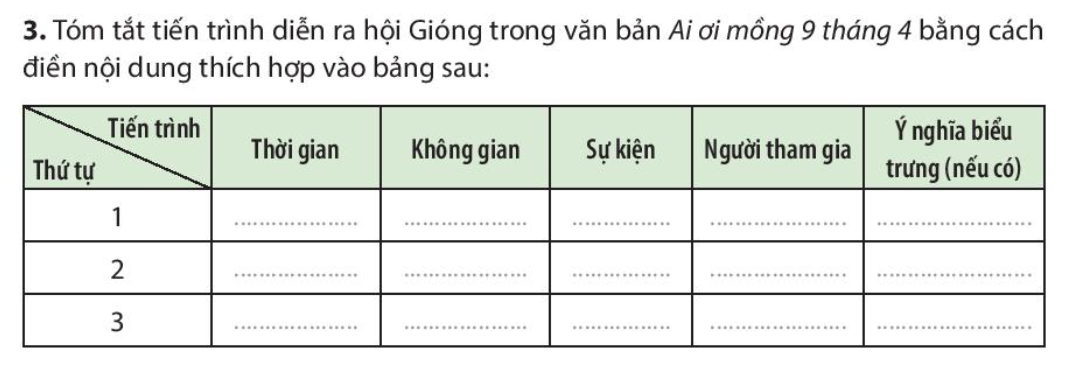
*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp – Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V.  HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Phiếu bài tập**



**Kí duyệt:**

...............................................................................................................................Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 81+82+83+84:VIẾT VÀ THỰC HÀNH**

**VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS thấy được chức năng của kiểu VB thuyết minh thuật lại một sự kiện trong đời sống cũng như đặc điểm cơ bản của nó.

- HS viết được bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem qua, nghe sách báo, truyền hình, truyền thanh.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏ.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS: nhớ lại một lễ hội hoặc một sinh hoạt văn hoá mà các em đã từng tham gia, chứng kiến hoặc biết đến qua sách báo, truyền hình  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài:* Các em vừa đọc xong một Vb tường thuật lại lễ hội Gióng, một sinh hoạt văn hoá dân gian. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại văn bản thông tin. Các em cũng đã đọc lời dẫn trong sách. Bây giờ các em đã sẵn sàng để viết một bài văn tương tự chưa? Chúng ta sẽ cùng nhau tiến hành công việc này ngay bây giờ. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh lại một sự kiện**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài vănthuyết minh lại một sự kiện.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  *+ HS lấy dẫn chứng từ VB Ai ơi mồng 9 tháng 4 để minh hoạ cho những yêu cầu đó.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Yêu cầu đối vói bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện:***   * Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chửng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù họp. * Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian). * Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí. * Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc. * Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của bài văn thuyết minh

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu: Bài viết tham khảo kể về một hội chợ xuân được tổ chức ở trường học mà người viết từng tham gia, trải nghiệm. Bài viết thông tin một cách tương đối chi tiết về sự kiện, kèm theo  cả những nhận xét, đánh giá, cảm nghĩ của người viết về sự kiện.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau:  *+ Vì sao em biết VB này sử dụng ngôi kể thứ nhất?*  *+ Phần nào đoạn nào của bài viết giới thiệu về sự kiện?*  *+ Những chi tiết nào giới thiệu về bối cảnh để người đọc hiểu về sự kiện?*  *+ Bài viết tường thuật theo trình tự nào?*  *+ Những từ ngữ nào thể hiện nhận xét, đánh giá của người viết trước sự kiện được tường thuật?*  - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Người thuyết minh xưng “tôi”: *trường tôi, tôi được tham gia, tối được thấy lẩn đầu tiên,…*  + Phần mở đẩu đã giới thiệu bối cảnh, mục đích tổ chức hội chợ xuân.  + Thời gian: cuối năm âm lịch, sắp đến Tết; không gian: trong sân trường; diễn biến sự kiện: toàn bộ quá trình diễn ra hội chợ xuân từ việc chuẩn bị đến ngày diễn ra hội chợ, các hoạt động được tổ chức trong sân trường vào ngày hôm đó: khai mạc, hoạt động mua bán, vui choi,…  + Trật tự thời gian: *8 giờ sáng, sau, liền sau đó, đồng thời, 6 giờ chiều;* trình tự nguyên nhân – kết quả: chuẩn bị -> khai mạc -\* diễn biến -> kết thúc  + *ấn tượng rất sâu sắc; cảm nhận; kỉ niệm đáng nhớ; được sống trong một bầu không khí rộn rã, vui tươi;…*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **2. Phân tích bài viết tham khảo** |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau:  Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn thuyết minh lại một sự kiện  Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em (một sinh hoạt văn hoá)  PHIẾU TÌM Ý   |  |  | | --- | --- | | Sự kiện gì? |  | | Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì? | …..................... | | Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu? | …..................... | | Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì? | …..................... | | Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào? | …..................... | | Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì? | …..................... |   - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS viết bài tại lớp.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | 2. Các bước tiến hành  **Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **Viết bài**  **Chỉnh sửa bài viết** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp – Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

......................................................................................................................................................Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 85: NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS chọn được truyền thuyết cần kể.

- HS kể lại truyền thuyết một cách đầy đủ, chính xác, hấp dẫn.

- HS biết cách nói và nghe phù hợp: người nói là người nắm rõ câu chuyện, tường thuật theo lối kể thông thường.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh, video về lễ hội Gióng.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS xem lại bài viết  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài:* Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành nói về một trải nghiệm của em trước lớp. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: yêu cầu HS đọc lại, nhớ lại truyền thuyết định kể, những nội dung quan trọng của truyền thuyết mà khi lể lại không thể bỏ qua.  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  + Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | 1. **Chuẩn bị bài nói**   **2. Các bước tiến hành**  - Xác định mục đích nói và người người nghe.  - Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **3. Trình bày bài viết** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS vận dụng, kể lại một truyện truyền thuyết khác mà em đã nghe đã đọc.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp – Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

......................................................................................................................................................  
**Tuần 22.Bài 7. THẾ GIỚI CỔ TÍCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.

- Nêu được ấn tượng chung về VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, để tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.

- Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói và nghe. Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích.

- Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản trong bài học.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện và phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Sống vị tha, yêu thương con người; trung thực, khiêm tốn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh minh hoạ cho các truyện cổ tích

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A:GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: *Ngày nhỏ, em có từng được nghe bà hoặc mẹ kể chuyện cổ tích không? Em thích nhất truyện cổ tích nào? Hãy chia sẻ cùng cả lớp*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + *GV dẫn dắt:* Truyện cổ tích đã gắn vói tuổi thơ mỗi người qua những lời kể của bà, của mẹ. Những sáng tác dân gian ấy trong lành như nước nguồn ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra. | HS kể tên được một số truyện cổ tích đã học |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: *Phần giới thiệu bài học muốn nói với chung ta điều gì?*  HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  Gv chuẩn kiến thức:  + Ý thứ nhất giới thiệu thể loại của bài học thông qua các VB đọc hiểu. Lời giới thiệu phác hoạ đặc điểm, tinh thẩn cơ bản cùa thế giới truyện cổ tích với nhân vật cổ tích (thiện ác rõ ràng, thưởng phạt phân minh), yếu tố hoang đường kì ảo (những phép màu, những điểu ki lạ, khác thường), cốt truyện (li kì, huyền ảo).  + Ý thứ hai hướng chúng ta đến việc tự đọc và khám phá, rút ra những bài học đời sống, những triết lí nhân sinh rất thực, rất rõ ràng từ thế giới cồ tích hoang đường, kì ảo. Sau khi đọc, thưởng thức các truyện cổ tích, các em có thể kể lại được những câu chuyện đó bằng ngôn ngữ của các em (bài văn kể lại truyện cổ tích). | **1. Giới thiệu bài học**  - Giới thiệu đặc điểm của truyện cổ tích: nhân vật, cốt truyện cổ tích.  - Truyện cổ tích với những bài học cuộc sống, những triết lí nhân sinh sâu sắc. |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về truyền thuyết, kể tên các truyện truyền thuýet đã đọc.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Truyện cổ tích là gì? Những yếu tố như nhân vật, người kể chuyện, cốt truyện, yếu tố kì ảo trong truyện cổ tích có đặc điểm gì?*  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Em đã biết những truyện cổ tích nào? Em biết các truyện trong hoàn cảnh nào?*  *+ Hãy tóm tắt và xác định nhân vật chính của một truyện cổ tích.*  *+ Chỉ ra yếu tố hoang đường, kì ảo trong các truyện đã học.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **Truyện cổ tích**  Truyện cổ tích lả loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận và cuộc đời của các nhân vật trong những mối quan hệ xã hội. Truyện cồ tích thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.  **Một số yếu tố của truyện cổ tích**   * Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ đồi thay số phận của chính họ. * Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác). * Các chi tiết, sự việc thường có tỉnh chất hoang đường, kì ảo. * Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện. * Lời kể trong truyện cồ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tuỳ thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đổi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Chọn 1 truyện cổ tích yêu thích và liên hệ với tri thức ngữ văn vừa đọc:

* Tóm tắt cốt truyện
* Xác định nhân vật chính
* Chỉ ra yếu tố hoang đường, kì ảo sử dụng trong truyện

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:Theo em, tại sao truyện cổ tích lại có các yếu tố kì ảo, hoang đường?*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**B: Đọc văn bản và thực hành Tiếng Việt**

**Tuần 22 Tiết 86- 87 VĂN BẢN 1. THẠCH SANH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- HS nêu được ấn tượng chung về văn bản.

- HS xác định được chủ đề của câu chuyện.

-HS tóm tắt được câu chuyện.

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại truyện cổ tích: các kiểu nhân vật, các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, lời kể chuyện…

- HS nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thạch Sanh*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thạch Sanh*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Sống vị tha, yêu thương con người; trung thực, khiêm tốn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện Thạch Sanh

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ:  *Hãy tưởng tượng, vẽ một con vật kì ảo trong truyện cổ tích em đã đọc và giới thiệu về con vật đó.*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV dẫn dắt: | - HS nêu suy nghĩ về người anh hùng.  - Thiết kế và trình bày lai lịch của một người anh hùng mà mình ngưỡng mộ. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Thạch Sanh thuộc thể loại truyện gì? Nhắc lại khái niệm?*  *-* GV hướng dẫn cách đọc: : to, rõ ràng, nhấn mạnh những chiến công của Thạch Sanh. Thể hiện giọng của từng nhân vật: Thạch Sanh thật thà, tin người; mẹ con Lí Thông nham hiểm, độc ác.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó:  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV bổ sung:** Tuy Thạch Sanh mồ côi, nhưng chủ yếu truyện khắc họa hình ảnh người dũng sĩ  tài năng dũng cảm cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa, chiến thắng quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin vào đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hoà bình của nhân dân ta. | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Thuộc truyện cổ tích kể về người dũng sĩ tài năng dũng cảm. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Tóm tắt văn bản Thánh Gióng bằng cách sắp xếp đúng thứ tự các sự kiện (theo PHT)*  *+ Truyện Thạch Sanh có những nhân vật nào? Nhân vật nào là chính? Vì sao em xác định như vậy?*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Tóm tắt văn bản  1. Thạch Sanh là thái tử do Ngọc Hoàng sai xuống đầu thai làm con của hai ông bà lão nghèo ở quận Cao Bình.  - Bà mẹ mang thai TS mấy năm mới sinh. Lớn lên cậu được thiên thần dạy võ nghệ và phép thần thông.  2. Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông, bị Lí Thông lừa đi canh miếu thờ thế mạng, TS giết chằn tinh chặt đầu đem về, lại bị Lí Thông lừa, TS trở về gốc đa sống bằng nghề kiếm củi.  3. Lí Thông cướp công TS, được vua ban thưởng phong cho làm quận công.  4. Công chúa bị đại bàng bắt đi, vua sai LT đi tìm. LT nhờ Thạch Sanh giúp đỡ, TS xuống hang giết đại bàng cứu công chúa, bị Lí Thông lấp kín cửa hang.  5. TS cứu Thái Tử con vua Thủy Tề, được thưởng cây đàn thần.  6. Hồn chằn tinh và đại bàng lập mưu hãm hại, TS bị bắt vào ngục. Chàng gảy đàn, tiếng đàn chữa khỏi bệnh câm cho công chúa. Thạch Sanh được giải oan. TS tha tội cho mẹ con LT nhưng chúng đã bị sét đánh chết và biến thành bọ hung.  7. TS cưới công chúa, hoàng tử các nước chư hầu kéo quân tiến đánh, TS đem đàn ra gảy, quân lính ... các hoàng tử cởi giáp xin hàng.  8. TS mời cơm quân sĩ 18 nước chư hầu, niêu cơm tí xíu mà ăn mãi không hết.  9. Vua nhường ngôi cho TS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - GV đặt câu hỏi chuyển ý bằng câu hỏi: Sau khi đọc xong truyện, em có thích truyện Thạch Sanh không? Vì sao?  GV khuyến khích HS bày tỏ chân thật, hồn nhiên cảm xúc và suy nghĩ của mình  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  - GV đặt câu hỏi:  + *Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh*  GV khuyến khích HS bày tỏ chân thật, hồn nhiên cảm xúc và suy nghĩ của mình  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS tóm tắt được các chi tiết về hoàn cảnh ra đời của TS  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  ***Gv bổ sung:*** Chi tiết khác thường:  Nhận vật mồ côi, nhà nghèo là một kiểu dạng nhân vật điển hình, xuất hiện trong những câu chuyện cổ tích VN. Đó cũng là sự hình tượng hoá kiểu thân phận điện hình trong xã hội phong kiến VN trước đây.  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  HS thảo luận theo nhóm: Phiếu bài tập số 1 (bài 1,2)  *a. Hãy liệt kê những chi tiết miêu tả hành động của TS. Qua những lần thử thách ấy, em thấy TS bộc lộ những phẩm chất gì?*  *b. Nếu sau khi trở về cung, công chúa không bị câm thì theo em điều gì sẽ xảy ra?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  a. TS trải qua 4 thử thách  1. TS bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ để thế mạng. 🡪 TS giết chết chằn tinh.  2. TS xuống hang diệt đại bàng cứu công chúa, bị Lý Thông lừa lấp cửa hang 🡪 TS cứu thái tử con vua Thủy tề và được vua Thủy tề tặng cây đàn thần.  3. Hồn chằn tinh và đại bàng bày mưu báo thù, Thạch Sanh bị bắt hạ ngục. 🡪 Tiếng đàn của Thạch sanh chữa khỏi bệnh cho công chúa, TS được giải oan và kết hôn cùng công chúa.  4. Hoàng tử 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh. 🡪 TS gảy đàn, quân 18 nước chư hầu xin hàng.  b. Nếu công chúa không bị câm, có thể nhà vua đã gả cho Lí Thông.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức và bổ sung:   * Nàng công chúa không nói, không cười thuộc mô-típ *người câm* quen thuộc trong truyện cổ tích. Đây là một sự hình tượng hoá các nhân vật đang mang chịu một nỗi uất ức hay che giấu một điểu bí mật nào đó chưa thể hoặc không thê’ tiết lộ ra. Đó cũng là một hình thức “giãn cách” thời gian tạm thời để chờ đợi sự xuất hiện của nhân vật chính. Nàng công chúa trong truyện *Thạch Sanh* không nói gì như một hình thức từ chối/ không nhận kẻ giả mạo Lý Thông. Chỉ đến khi nghe tiếng đàn của Thạch Sanh (nhân vật chính đã xuất hiện trở lại), công chúa mới lên tiếng để trao cho Thạch Sanh cơ hội vạch mặt kẻ giả mạo. * Nếu công chúa không bị câm thì có thê’ nàng sẽ nói cho nhà vua biết toàn bộ sự thật và câu chuyện sẽ đi theo một kết cục khác. Tuy nhiên, đó không phải là dụng ý của tác giả dân gian. Chức năng giải mã bí mật, phơi bày sự thật, vạch mặt kẻ giả mạo trong câu chuyện này không được đặt ở nhân vật công chúa.   Gv chuyển ý:  Đối lập với TS là LT, một kẻ xảo trá, hèn nhát bất tài, ích kỉ, tham lam, độc ác (biểu hiện của kẻ ác)  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi :**  ***- GV yêu cầu HS:***  ***1.*** *Hãy liệt kê các chi tiết miêu tả hành động của Lí Thông? Qua đó em nhận xét gì về nhân vật này?*  *2. Hãy chỉ ra sự đối lập giữa TS và LT*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **-** GV bổ sung: Như vậy, Thạch Sanh và Lí Thông đại diện cho 2 tuyến nhân vật thiện và ác trong truyện cổ tích.  **NV5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 1 trong PBT.: *Liệt kê các con vật và đồ vật kì ảo xuất hiện trong truyện? Ý nghĩa của các chi tiết*  - HS tiếp tục thảo luận và nêu ý nghĩa của chi tiết:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Các con vật kì ảo: trằn tinh, đại bàng  các đồ vật thần kì: chiếc cung tên vàng, cây đàn thần, niêu cơm thần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức  **NV6**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *Truyện kết thúc như thế nào? Qua kết thúc này nhân dân ta muốn thể hiện điều gì? Kết thúc này có phổ biến trong truyện cổ tích không? Hãy nêu 1 số ví dụ....*  *Mẹ con Lý Thông dù được TS tha mạng nhưng vẫn bị sét đánh chết, biến thành bọ hung.*  *Cách kết thúc này có ý nghĩa gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  Truyện kết thúc có hậu, thể hiện tư tưởng của nhân dân “ở hiền gặp lành”. Kết hôn và lên ngôi là mô-tip quen thuộc thường thấy ở nhiều câu chuyện. Là phần thưởng mà tác giả dâ gian dành cho nhân vật tốt bụng, tài năng.  Đồng thời, những kẻ gieo gió ắt gặp bão. Mẹ con LT dù được TS bao dung, độ lượng tha tội nhưng vẫn bị trời trừng phạt. Thể hiện thái độ kiên quyết: Cái ác sẽ bị trừng trị đích đáng. Nếu chết đi, thì chưa đủ. Hai mẹ con còn bị biến thành bọ hung, loài vật... sống ở những nơi ... Những kẻ xấu xa bạc ác như mẹ con LT không chỉ bị trừng trị ở đời này kiếp này, mà mãi mãi về sau, cho dù có đầu thai kiếp khác cũng vẫn bị người đời xa lánh khinh rẻ.  **NV7**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Truyện có ý nghĩa gì?Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | ***3. Đọc- kể tóm tắt***  - Nhận vật:  +  Nhân vật chính: Thạch Sanh  + Nhân vật phụ: Mẹ con Lí Thông, vua, công chúa…  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - PTBĐ: tự sự  **Bố cục:** 4 phần  - Đoạn 1: Từ đầu =>*mọi phép thần thông:* Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh.  - Đoạn 2: Tiếp =>*phong cho làm quận công:* Thạch Sanh chiến thắng Chằn Tinh, bị Lý Thông cướp công.  - Đoạn 3: Tiếp =>*Hoá kiếp thành bọ hung*: Thạch Sanh đánh nhau với đại bàng, cứu công chúa và con trai vua Thuỷ Tề; Lý Thông bị trừng phạt.  - Đoạn 4: Phần còn lại: Hạnh phúc đến với Thạch Sanh.    **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nhân vật Thạch Sanh**  ***a. Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh***  - Nhà nghèo, sống một mình, làm nghề đốn củi kiếm ăn.  => gần gũi với nhân dân, có nguồn gốc từ nhân dân lao động.    ***b. Những thử thách và chiến công của Thạch Sanh***  - TS đã trải qua 4 thử thách :  1. TS bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ để thế mạng. 🡪 TS giết chết chằn tinh.  2. TS xuống hang diệt đại bàng cứu công chúa, bị Lý Thông lừa lấp cửa hang 🡪 TS cứu thái tử con vua Thủy tề và được vua Thủy tề tặng cây đàn thần.  3. Hồn chằn tinh và đại bàng bày mưu báo thù, Thạch Sanh bị bắt hạ ngục. 🡪 Tiếng đàn của Thạch sanh chữa khỏi bệnh cho công chúa, TS được giải oan và kết hôn cùng công chúa.  4. Hoàng tử 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh. 🡪 TS gảy đàn, quân 18 nước chư hầu xin hàng.  => Qua các thử thách, TS đã bộc lộ nhiều phẩm chất đáng quý:  + Thật thà chất phác,  + Dũng cảm, tài giỏi,  + Nhân ái, yêu hoà bình.    **2. Nhân vật Lí Thông**  Tính cách của LT bộc lộ qua các hành động :  - Gian trá, xảo quyệt  - Tàn nhẫn, vô lương tâm:  - Tiểu nhân, bạc nhược, thấp hèn    **3. Ý nghĩa của một số chi tiết thân kì**  - Tiếng đàn ... là đại diện cho công lý, thể hiện ước mơ về lẽ công bằng trong xã hội và tinh thần yêu hoà bình của nhân dân ta.  - Niêu cơm dù nhỏ nhưng ăn mãi không hết thể hiện ước mơ về một cuộc sống no ấm, tượng trưng cho tấm lòng nhân ái, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta.  🡪 Các chi tiết tưởng tượng kì ảo mang lại cho truyện màu sắc thần kì, đồng thời thể hiện sự tư tưởng của nhân dân : những người hiền lành, lương thiện sẽ luôn nhận được sự giúp đỡ.    **4. Kết thúc truyện**  - TS cưới công chúa, lên làm vua.  - Mẹ con LT bị sét đánh chết    => Kết thúc có hậu thể hiện ước mơ công lý xã hội (ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác) và ước mơ của nhân dân về sự đổi đời    **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: *Thạch Sanh* là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người...  - Ý nghĩa: Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện.  **b. Nghệ thuật**  - Chi tiết tưởng tượng kì ảo  - Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Đóng vai các nhân vât để tái hiện lại chiến công của Thạch Sanh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*  chia lớp thành 3 tổ, yêu cầu hoạt động cá nhân theo tổ

- Mỗi nhóm chọn một lá thăm trong đó có ghi lại một trong những chiến công của TS: giết chằn tinh, bắn đại bàng bị thương, đuổi giặc chư hầu bằng tiếng đàn.

- Hãy đóng vai các nhân vật kể lại những chiến công của TS.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

1. Trong cuộc sống, đôi khi có người thốt lên câu nói:

Thời buổi của khó người khôn

Thạch Sanh thì ít, Lí Thông thì nhiều

Theo em, những người như thế nào được gọi là Lí Thông? Thái độ của em với những hạng người đó như thế nào?

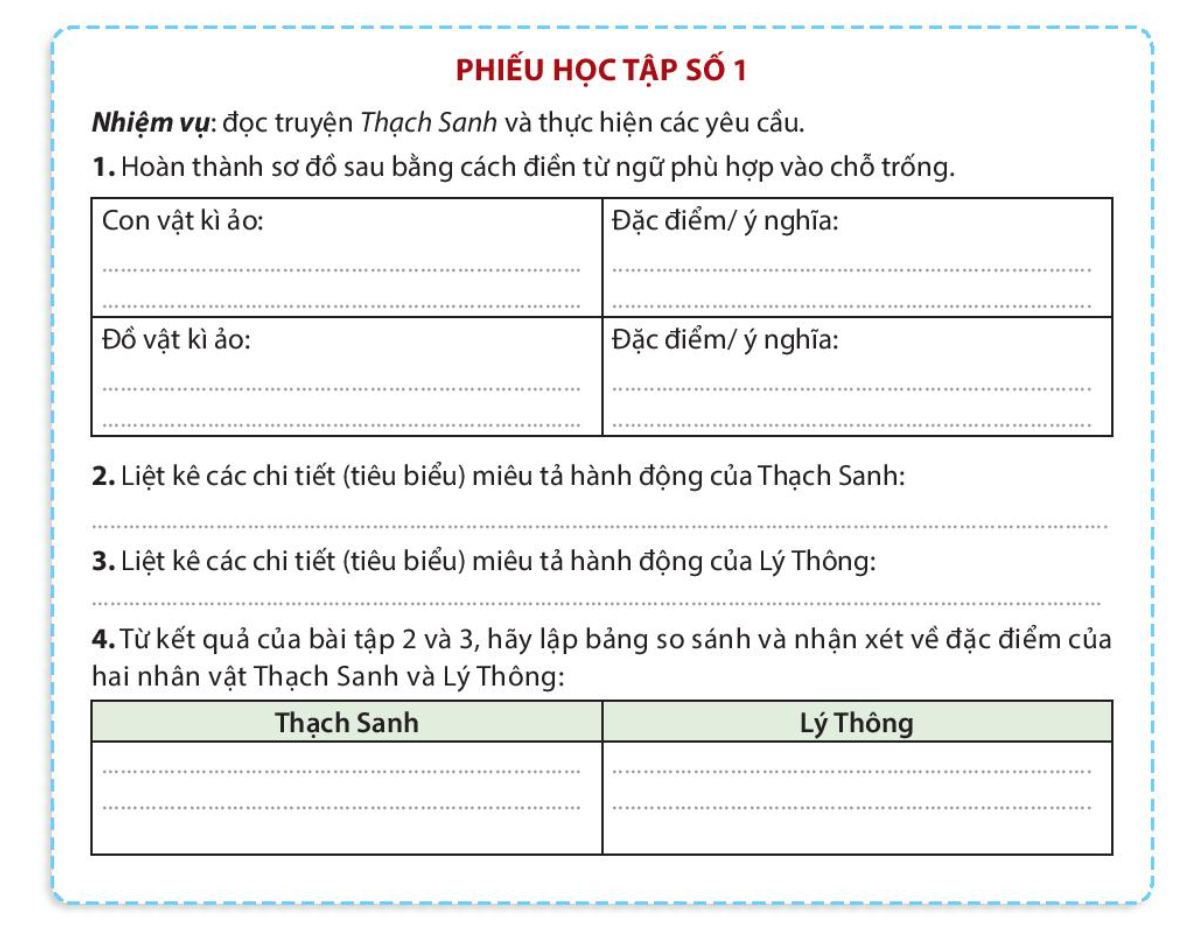
2. (Bài tập về nhà) Dũng sĩ là người có lòng dũng cảm, chiến đấu diệt trừ cái ác, bảo vệ cuộc sống của cộng đồng. Viết đoạn văn 5-7 câu kể về một dũng sĩ mà em gặp ngoài đời hoặc biết qua sách báo, truyện kể.

GV hướng dẫn HS: cần viết đúng chủ đề, cảm xúc chân thật.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

****

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Kí duyệt:**

**Ngày soạn:**

**Ngày day:**

**Tuần 22.Tiết 88:THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS hiểu và vận dụng được cách nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.

- Thấy được mối quan hệ giữa một số thành ngữ và các câu chuyện kể.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv dẫn dắt: Khi gặp từ khó trong một văn bản, chúng ta sẽ dùng những cách nào để hiểu nghĩa của chúng? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu. | HS nêu được cách giải nghĩa: sử dụng từ điển, đoán dựa vào những từ xung quanh . |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các cách giải nghĩa của từ.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi: Khi đọc một văn bản, các em làm thế nào để hiểu được nghĩa của những từ ngữ mà em thấy khó hiểu? Cho ví dụ  - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh:  Từ “tứ cố vô thân” trong câu văn sau có ý nghĩa gì? Em giải nghĩa từ đó dựa vào cách nào  *Vì sớm mồ côi cha mẹ,* ***tứ cố vô thân****, nây lại có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời và từ giữa gốc cây đa đến sống chung với mẹ con Lí Thông.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + Dự kiến sản phẩm: ***tứ cố vô thân*** (không có ai thân thích, họ hàng)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - GV củng cố kiến thức: Các em có thể suy đoán nghĩa dựa vào những từ xung quanh. Trong ví dụ trên, nghĩa của từ “tứ cố vô thân” có thể dựa vào nội dung của từ xung quanh “vì mồ côi cha mẹ” để suy đoán nghĩa. | **I. Ôn tâp lí thuyết**  **1. Nghĩa của từ** |
| **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh  **Bài tập thêm: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: sôi động, náo nhiệt, tốt, kém, cao, thấp? Giải nghĩa các từ vừa điền**  *Giờ trả bài tập làm văn là giờ /…/ nhất và thầy giáo thường đọc cho cả lớp nghe hai bài, bài được điểm /…/ nhất và bài điểm /…/ nhất.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm: *Giờ trả bài tập làm văn là giờ sôi động nhất và thầy giáo thường đọc cho cả lớp nghe hai bài, bài được điểm cao nhất và bài điểm thấp nhất.*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng: | **Bài tập**  **Giải thích nghĩa của các từ vừa điền:**  - Sôi động: nhiều biến động không ngừng.  - Cao: Hơn hẳn mức trung bình về số lượng hay chất lượng.  - Thấp: Dưới mức trung bình về trình độ, chất lượng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  - GV hướng dẫn HS kẻ bảng và hoàn thành bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:** làm bài tập 2, xác định nghĩa của từ trong câu nhờ phương pháp suy đoán.  *GV giải thích và phân tích ví dụ, để HS rút ra được nghĩa của từ “khéo léo”.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  Gv lưu ý HS: để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể tra từ điển để giải thích nhưng để tra nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn nên dựa vào các từ.  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 3, giải thích nghĩa của từ ngữ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thổi, chạy/nhờ.  - Cụm tính từ: chăm/làm ăn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS căn cứ vào đoạn kể trong truyện Thạch Sanh (từ TS sai dọn…. ăn hết lại đầy) để suy đoán được nghĩa của thành nhữ niêu cơm TS  - GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn. Các đội trong thời gian 2 phút tìm được những thành ngữ được hình thành từ các truyện kể.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: là niêu cơm ăn không bao giờ hết, nguồn cung cấp vô hạn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **Bài tập 1/ trang 30**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Yếu tố HV A** | **Nghĩa của yếu tố HV A** | **Từ HV A + giả** | **Nghĩa của từ** | | Tiên | Trước, sớm nhất | Gia tiên | Tổ tiên của gia đình | | Truyền | Trao, chuyển | Gia truyền | Được truyền lại qua các thế hệ trong gia đình | | Cảnh | Hiện trạng nhìn thấy | Gia cảnh | Hiện trạng của gia đình | | Sản | Của cải | Gia sản | Tài sản trong gia đình | | súc | Các loại thú nuôi | Gia súc | Các loại vật nuôi trong gia đình |     **Bài 2/ trang 30**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Từ ngữ | Nghĩa của từ | | 1 | Hiện nguyên hình | Trở về hình dạng vốn có | | 2 | Vu vạ | Đổ tội cho người khác | | 3 | Rộng lượng | Tấm lòng rộng rãi, dễ tha thứ, cảm thông với những sai lầm của người khác | | 4 | Bủn rủn | Không thể cử động được do gân cốt rã rời ra |   **Bài  3/ trang 31**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Từ ngữ** | **Ý nghĩa** | | 1 | Khoẻ như voi | Rất khoẻ | | 2 | Lân la | Từ từ đến gần, tiếp cận ai đó | | 3 | Gạ | Chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó | | 4 | Hí hửng | Vui mừng thái quá | | 5 | Khôi ngô tuấn tú | Diện mạo đẹp đẽ, sáng láng | | 6 | Bất hạnh | Không may, gặp phải những rủi ro khiến phải gặp đau khổ | | 7 | Buồn rười rượi | Rất buồn |   **Bài 4/ trang 31**  - Niêu cơm Thạch Sanh: là niêu cơm ăn không bao giờ hết, nguồn cung cấp vô hạn  - Một số thành ngữ hình thành từ các truyện kể: hiền như cô Tấm,... |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Kí duyệt:**

**..........................................................................................**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tuần 23.Tiết 89- 90. VĂN BẢN 2.CÂY KHẾ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS tóm tắt và nêu được ấn tượng chung về VB.

- HS xác định được chủ đề của câu chuyện.

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các đặc điểm của nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, không gian kì ảo;* công thức mở đầu; lời kể chuyện,...

- HS biết nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cây khế..*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cây khế..*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: thật thà, lương thiện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện Cây khế

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS thời gian 2 phút chuẩn bị: Hãy tưởng tượng em có một chuyến phiêu lưu đến hòn đảo kì diệu.  *GV đặt câu hỏi: Vì sao không gian đảo xa thường có nhiều điều bất ngờ, kì diệu? Em đã từng đặt chân đến một hòn đảo ngoài biển khơi xa lắc lần nào chưa?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV dẫn dắt: Đảo xa, nơi con người chưa khám phá chắc hẳn sẽ hấp dẫn các em bởi nơi ấy hoang sơ và còn nhiều điều kì bí. Hòn đảo xa mà chim thần đưa người em và người anh trong truyện Cây khế đã làm thay đổi cuộc sống của họ? Vậy ý nghĩa của sự thay đổi ấy là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay. | - HS kể ngắn gọn những suy nghĩ, tưởng tượng của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Cây khế thuộc thể loại nào trong truyện dân gian?*  *-* GV hướng dẫn cách đọc:  GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *làm rẽ, ta thán,tru tréo, ăn ráo ăn tiệt.*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV bổ sung:** | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Thể loại***  - Truyện *Cây khế*  thuộc thể loại truyện cổ tích |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Tóm tắt văn bản Cây khế? Chi tiết nào khiến em thích nhất?*  *+ Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - PTBĐ: tự sự  - Tóm tắt:  1. Hai anh em nhà nọ cha mẹ mất sớm, ở với nhau. Người anh lấy vợ, tham lam, lấy hết tài sản trong gia đình, chỉ để lại cho người em gian nhà lụp xụp và cây khế ngọt.  2. Một hôm, có con chim lớn đến ăn khế. Chim nói ăn khế sẽ trả vàng. Vợ chồng người em nghe theo và may  túi theo ba gang.  3. Chim đưa người em đến hang ngoai đảo xa, người em chỉ nhặt ít vàng, kim cương rồi về.  4. Người anh biết chuyện vợ chồng người em giàu có, nên đến đổi gia sản. Người em ưng thuận.  5. Người anh gặp chim thần và may một túi to như tay nải. Vì tham lam đựng nhiều vàng, kim cương nên nặng, chim buông xuôi đâm xuống biển. Người anh tham lam đã chết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV bổ sung:**  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  1. *Truyện được giới thiệu xuất hiện vào thời gian nào? Em có nhận xét gì về thời gian trong truyện.*  *2. Chi tiết nào giới thiệu về hoàn cảnh sống? Qua đó em có nhận xét gì về tính cách của các nhân vật.*  - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 2  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Thời gian : ngày xửa ngày xưa, ở một nhà kia  - Hoàn cảnh: cha mẹ mất sớm, hai anh em ở với nhau chịu khó làm lụng. Người anh lấy vợ, sinh ra lười biếng, sợ em tranh công nên chia tài sản cho vợ chồng người em một túp lều và 1 cây khế.  Người em: thức khuya dậy sớm, cố gắng làm lụng, chia ít tài sản cũng không ta thán  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm theo PHT số 2.  - GV đặt câu hỏi:  *+ Con chim đến ăn khế có phải con vật kì ảo không? Vì sao?*  *+ Hòn đảo xa có điều gì kì diệu? Điều kì diệu này đã giúp gì cho cuộc sống của người em sau đó.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  HS hoàn thành phiếu học tập  + Con chim đến ăn khế và nói “ăn một quả khế….”  + Con chim là con vật kì ảo trong truyện cổ tích vì có đặc điểm biết nói tiếng người, có phép thần kì: biết chỗ cất giấu của cải…  + Vợ chồng người em trở nên giàu có  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Truyện cổ tích Cây khế  thuộc kiểu truyện có nhân vật bất hạnh người em út hiền lành, lương thiện, chịu nhiều thiệt thòi đã được đền đáp xứng đáng. Qua đó thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội. Con chim thần xuất hiện là chi tiết kì ảo, tưởng tượng, đã mang đến điều kì diệu, thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật. Đồng thời cũng trừng phạt nhân vật người anh vì tham lam vật chất mà độc ác, vô nhân tính, quay lưng với chính người em của mình.  Đảo xa cũng là một không gian thần kì, kì ảo mang lại cho nhân vật những điều may mắn. Chi tiết này giúp cho truyện mang màu sắc thần bí, huyền diệu.  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi :*Em có suy nghĩ gì về kết thúc truyện?*  *+ Em rút ra được bài học gì qua truyện Cây khế?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Bài học rút ra cần sống hiền lành, lương thiện, không tham lam, độc ác, coi trọng tình cảm anh em trong gia đình.  **cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Truyện có ý nghĩa gì?Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | ***2. Đọc- kể tóm tắt***  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - PTBĐ: tự sự  **3. Bố cục:** 3 phần  - P1: Từ đầu ->*không đi lại với em nữa:* Giới thiệu về người anh và người em  - P2: Tiếp theo ->*cho chim bay về*: cuộc sống của người em và người anh thay đổi  - P3: Còn lại: người anh phải trả giá    **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Giới thiệu về người anh và người em***  - Người anh: lười biếng, tham lam, độc ác.  - Người em: chịu khó làm ăn, hiền lành, thật thà        ***2. Chim thần xuất hiện***  - Chim đến ăn khế và đền đáp cho người em.  - Người em may túi ba gang, chim thần đưa đến đảo xa và nhặt một ít vàng, kim cương ngoài cửa hang.    🡪 người em  trở nên giàu có  - Người anh: may túi to gấp ba lần, vào hẳn trong hang để nhặt và nhét đầy túi, ống tay áo, ống quần  🡪 người ah rơi xuống biển.    - Nhận xét: Truyện thể hiện ước mơ của nhân dân lao động, những người hiền lành, lương thiện sẽ được hưởng may mắn, hạnh phúc. Những người tham lam, độc ác sẽ bị trừng trị thích đáng.    **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Truyện kể về người anh tham lam, độc ác đã phải trả giá và người em chăm chỉ, hiền lành, lương thiện đã được đền đáp xứng đáng.  \* *Ý nghĩa*: Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác.  **b. Nghệ thuật**  - Xây dựng chi tiết kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện.  - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

*1.* Đóng vai một trong các nhân vật người em hoặc người anh để kể lại câu chuyện?

2. Hiện tượng anh em trong gia đình tranh giành tài sản có còn trong xã hội không? Em có suy nghĩ gì về điều này?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu) về một kết thúc khác cho truyện Cây khế.

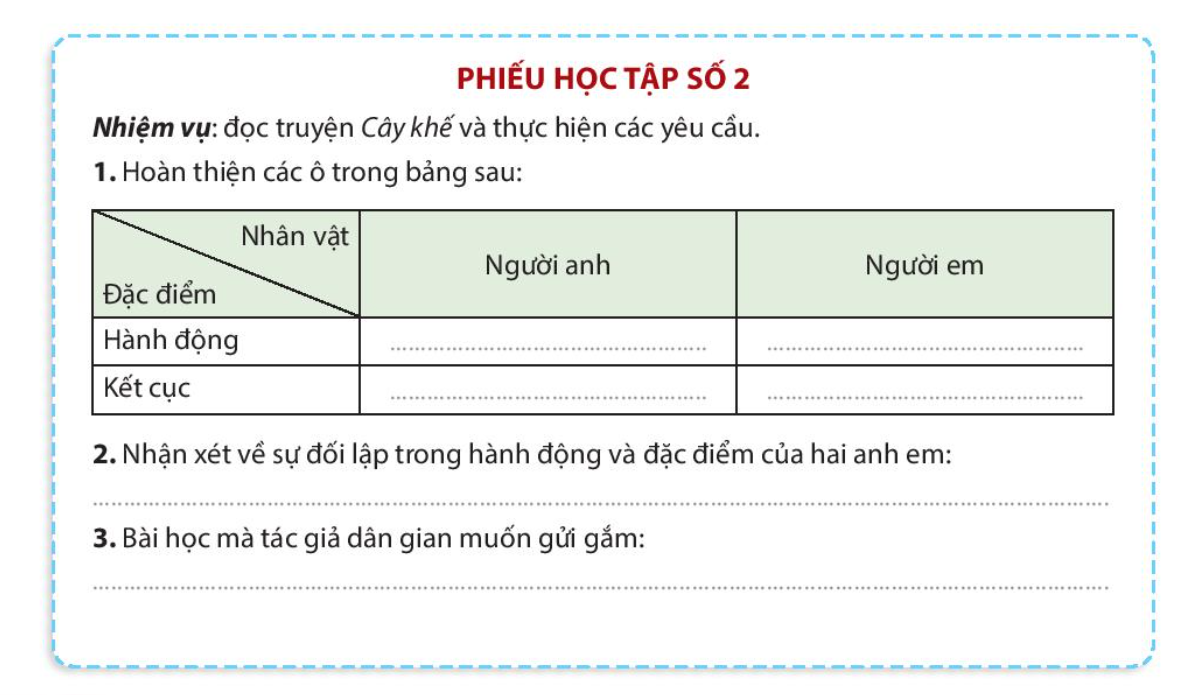
GV đưa ra yêu cầu: không phá vỡ tính chỉnh thể của thế giới cổ tích.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**



**Kí duyệt:**

...................................................................................................................................................

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 91:THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS hiểu nghĩa của từ ngữ trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp của văn bản hay biểu đạt dụng ý của người dùng.

- Củng cố kiến thức và thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.

- Năng lực nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV giới thiệu bài: Bài học hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục thực hành về xác định nghĩa của từ trong văn bản và thực hành phân tích tác dụng của phép điệp ngữ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | HS lắng nghe và huy động kiến thức đã có về các xác định nghĩa của từ, xác định phép điệp ngữ. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về nghĩa của từ, phép tu từ điệp ngữ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định nghĩa của từ, phép điệp ngữ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Em hãy nêu hiểu biết của mình về cách xác định nghĩa của từ*  *+ Nhắc lại phép điệp ngữ? Công dụng của phép điệp ngữ?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Ôn tập lí thuyết** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. Vận dụng cách suy đoán nghĩa đã học hoặc tra từ điển.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS  làm bài tập 2.**  a. GV hướng dẫn HS: tìm động từ hoặc cụm động từ thể hiện sự khác biệt về ngôn ngữ, ứng xử giữa vợ chồng người em và vợ chồng người anh trong cùng một hoàn cảnh, từ đó chỉ ra sự khác biệt giữa các nhân vật.  b. GV hướng dẫn HS tra cứu, suy nghĩ và giải thích nghĩa của những động từ, cụm động từ đã tìm được, tập trung vào những từ, cụm từ khó, hay.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS viết vào vở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm và nêu cấu tạo từ HV bài 3  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: thuỷ canh, thuỷ sản…  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  Gv gợi ý HS nghĩ đến một sự vật, hoạt động, đặc điểm nào đó mà em muốn nói đến và nhấn mạnh, từ đó viết 1 câu theo yêu cầu của bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1/ trang 35**  - (xanh) mơn mởn: xanh non, tươi  - Lúc lỉu: nhiều quả trên khắp các cành.  - Ròng rã: kéo dài, liên tục  - Vợi hẳn: giảm đi đáng kể    **Bài 2/ trang 35**  a.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Sự kiện** | **Vợ chồng người em** | | | **ĐT, CĐT** | **Đặc điểm** | | Chuẩn bị theo ra đảo | Nghe lời chim, may một túi | Từ tốn, biết điểm dừng | | Lên lưng chim để ra đảo | Trèo, trèo lên lưng | Ôn tồn, bình tĩnh | | Lấy vàng bạc trên đảo | Không dám vào, chỉ dám nhặt ít | Cẩn trọng, từ tốn, không tham lam |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Sự kiện** | **Vợ chồng người anh** | | | **ĐT, CĐT** | **Đặc điểm** | | Chuẩn bị theo ra đảo | Cuống quýt bàn cãi may túi, định may nhiều cái túi | Tham lam, nôn nóng | | Lên lưng chim để ra đảo | Tót, tót ngay lên lưng | Vội vã, sỗ sàng, thô lỗ | | Lấy vàng bạc trên đảo | Hoa mắt vì của quý, mê mẩn tâm thần quên đói, quên không nhặt thêm, cố nhặt vàng và kim cương | Tham lam vô độ, mất hết lí trí |   **Bài  3/ trang 36**  a. điệp ngữ: ăn mãi... ăn mãi  🡪 Tác dụng: nhấn mạnh ăn rất lâu và rất nhiều, như thể không bao giờ dừng.  b. điệp ngữ: bay mãi... bay mãi, hết.... đến, hết... đến  🡪 Tác dụng:  + nghĩa là bay rất lâu và xa.  + Điệp ngữ hết...đến là các khoảng không gian cứ nối tiếp nhau, tưởng chừng như vô tận, không có kết thúc.    **Bài 4/ trang 36**  - HS tự đặt câu |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu), trong đó có sử dụng phép tu từ điệp ngữ.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Chấm bài làm của HS | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 92+ 93:VĂN BẢN 3. VUA CHÍCH CHOÈ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS xác định được chủ đề của truyện.

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các đặc điểm của nhân vật, công thức mở đầu, kết thúc truyện…

- HS nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ một cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng, soá hoà nhã, thân thiện với mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV nhắc lại yêu cầu: trong tiết trước, cô giáo đã yêu cầu các nhóm vẽ một bức tranh về lâu đài hoặc cung điện trong truyện cổ tích mà em tưởng tượng ra  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá.  GV dẫn dắt: Trong thế giới cổ tích, những cung điện với đồ trang trí lấp lánh, nhiều phòng ốc cầu kì, những bữa tiệc cung đình hoành tráng hay những nàng công chúa xinh đẹp, chàng hoàng tử tài ba  luôn hấp dẫn và thu hút các em. | - HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV hướng dẫn cách đọc:  GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *thùng tô-nô, thịnh nộ, ẩm ương, hiệp sĩ, thượng vàng hạ cám*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Đọc, tìm hiểu chú thích*** |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: *Xác định bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: chia 3 phần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV bổ sung:**  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  1. *Công chúa được giới thiệu là người có ngoại hình và tính cách như nào?*  *2. Khi vua quyết định tìm phò mã cho con, công chúa đã thể hiện thái độ gì? Qua đó thể hiện đặc điểm gì ở nhân vật?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  1. Công chúa: xinh đẹp tuyệt trần, có tính cách kiêu ngạo và ngông cuồng, không ai vừa mắt nàng.  2. Nàng giễu cợt mọi người đến để kén rể và đặt cho họ những cái tên đầy chế giễu  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt tiếp câu hỏi:  *1. Trước cách cư xử của công chúa, vua cha đã có hình phạt gì?hình phạt này đã làm thay đổi như thế nào trong cuộc đời công chúa?*  - GV đặt tiếp câu hỏi, các nhóm thảo luận:  *2. Ai đã đóng giả thành “người hát rong”? Người hát rong đã yêu cầu công chúa làm những việc gì và mục đích của những yêu cầu đó?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  1. Nhà vua đã ban truyền sẽ gả công chúa cho người ăn mày đi qua hoàng cung, đây là hình phạt nặng nề vì công chúa sẽ phải theo chồng ra khỏi cung.  2. Người hát rong chính là vua chích choè và đã yêu cầu công chúa làm nhiều việc:  - Nhóm bếp nấu ăn  - Chẻ lạt đan sọt  - tập quay sợi dệt vải  - đi buôn nồi và bát đĩa  - chị phụ bếp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung:  Nhà vua nổi cơn thịnh nộ và ban truyền sẽ gả công chúa cho người ăn mày đẩu tiên đi qua hoàng cung. Đây là một hình phạt khá nặng nể dành cho công chúa, bởi ngay sau đó, theo lệ, công chúa phải theo chồng ra khỏi cung. Điểu đó cũng có nghĩa là từ giây phút ấy công chúa chính thức bị tước vương vị, trở thành thường dân, chấm dứt quãng đời được sống trong nhung lụa và bắt đẩu cuộc sống khổ cực của một người vợ anh chàng hát rong.  *Người đóng vai, người giả mạo,...* là một mô -típ nhân vật hấp dẫn, thú vị trong thế giới cổ tích. Đây là một kiểu nhân vật thường có chức năng chính là thử thách nhân vật chính, sau đó là ban thưởng hoặc trừng phạt. Trong câu chuyện này, nhân vật Vua chích choè đã đóng giả là người hát rong, với mục đích chính là đưa ra các thử thách cho nàng công chúa, dạy cho nàng một bài học và uốn nắn tính kiêu ngạo của nàng. Vì là nhân vật chức năng nên chỉ khi hoàn thành nhiệm vụ, nhân vật mới cởi bỏ lốt hoá trang và trở lại với thân phận thật của mình.  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu: *Trải qua bao gian nan, khổ cực, công chúa đã có kết cục như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thựsc hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  HS nêu được thứ tự, thời gian, không gian, sự kiện, người tham gia lễ hội.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV6**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Theo em, truyện có nội dung, ý nghĩa gì ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Mỗi người đểu có một giá trị nhất định và tất cả đểu bình đẳng như nhau. Người có địa vị nhưng kiêu căng, ngông cuồng, coi thường người khác thì cũng có thể đến một ngày rơi vào tình cảnh thấp hèn, khổ cực và bị người khác chê bai, nhạo báng. Vì vậy, điều quan trọng là phải biết tôn trọng và sống hoà nhã cùng mọi người.  GV có thể tổng kết: 3 truyện *Thạch Sanh*, *Cây khế, Vua chích choè* có 3 nhân vật với 3 tính xấu khác nhau: Lý Thông *(Thạch Sanh*) lừa bịp, cướp công người khác; người anh *{Cây khê)* thì tham lam, gian xảo; nàng công chúa *(Vua chích choè)* thì kênh kiệu, hay trêu ghẹo và coi thường người khác. Kết cục cả 3 nhân vật đều phải nhận lấy những hình phạt thích đáng. Riêng nàng công chúa thì đã được Vua chích choè giúp đỡ để nhận ra lỗi lầm và biết sống một cuộc sống có ích hơn nên cuối cùng đã được hưởng hạnh phúc. | ***2.* Bố cục:** 3 phần  - P1: Từ đầu -> đi qua hoàng cung: Công chúa trước khi kết hôn  - P2: Tiếp theo ->*làm đám cưới:* Công chúa sau khi kết hôn  - P3: Còn lại: Kết thúc truyện    **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Công chúa trước khi kết hôn***  - Ngoại hình: xinh đẹp  - Tính cách: kiêu ngạo, tinh nghịch, láu lỉnh    ***2. Cuộc sống của công chúa sau khi kết hôn***  - Nàng công chúa lấy một người hát rong và phải ra khỏi cung  🡪 trở thành thường dân, cuộc sống khổ cực.  - Nàng lao động và làm đủ mọi công việc vất vả  🡪 người chồng muốn dạy cho nàng một bài học và uốn nắn tính kiêu ngạo, trừng phạt tính thích nhạo báng người khác của nàng.    ***3. Kết thúc truyện***  - Nàng nhận ra mình đã làm những điều sai trái.  - Nàng kết hôn với Vua chích choè.    **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  - Nội dung:  Kể về cô công chúa xinh đẹp nhưng tính cách kiêu ngạo ngông cuồng. Vua chích choè đã tìm cách để dạy cho nàng một bài học và bỏ tính cách xấu.  - Ý nghĩa: cần phải biết tôn trọng và sống hoà nhã cùng mọi người.  ***2. Nghệ thuật***  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, sinh động. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Hãy đóng vai là công chúa và kể lại câu chuyện Vua chích choè.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu) nêu cảm nhận của em nhân vật công chúa trong văn bản Vua chích choè.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V.  HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Kí duyệt:**

.......................................................................................................................................................  
Ngày soạn:

Ngày dạy:

**C :VIẾT VÀ THỰC HÀNH**

**Tiết 94-95-96-97: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI TRUYỆN CỔ TÍCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết dùng ngôi thứ nhất để kể lại một truyện cổ tích đã biết. HS biết chọn nhân vật kể chuyện, điểm nhìn thích hợp; sử dụng lời kể phù hợp; biết cách kể lại truyện vừa đảm bảo nội dung của truyện gốc vừa có những sáng tạo mới mẻ.

- HS biết tóm tắt và kể lại một câu chuyện một cách trọn vẹn, đồng thời phát huy được trí tưởng tượng, năng lực sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ trần thuật, miêu tả.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏ.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu  HS: Các truyện cổ tích vừa học được kể từ ngôi thứ mấy?  *- Gv đặt câu hỏi: Thử tưởng tượng một nhân vật trong các truyện ấy hiện ra và kể lại câu chuyện liên quan đến mình thì nhân vật ấy sẽ kể lại như thế nào?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài:* Em hãy thử đóng vai một nhân vật để kể lại một truyện cổ tích mà em biết. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh lại một sự kiện**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài vănthuyết minh lại một sự kiện.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  *+ HS lấy dẫn chứng từ VB Ai ơi mồng 9 tháng 4 để minh hoạ cho những yêu cầu đó.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Yêu cầu đối vói bài văn đông vai nhân vật kể lại một truyện cồ tích:***   * Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện. * Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ờ truyện gốc. * Cần có sự sắp xếp hợp li các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giũa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo. * Có thể bổ sung các yểu tốmiêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của bài văn thuyết minh

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu: Bài viết tham khảo là bài văn đóng ai nhân vật Thạch Sanh để kể lại một phần truyện (từ xuất thân của TS đến đoạn đánh thắng đại bàng). Bài viết vừa trung thành với truyện gốc vừa có một số sáng tạo (thêm chi tiết, đặc biệt là diễn biến trận đấu với đại bàng; cách nhấn luớt các chi tiết, sự kiện, thêm vào các đánh giá cá nhân của nhân vật…)  - GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau:  *+ Vì sao Thạch Sanh lại xưng “ta” mà không xưng “tôi”, “mình”?*  *+  Đoạn nào của bài viết có tác dụng như mở bài? Cách vào bài bằng lời chào, cách đặt câu hỏi, hứa hẹn… có thu hút người đọc không?*  *+ Bài viết kể theo trình tự nào? (GV có thể hướng dẫn HS thống kê các hoạt động chính để tóm tắt lại diễn biến sự kiện) Diễn biến chính của câu chuyện có phù hợp với truyện gốc không?*  *+ Những chi tiết, sự kiện nào được người viết thêm vào?*  *+ Những từ ngữ nào thế hiện nhận xét, đánh giá của người kể chuyện?*  *+ Nhận xét về cách kết thúc bài viết*  - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Người kể xưng “ta” phù hợp với cách xưng hô của vị vua đứng đầu một nước.  + Đoạn đầu có vai trò như mở bài, cách chào, đặt câu hỏi…thu hút người đọc  + Các chi tiết được sắp xếp theo trình tự thời gian, tập trung vào các chi tiết kì ảo.  + Người viết có thêm vào một số lời kể, chi tiết: đoạn phát hiện và đánh nhau với đại bàng; các bình luận, đánh giá của nhân vật; lời kết;...  + Cách kết thúc truyện: nêu lí do kết thúc, tóm lược các sự kiện tiếp theo, nêu bài học tâm đắc  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - Dựa vào kết quả làm việc cá nhân hoặc nhóm, một sổ HS trình bày kết quả phân tích bài viết tham khảo trước lớp. GV dẫn dắt và tổng kết một số ý cơ bản để HS nắm được, ghi nhớ và vận dụng vào bài viết của mình. | **2. Phân tích bài viết tham khảo** |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - GV lưu ý HS: chọn truyện cổ tích để kể và chọn được nhân vật thích hợp để đóng vai.  - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS viết bài tại lớp.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | 2. Các bước tiến hành  **Trước khi viết**  - Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng  - Chọn lời kể phù hợp  - Ghi lại những nội dung chính của câu chuyện  - Lập dàn ý  **Viết bài**  **Chỉnh sửa bài viết** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**D: NÓI VÀ NGHE**

**Tiết 98: KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết đón vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích, chủ yếu tập trung vào nhân vật, nhập vai một cách thông minh, sáng tạo, biết kể lại câu chuyện vừa sát truyện gốc vừa có sáng tạo.

- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói đóng vai nhân vật để tự kể lại câu chuyện về mình, thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh, video về lễ hội Gióng.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS xem lại bài viết  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài:* Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành nói về truyện cổ tích bằng lời của một nhân vật  trước lớp. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: yêu cầu HS đọc lại, nhớ lại truyện cổ tích định kể, những nội dung quan trọng của truyện cổ tích mà khi lể lại không thể bỏ qua.  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  + Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **1. Chuẩn bị bài nói**  **2. Các bước tiến hành**  - Xác định mục đích nói và người người nghe.  - Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu.  GV lưu ý HS tận dụng được lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời nói như sử dụng ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sự hấp dẫn, sinh động cho bài nói.  - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **3. Trình bày bài viết** |

**Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá.  - GV đặt thêm câu hỏi:  *+ Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*  *+ Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **3. Trình bày bài viết** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS vận dụng, kể lại một truyện truyền thuyết khác mà em đã nghe đã đọc.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 99: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- HS nêu được nội dung cơ bản của văn bản đọc; trình bày được một số yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận và VB thông tin được thể hiện qua VB trong bài 6 và bài 7.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

   - Giúp học sinh tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc ta.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** chuẩn bị các VB cùng loại  (VB nghị luận hoặc VB thôg tin) hoặc cùng chủ đề.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: *Qua các tiết học bài 6, bài 7, các em đã sưu tầm và tìm đọc thêm được những văn bản nào? Cảm xúc của em khi đọc những tác phẩm đó?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *+ GV dẫn dắt:* Trong bài 6 và bài 7, chúng ta đã được tìm hiểu các văn bản thuộc thể loại truyền thuyết, cổ tích. Chúng ta cùng tìm hiểu các văn bản cùng chủ đề. | - HS chia sẻ về những văn bản đã tìm đọc thêm được. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trao đổi kết quả tự đọc**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nhắc lại các đặc điểm của VB truyền thuyết, cổ tích.  - GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và giới thiệu với cả lớp theo các vấn đề  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **1. Truyện truyền thuyết** |
| **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV nhắc lại những đặc điểm của truyện cổ tích.  - GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và giới thiệu với cả lớp theo các vấn đề  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **2.Truyện cổ tích** |

**Hoạt động 2: Trình bày kết quả tự đọc**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  đặc trưng thể loại, nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Một số HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin quan trọng đã trao đổi trong nhóm.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS lắng nghe, trao đổi và đưa ra ý kiến góp ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **2. Trình bày kết quả** |

**Hoạt động 3: Nhận xét hoạt động đọc**

**a. Mục tiêu:** HS rút kinh nghiệm, trao đổi cho nhau những hiểu biết.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Một số HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin quan trọng đã trao đổi trong nhóm.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS lắng nghe, trao đổi và đưa ra ý kiến góp ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Phần chữ in đậm là những khái quát nội dung được triển khai trong văn bản. Khi đọc cần chú ý để không bỏ sót nội dung. | **3. Nhận xét, rút kinh nghiệm** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*  Từ việc đọc văn bản, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc một văn bản thông tin và văn bản nghị luận ?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Hãy tìm thêm một số sách với chủ đề đã học và rút ra kinh nghiệm cho bản thân.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. GV đọc nhanh kết quả bài viết của mọt vài HS, nêu nhận xét ngắn gọn và định hướng cách chữa cho tất cả HS.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

**Bài 8. KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.

- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ; hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa.

- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.

- Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn để); tóm tắt được ý kiến của người khác.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản trong bài học.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện và phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh minh hoạ cho các truyện cổ tích

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: *Giữa em và người bạn thân của mình, có những điểm nào giống nhau và những điểm nào khác nhau?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + *GV dẫn dắt:* Điều kì diệu nhất trên thế gian này đó là dù  có gần 8 tỉ người trên Trái Đất nhưng không có ai la bản sao 100% của ai cả. Mỗi người là một sự khác biệt, là một cá nhân độc lập nhưng giữa mọi người vẫn có sự tượng đồng, gần gũi. Bài học này chúng ta cùng tìm hiểu về những điều khác biệt và gần gũi. | HS kể tên được một số truyện cổ tích đã học |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: *Phần giới thiệu bài học muốn nói với chung ta điều gì?*  HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  Gv chuẩn kiến thức:  + Ý thứ nhất giới thiệu các VB được chọn đều gắn với chủ để bài học, nhằm khẳng định: trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng biệt vê' mặt này mặt kia, thì chung quy, giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi.   -  Thứ hai, bài học nhằm bước đầu hình thành cho HS ý niệm vể loại VB nghị luận. Đó là loại VB tập trung bàn bạc về một vấn đế nào đó (các VB đọc trong bài đều chứa đựng một vấn đê' cụ thể). Điều này sẽ được làm rõ qua hoạt động đọc. | **1. Giới thiệu bài học**  - Các văn bản trong chủ đề nhằm khẳng định trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng iệt, về mặt này mặt kia nhưng giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi.  - Văn bản nghị luận: loại VB tập trung bàn bạc một vấn đề cụ thể nào đó. |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về truyền thuyết, kể tên các truyện truyền thuýet đã đọc.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Văn bản nghị luận là gì?*  *+ Lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung: Trong bài học này, chúng ta sẽ được học hai văn bản nghị luận và một văn bản truyện. Sự khác nhau giưa hai kiểu văn bản đó là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học. | **Văn bản nghị luận**  Văn bản nghị luận là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  Các y**ế**u tố cơ bản trong văn bản nghị luận   * Lí lẽ là những lời diễn giải có tí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. * Bằng chứng là những ví dụ được lẩy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS: VB nghị luận và VB truyện có gì khác nhau? Hãy đọc các văn bản trong bài 8 để chỉ ra điểm khác biệt với các VB truyện đã học trước đó.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy nêu vai trò của văn bản nghị luận trong đời sống.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**B:ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 100 +101 VĂN BẢN 1. XEM NGƯỜI TA KÌA!**

**(Lạc Thanh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- HS nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận.

- Nhận biết được vấn đề VB đặt ra: ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.

- Nắm được phương thức biểu đạt chính (phương thức nghị luận) bên cạnh một số phương thức khác (tự sự, biểu cảm) mà người viết sử dụng đan xen trong văn bản nghị luận.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng cái riêng biệt nhưng phải biết hoà đồng, gần gũi với mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ:  *1. Đứng trước một người bạn xuất sắc về nhiều mặt, em có suy nghĩ gì?*  *2. Trong cuộc sống, mỗi người có quyền thể hiện cái riêng của mình hay không? Vì sao?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV dẫn dắt: Mỗi người là một sự khác biệt, là một cá nhân độc lập nhưng không có nghĩa là chúng ta chọn cách sống khác thường. Giữa mọi người vẫn có sự tượng đồng, gần gũi. Bài học này chúng ta cùng tìm hiểu về những điều khác biệt và gần gũi. | - HS nêu suy nghĩ về người anh hùng.  - Thiết kế và trình bày lai lịch của một người anh hùng mà mình ngưỡng mộ. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Văn bản Xem người ta kìa! thuộc thể loại nào trong văn học?*  *+ Hãy nhắc lại khái niệm về văn bản đó*  *-* GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện đuọc những lí lẽ tác giả đưa ra.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: *hiếu thuận, chuẩn mực, xuất chúng, hoàn hảo*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:VB nghị luận nhằm bàn bạc, đánh giá về một vấn đề trong đời sống, khoa học…. Mục đích của người tạo lập VB nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục để người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Văn bản nghị luận |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*  *+ Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Truyện kể theo ngôi thứ nhất. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  - GV đặt câu hỏi:  + *Người mẹ thường nói với con điều gì khi không hài lòng điều gì đó với đứa con?*  *+ Tâm trạng của người con ra sao mỗi lần nghe mẹ nói? Em đã bao giờ nghe những câu nói tương tự của cha mẹ và có tâm trạng giống như người con trong văn bản chưa?*  *+ Khi thốt lên “Xem người ta kìa!”, người mẹ muốn con làm gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Người con cảm thấy không thoải mái, cố sức vâng lời, cảm thấy không hề dễ chịu khi nghe mẹ nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  ***Gv bổ sung:*** Mọi bậc cha mẹ đều mong con cái mình khôn lớn, trưởng thành bằng bạn bè. Có lẽ vì vậy, cha mẹ thường lấy tấm gương sáng để con mình học hỏi, noi theo. Tuy nhiên sự áp đặt đó có thể khiến chúng ta cảm thấy không hài lòng. Vậy theo em, tác giả đồng tình hay không đồng tình với quan điểm của người mẹ? Chúng ta cùng tìm hiểu phần tiếp theo.  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Khi đã lớn, đủ nhận thức, tác giả có đồng tình với quan điểm của người mẹ không? Câu văn nào nói lên điều đó?*  *+ Theo em, người mẹ có lí ở chỗ nào? Lí lẽ đó có điểm nào đúng*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Tác giả cho rằng điều mẹ mình mong muốn là có lí, thể hiện qua câu: *Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo.*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức và bổ sung:  Dù giữa chúng ta có nhiều điều khác biệt nhưng vẫn có những điểm chung. Đó là những quy tắc, chuẩn mực mà cả xã hội hướng đến, là những giá trị sống mà nhân loại đều phấn đấu: được tin yêu, trông trọng, sự thông minh, giỏi giang, thành đạt. Vì vậy, cha mẹ đều luôn mong con cái sẽ cố gắng, nỗ lực vượt lên chính mình, noi theo những tấm gương sáng. Nhưng nếu ai cũng giống ai, có lẽ đó chỉ là một xã hội của những bản sao được lặp lại. Phần tiếp theo của văn bản này, tác giả đã đưa ra quan điểm gì? Chúng ta cùng tiếp tục tìm hiểu.  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi :**  *+ Ở đoạn văn tiếp theo, tác giả đã nêu ra quan điểm nào? Câu văn nào thể hiện điều đó*  *+ Tác giả đã đưa ra những bằng chứng nào để chứng minh?*  *+ Em có nhận xét gì về cách sử dụng bằng chứng trong bài văn nghị luận?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Câu văn nêu quan điểm của tác giả: Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người  Dẫn chứng : Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao  + ngoại hình  + sở thích  + tính cách  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **-** GV bổ sung: Như vậy, mỗi cá nhân là một màu sắc riêng biệt, mỗi người có những điểm mạnh và điểm yếu khác nhau. Mọi người sẽ bù trừ cho nhau những ưu khuyết đó. Chính sự đa dạng ấy tạo nên một xã hội đa dạng, phong phú, làm nên những điều kì diệu cho thế giới này.  **NV5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS:  + Tác giả đã nêu lên quan điểm như thế nào ở phần kết? Em đồng ý hay không đồng ý với quan điểm đó?  GV hướng dẫn HS đưa ra quan điểm cần dựa trên cơ sở lập luận, có lĩ lẽ, bằng chứng, không nói cảm tính, hời hợt  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức  **NV7**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Văn bản có ý nghĩa gì?Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | ***3. Đọc- kể tóm tắt***  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”  - PTBĐ: nghị luận  **Bố cục:** 4 phần  - Đoạn 1: *Từ đầu =>ước mong điều đó (nêu vấn đề):* cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác.  - Đoạn 2: *Tiếp =>mười phân vẹn mười:* Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác  - Đoạn 3: *Tiếp =>trong mỗi con người*: Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người.  - Đoạn 4: *Phần còn lại* (kết luận vấn đề): hoà đồng, gần gũi mọi người nhưn cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình    **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Nêu vấn đề : cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác***  - Câu nói của người mẹ: “Xem người ta kìa!”  - Mục đích : để con bằng người, không làm xấu mặt gia đình, không ai phàn nàn, kêu ca  🡪 Mong ước rất giản dị, đời thường của mọi người mẹ.    ***2. Lí lẽ : Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác***  - Mặc dù mỗi người là một cá thể riêng biệt nhưng vẫn có điểm giống nhau.  - Việc noi theo những ưu điểm, chuẩn mực của người khác để tiến bộ là điều nên làm.    ***3. Dẫn chứng : Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người.***  - Sự khác biệt là một phần đáng quý trong mỗi con người, tạo nên một xã hội đa dạng, sinh động  - Các dẫn chứng : Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao  - Nghệ thuật : dẫn chứng cụ thể, xác thực, tiêu biểu, phù hợp    ***4. Kết luận vấn đề***  - Hoà đồng, gần gũi mọi người nhưng cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Văn bản đề cập đến đến vấn đề tôn trọng sự khác biệt ở mỗi người nhưng cần hoà đồng, gần gũi với mọi người.  **b. Nghệ thuật**  - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Đóng vai các nhân vât để tái hiện lại chiến công của Thạch Sanh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*  Từ việc đọc hiểu văn bản, em hãy rút ra những yếu tố quan trọng của bài văn nghị luận.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Em hãy viết đonạ văn (5-7 câu) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: ***Ai cũng có cái riêng của mình.***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

**.............................................................................................................................**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 102**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS củng cố kiến thức về trạng ngữ, nắm vững đặc điểm về hình thức và chức năng của trạng ngữ, hận ra những câu có trạng ngữ và giá trị biểu đạt của chúng, biết cách thêm phần trạng ngữ vào câu theo yêu cầu.

- HS nhận diện được thành ngữ trong văn bản đọc, biết dựa vào câu để hiểu nghĩa của thành ngữ được sử dụng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *Ở Tiểu học, các em đã được học về trạng ngữ. Các em hãy nhắc lại những hiểu biết của mình về trạng ngữ?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *Gv dẫn dắt:* Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu, giúp bổ sung đầy đủ ý nghĩa cho câu và văn bản. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu thêm về các chức năng của trạng ngữ trong câu. | HS huy động kiến thức đã có và nêu hiểu biết của mình về trạng ngữ (khái niệm, chức năng) |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, các chức năng của trạng ngữ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và đặt câu trong các trường hợp  *- Quan sát bên ngoài sân trường và đặt một câu đơn có 2 thành phần là chủ ngữ và vị ngữ.*  *- Quan sát trong lớp học và đặt 2 câu đơn có 2 thành phần là chủ ngữ và vị ngữ.*  *-* Sau khi đặt câu xong, GV yêu cầu HS thêm các từ chỉ thời gian/ địa điểm vào phía trước câu vừa đặt. Ví dụ  Chim hót líu lo => Trên cành cây, chim hót líu lo  Học sinh đang viết bài => Vào tiết Ngữ Văn, học sinh đang viết bài.  - GV giảng tiếp: Thành phần mà các em vừa thêm vào đó chính là trạng ngữ. Vậy trạng ngữ là gì, thêm trạng ngữ trong câu để làm gì, chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + Dự kiến sản phẩm: HS rút ra khái niệm trạng ngữ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - GV củng cố kiến thức: Các em có thể suy đoán nghĩa dựa vào những từ xung quanh. Trong ví dụ trên, nghĩa của từ “tứ cố vô thân” có thể dựa vào nội dung của từ xung quanh “vì mồ côi cha mẹ” để suy đoán nghĩa. | **I. Trạng ngữ**  **1. Xét ví dụ**  **2. Nhận xét**  **-** Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, xác định thời gian, nơi chốn, nguyênnhân, mục đích, … của sự việc được nêu trong câu. - Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: Khi nào ? Ở đâu ? Vì sao ? Để làm gì ? |
| **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *1. Quan sát ví dụ trong SHS về trạng ngữ trong câu*   2. *Qua các ví dụ trên, em hãy nhận xét về vị trí của trạng ngữ trong câu và nội dung mà trạng ngữ nêu trong các câu.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  *+ Vị trí: Trạng ngữ thường đặt ở đầu câu, ngăn cách với thành phần nòng cốt bằng dấu phẩy.*  *+ Chức năng: nói về địa điểm, thời gian, nguyên nhân…*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng:  GV bổ sung thêm: Ngoài các chức năng trên, trạng ngữ còn có chức năng liên kết câu. Ví dụ trong câu:  Cả tuần vừa rồi trời mưa to. ***Vì thế,*** nước sông dâng cao, ngập cả cây cầu.  🡪 trong câu văn trên, “Vì thế” là trạng ngữ chỉ nguyên nhân đồng thời có chức năng liên kết với câu trước đó. | - Về vị trí của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối câu.  **-** Về chức năng: là thành phần phụ của câu, nói về địa điểm thời gian, nguyên nhân, trạng thái, mục đích, cách thức diễn ra sự việc |
| **NV3: Bài tập nhanh**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *Quan sát các câu sau và chỉ rõ vị trí, chức năng của thành phần trạng ngữ trong các câu sau:*  a. Trên cây, chim hót líu lo.  b. Sáng nay, chúng em đi lao động.  c. Vì rét, những cây bàng rụng hết lá.  d. Để đạt học sinh giỏi, Nam đã cố gắng chăm chỉ học tập tốt.  e. Bằng một giọng chân tình, thầy giáo khuyên chúng em cố gắng học tập.  HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |
| **NV4**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời: N*hắc lại các cách để xác định nghĩa của từ?*  HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  - GV hướng dẫn HS: chỉ ra trạng ngữ trong câu và chỉ ra chức năng của nó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:** làm bài tập 2, xác định nghĩa của trạng ngữ thêm vào. So sánh câu bỏ thành phần TN và câu giữ nguyên TN.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 3  - GV hướng dẫn HS, với mỗi câu thử thêm nhiều trạng ngữ với các chức năng khác nhau.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV5:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **Bài tập 1/ trang 56**  a. TN: từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ  🡪 TN chỉ thời gian  b. TN: giờ đây  🡪 TN chỉ thời gian  c. TN: dù có ý định tốt đẹp  🡪 TN chỉ điều kiện    **Bài 2/ trang 57**  a. Nếu bỏ trạng ngữ “cùng với câu này”: câu văn chỉ nêu thông tin về sự veè việc chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.  b. Nếu bỏ trạng ngữ “trên đời”: câu văn mất đi tính phổ quát  c. Nếu bỏ trạng ngữ “trong thâm tâm”: câu sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu    **Bài  3/ trang 57**  **a. hoa đã bắt đầu nở**  - Thời tiết ấm dần, hoa đã bắt đầu nở.  - Trong vườn, hoa đã bắt đầu nở.  - Mùa xuân đến, hoa đã bắt đầu nở.    **Bài 4/ trang 57**  a. chung sức chung lòng: đoàn kết, nhất trí  b. mười phân vẹn mười: toàn vẹn, không có khiếm khuyết.    Bài 5/ trang 57  a. thua em kém chị: nghĩa là thu kém mọi người nói chung  b. mỗi người một vẻ:mỗi nười có những điểm riêng, khác biệt, không giống ai  c. nghịch như quỷ:: vô cùng nghịch ngợm, quá mức bình thường |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu) tả cảnh thiên nhiên mùa xuân, trong đoạn văn có sử dụng trạng ngữ.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Tổ chức trò chơi | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

**...............................................................................................................................**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 103+ 104:VĂN BẢN 2. HAI LOẠI KHÁC BIỆT**

**(Giong-mi Mun)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Hs hiểu được sự phong phú của chủ đề bài học về sự “Gần gũi và khác biệt”, văn bản đề cao yêu cầu khác biệt nhưng là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người.

- HS nắm được cách thức trình bày ý kiến, từ đó vận dụng vào việc viết văn ản nghị luận đúng yêu cầu.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hai loại khác biệt.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hai loại khác biệt.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: thật thà, lương thiện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS thời gian 2 phút chuẩn bị: 1. Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp không? Vì sao?  *2. Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt nhưng  có những ưu điểm vượt trội?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV dẫn dắt: Lứa tuổi dạy thì cũng là lứa tuổi các em bắt đầu bước vào sự trưởng thành về cơ thể cũng như về tâm lí, nhận thức. Nhiều bạn muốn khẳng định bản thân mình bằng cách làm những điều khác thường, gây sự chú ý với mọi người. Vậy điều khác thường đó là tốt hay xấu? Nên thể  hiện sự khác thường bằng cách nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu. | - HS kể ngắn gọn những suy nghĩ, tưởng tượng của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Văn bản* ***Hai loại khác biệt*** *thuộc thể loại nào trong văn học?*  *+ Hãy nhắc lại khái niệm về văn bản đó*  *-* GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi, giọng đọc khác nhau ở những đoạn bàn luận hay kể chuyện. Chú ý khi đọc theo dõi cột bên phải để nhận biết một số ý được bàn luận.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: *Giong-mi Mun (tác giả VB), quái đản, quái dị,*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:VB nghị luận nhằm bàn bạc, đánh giá về một vấn đề trong đời sống, khoa học…. Mục đích của người tạo lập VB nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục để người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Văn bản nghị luận |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*  *+ Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Truyện kể theo ngôi thứ nhất. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV nhấn mạnh: Văn bản kể lại câu chuyện mà tác giả là người trong cuộc. Như vậy, câu chuyện trở nên chân thực, thể hiện những trải nghiệm của tác giả khi nhìn nhận và rút ra bài học cho mình.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Giáo viên đã giao cho học sinh bài tập gì?Mục đích và yêu cầu bài tập đặt ra?*  *+ Tại sao giáo viên không dạy cho học sinh luôn bài học mà lại cho học sinh được tham gia trải nghiệm thực tế trước? Em nhận xét gì về cách giáo dục này*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Bài tập của GV: Trong  suốt 24 giờ đồng hồ, mỗi người phải cố gắng trở nên khác biệt.  - Mục đích: Để mỗi người bộc lộ một phiên bản chân thật hơn.  - Yêu cầu: không được gây hại, làm phiền người khác, vi phạm nội quy nhà trường.  - GV đã tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Các bạn trong lớp đã thể hiện sự khác biệt như thế nào?*  *+ Bạn HS nào có cách thể hiện khác? Phản ứng của cả lớp trước  cách thể hiện đó là gì?*  *+ Em nhận thấy sự khác nhau của việc thể hiện sự khác biệt của số đông các bạn trong lớp và của J là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Số đông học sinh chọn cách mặc những trang phục kì dị, để kiểu tóc kì quặc, mặc quần áo kì lạ, làm trò quái đản với trang sức hoặc phấn trang điểm, tham gia những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý 🡪 bộc lộ cá tính  + Bạn học sinh J: chọn cách ăn mặc bình thường nhưng bạn chọn cách giơ tay trong tất cả các tiết học, trả lời chân thành và xưng hô lễ đỗ với thầy cô, bạn bè.  + Phản ứng của mọi người: cười khúc khích dần dần mọi người nhận ra điều J làm mới tuyệt vời làm sao bởi hàng ngày J khá nhút nhát, ít nói.  🡪 Sự khác nhau: cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi :**  *+ Từ những bằng chứng đưa ra, tác giả đã rút ra điều cần bàn luận là gì? Em nhận xét gì về cách triển khai của tác giả?*  *+ Em có đồng tình với ý kiến của tác giả không? Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Tác giả đã phân chia sự khác biệt thành hai loại: sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có nghĩa.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **-** GV bổ sung: Ở Vb này, tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận. Nhờ cách triển khai này, VB không mang tính chất bình giá nặng nề. Câu chuyện làm cho vấn đề bàn luận trở nên gần gũi, nhẹ nhàng.  **NV5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS:  *+ Đa số mọi người chọn loại khác biệt vô nghĩa? Vì sao? Em có thích cách thể hiện này?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi. Đó có thể là cách ăn mặc, kiểu tóc, những động tác lạ mắt, sự sôi động ồn ào gây chú ý. Vì dễ, cho nên hầu như ai muốn cũng có thể bắt chước. Ngược lại, muốn tạo sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin. Những năng lực và phẩm chất quý giá ấy không phải ai cũng có được.  **NV7**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Văn bản có ý nghĩa gì?Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => | ***3. Đọc- kể tóm tắt***  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”  - PTBĐ: nghị luận  **Bố cục:** 4 phần  - Đoạn 1: *Từ đầu =>ước mong điều đó (nêu vấn đề):*Mỗi người cần có sự khác biệt  - Đoạn 2: *Tiếp =>mười phân vẹn mười:* Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J  - Đoạn 3: *Tiếp =>trong mỗi con người*: Cách để tại nên sự khác biệt  - Đoạn 4: *Phần còn lại* (kết luận vấn đề): Ý nghĩa của sự khác biệt thực sự    **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Mỗi người cần có sự khác biệt***  - Bài tập: Trong  suốt 24 giờ đồng hồ, mỗi người phải cố gắng trở nên khác biệt.  - Mục đích: Để mỗi người bộc lộ một phiên bản chân thật hơn.  - Yêu cầu: không được gây hại, làm phiền người khác, vi phạm nội quy nhà trường.  - GV đã tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế, để mỗi HS tự rút ra được ý nghĩa của hoạt động  🡪 cách giáo dục giúp người học chủ động, tích cực nắm bắt vấn đề.    ***2. Bằng chứng : Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J***  - Số đông : chọn cách thể hiện cá tính bản thân qua cách ăn mặc, hành động quái dị, khác thường.  - Học sinh J chọn cách thể hiện sự khác biệt khác với ngày thường mình : thay vì nhút nhát, ít nói, cậu đã giơ tay và phát biểu trong các tiết học, xưng hô lễ độ với mọi người  🡪 Cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người là khác nhau.    ***3. Lí lẽ : Cách để tại nên sự khác biệt***  - Tác giả đã phân chia sự khác biệt thành hai loại: sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có nghĩa.  - Đa số chọn loại vô nghĩa, vì nó đơn giản và chẳng mất công tìm kiếm nhiều. không cần huy động khả năng đặc biệt gì.    ***4. Kết luận vấn đề***  - Sự khác biệt thực sự, có ý nghĩa ở mỗi người sẽ khiến mọi người đặc biệt chú ý.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Văn bản đề cập  đến vấn đề sự khác biệt ở mỗi người. Qua đó khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự.  **b. Nghệ thuật**  - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục.  - Cách triển khai từ bằng chứng thực tế để rút ra lí lẽ giúp cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, gần gũi, không mang tính chất giáo lí. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

Bài học này được rút ra từ những suy ngẫm của tác giả, có giá trị đối với bất cứ ai.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

*1.* Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có phải chỉ có giá trị đối với lứa tuổi học sinh hay không? Vì sao

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu) với câu mở đầu: ***Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa.***

GV đưa ra yêu cầu: không phá vỡ tính chỉnh thể của thế giới cổ tích.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Kí duyệt:**

**............................................................................................................................**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 105:THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS hiểu được vfi sao khi viết/nói, người ta phải lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu. Dù lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu có sự khác biệt về thao tác, nhưng có chung một mục đích: để sản phẩm ngôn ngữ đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất, phù hợp với mục đích giao tiếp.

- HS nắm được thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu VB với mục đích viết/nói cụ thể.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.

- Năng lực nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV ra câu hỏi tình huống: An và Thảo trong giờ ra chơi đã nhìn thấy một chú chim nhỏ nằm im trên sân trường. An lên tiếng:  *- Ôi! Có một con chim đã bị chết rồi.*  Thảo tiếp lời: *Sau cậu nói vậy? Nó chết đáng thương như vậy, mình phải dùng từ là con chim đã hi sinh chứ?*  Theo em, em đồng tình  với ý kiến của bạn nào? Vì sao?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV dẫn dắt: Như vậy, việc lựa chọn từ ngữ hay cấu trúc câu trong tạo lập văn bản có vai trò rất quan trọng, thể hiện được nội dung, thông điệp mà người viết muốn truyền tải. Đồng thời, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ, dấu ấn cá nhân của người viết. Bài học hôm nay chúng ta cùng thực hành về cách lựa chọn từ ngữ, cấu trúc câu trong văn bản. | HS lựa chọn cách nói của bạn An. Từ “hi sinh” cũng đồng nghĩa với chết nhưng chỉ dùng cho những người chịu sự tổn hại về vật chất, tinh thần  nhằm một mục tiêu cao cả hoặc một lý tưởng tốt đẹp. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học về lựa chọn từ ngữ, cấu trúc câu trong tạo lập văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách lựa chọn từ ngữ phù hợp trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo nhóm:  *+ Trong nói và viết, em có thường xuyên câ nhắc, lựa chọn khi sử dụng từ ngữ không?*  *+ Theo em, muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp trong câu, ta cần phải làm gì?*  *+ Khi viết câu, em cần chú ý những yếu tố nào?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  + Muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp cần hiểu nghĩa của từ định dùng.  + Khi viết câu cần chú ý đúng ngữ pháp và mục đích của câu nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Muốn sử dụng từ ngữ phù hợp với văn bản và đạt hiệu quả sử dụng cao, cần chú ý tới nghĩa của từ mà chúng ta định sử dụng. Đồng thời, lựa chọn cấu trúc câu trong văn bản cần chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/nói,d dặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp. | **I. Ôn tập lí thuyết**  ***1. Lựa chọn từ ngữ trong tạo lập văn bản***  - Cần lựa chọn, sử dụng từ phù hợp nhất trong nói và viết.  ***2. Lựa chọn cấu trúc câu trong tạo lập văn bản***  - Khi viết, cần chú ý những yếu tố:  tạo câu đúng ngữ pháp, chú ý ngữ cảnh, mục đích viết/nói, đặc điểm văn bản. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  GV hướng dẫn HS giải nghĩa các từ để tìm ra nghĩa, hoàn cảnh sử dụng. Từ đó giải thích và lựa chọn từ phù hợp cho câu văn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS  làm bài tập 2.**  GV hướng dẫn HS: ghi câu trả lời vào vở bài tập. Thử đưa các từ vào câu văn và xem từ ngữ nào phù hợp nhất.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS viết vào vở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 3.  - GV hướng dẫn HS làm bài thông qua trả lời các câu hỏi:  + Trong câu (a), cụm từ in đậm đóng vai trò gì trong câu và tác dụng của nó? Từ đó, nếu bỏ cụm từ thì ý nghĩa của câu sẽ thay đổi ra sao?  + Trong câu (b) (c) nói đến thứ tự các hoạt động, nếu thay đổi thứ tự đó có ảnh hưởng đến nội dung, ý nghĩa của câu không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm  Gv gợi ý HS để thực hiện bài tập số 4 có thể thực hiện theo các thao tác:  *- Nhận xét sự khác biệt về nghĩa của câu gốc và câu thay đổi cấu trúc.*  *- Đặt câu đã thay đổi cấu trúc vào vị trí câu gốc trong văn bản.*  *- Kiểm tra xem có phù hợp không*  *- Kiểm tra xem câu có phù hợp không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1/ trang 61**  a. Trong câu: *“Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao ”,* không thể dùng từ *kiểu* để thay cho *vẻ* được. Hai từ này tuy gần nghĩa, nhưng vẫn có những nét khác nhau. Từ *kiểu* thường dùng để nói về hành động của con người (kiểu ăn nói, kiểu đi đứng, kiểu ăn mặc,...) hoặc một dạng riêng của đối tượng (kiểu nhà, kiểu quần áo, kiểu tóc, kiểu bài,...), trong khi *vẻ* thường dùng để chỉ đặc điểm, tính cách của con người (vẻ trầm ngâm, vẻ sôi nổi, vẻ lo lắng,...).  b. Từ *khuất* được dùng trong câu: *“Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi củng đã lớn.”* phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: *mất, từ trần, hi sinh.* Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ *khuất* thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát.  c. Trong tiếng Việt, *xúc động, cảm động, xúc cảm* là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau. *Xúc động* biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với *cảm động* hay *xúc cảm.* Vì thế, từ *xúc động* là sự lựa chọn phù hợp nhất cho câu *“Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động không nguôi”*    **Bài 2/ trang 62**  a. phản ứng  b. hoàn hảo  c. quan sát  d. nỗ lực    **Bài  3/ trang 62**  a. cụm từ ***giờ đây khi hổi tưởng lại*** là trạng ngữ. Thành phần này thông báo về thời gian xảy ra sự việc. Nếu bỏ trạng ngữ, câu văn sẽ không còn cụ thể, vì không xác định rõ hành động đó xảy ra vào lúc nào.  b. Câu văn *“Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi.”* cho biết hành động đứng lên phải diễn ra trước khi trả lời câu hỏi. Nếu viết lại thành: “Cậu *đã trả lời câu hỏi và đứng lên.”* thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế.  c.  Câu c: “Đến *cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.”* miêu tả hai hành động diễn ra theo thứ tự trước sau: “tiến lên phía trước” rồi mới có thể “bắt tay thầy giáo”, vì thầy ở phía trên bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn HS, phía dưới. Nếu đổi cấu trúc: “Dến *cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng và tiến lên phía trước.”* thì hoá ra thầy và trò vốn đã đứng sẵn bên nhau, dễ dàng bắt tay nhau, hành động “tiến lên phía trước” sẽ thành vô nghĩa.  **Bài 4/ trang 36**    a. Câu “Tôi *không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi.”* có hai vế, vế đẩu nêu băn khoăn về một điểu chưa rõ, vế sau đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên. Nếu đổi cấu trúc thành “Có *lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi; tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế.”* thì lời giải thích lại xuất hiện trước điểu băn khoăn. Đặt câu thay đổi cấu trúc vào VB sẽ thấy không hợp lí.  b.  Quan sát hai câu này, ta có thể nhận thấy sự khác biệt *về* nghĩa. Hai vế: *điều quá nghiêm trọng và “căn bệnh” hết cách chữa* được đặt trong quan hệ tăng tiến. Đã là quan hệ tăng tiến thì vế sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn vế trước. Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, và đó là điều không ổn. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu) miêu tả hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi ở trường em. Chú ý sử dụng từ ngữ và cấu trúc câu phù hợp.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Chấm bài làm của HS | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

....................................................................................................................................................

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 106+107**: Kiểm tra giữa kì 2

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG**

*[...] Được ít tuần, mụ vợ lại nổi cơn thịnh nộ. Mụ sai người đi bắt ông lão đến. Mụ bảo:*

*- Mày hãy đi tìm con cá, bảo nó tao không muốn làm nữ hoàng, tao muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để con cá vàng hầu hạ tao và làm theo ý muốn của tao.*

*Ông lão không dám trái lời mụ. Ông lại đi ra biển. Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi đến hỏi:*

*- Ông lão có việc gì thế? Ông lão cần gì?*

*Ông lão chào con cá và nói:*

*- Cá ơi, cứu tôi với! Thương tôi với! Tôi làm sao được với mụ vợ quái ác này! Bây giờ mụ ấy không muốn làm nữ hoàng nữa, mụ muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mụ và làm theo ý muốn của mụ.*

*Con cá vàng không nói gì, quẫy đuôi lặn sâu dưới đáy biển. Ông lão đứng trên bờ đợi mãi không thấy nó lên trả lời, mới trở về. Đến nơi, ông sửng sốt, lâu đài, cung điện biến đâu mất; trước mắt ông lão lại thấy túp lều nát ngày xưa, và trên bậc cửa, mụ vợ đang ngồi trước cái máng lợn sứt mẻ.*

(Theo A. Pu-skin , Ngữ văn 6 *tập ,2 trang 11* - Sách Cánh diều, NXBGD 2020)

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1**. Truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng* thuộc thể loại nào? (1)

**A. Truyện cổ tích** B. Truyện đồng thoại

C. Truyền thuyết D. Thần thoại

**Câu 2**. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (2)

A.Ngôi thứ nhất **B. Ngôi thứ ba**

C. Ngôi thứ hai D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 3**. Trong câu chuyện, mụ vợ đã ra biển gặp cá vàng, đưa ra những yêu cầu, theo em đúng hay sai? (1)

A. Đúng **B. Sai**

**Câu 4.** Trong truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng* có những nhân vật nào? (1)

A. Ông lão đánh cá và con cá vàng.

B. Ông lão đánh cá và vợ ông.

**C. Ông lão đánh cá, vợ ông lão và con cá vàng.**

D. Vợ ông lão và con cá vàng.

**Câu 5**. Vì sao lần cuối khi mụ vợ đòi làm Long Vương, cá vàng không còn đền ơn nữa? (4)

A. Vì cá vàng không có khả năng làm điều đó

B. Vì cá vàng đã quá mệt mỏi, chán nản

**C. Vì cá vàng không thỏa mãn ý muốn của kẻ tham**

D. Vì cá vàng thương ông lão phải đi lại nhiều lần

**Câu 6**. Trong câu văn*“Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm.*”, từ láy “ầm ầm” có tác dụng gì trong truyện? (7)

A. diễn tả thời tiết bất lợi khi ông lão ra biển gặp cá vàng

B**.**góp phần miêu tả sóng biển mạnh dữ dội

C. góp phần miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên

**D**. **thể hiện sự phẫn nộ của biển cả trước yêu cầu của mụ vợ**

**Câu 7**. Thành ngữ nào sau đây nói đúng hoàn cảnh của bà lão khi cá vàng biến mọi thứ trở lại như cũ?(7)

**A. Tham thì thâm.**

B. Ăn cây nào rào cây ấy.

C. Ăn cháo đá bát.

D. Nhất vợ nhì trời.

**Câu 8**. Chủ đề mà truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng gủi gắm đến chúng ta là gì?*(6)

**A. Sống phải biết ơn, không nên có tính tham lam, bội bạc.**

B. Phải biết thương yêu và quý trọng người thân trong gia đình,

C. Không nên đòi hỏi những gì vượt quá khả năng đáp ứng của thực tế.

D. Phải biết quý trọng những giá trị của cuộc sống.

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.**Theo em, kết cục câu chuyện như vậy đã thỏa đáng hay chưa? Vì sao? (8)

**Câu 10.** Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải có thái độ sống như thế nào? (9)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy kể lại một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được ý nghĩa của bài học.  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy. | 1,0 |
|  | **10** | HS tự rút ra trách nhiệm về nhận thức và hành động của bản thân đối với cha mẹ. | 1,0 |
| II |  | VIẾT | 4,0 |
|  |  | a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự | 0,25 |
|  |  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề.  Kể lại một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em. | 0,25 |
|  |  | c. Kể lại một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em.  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể phù hợp.  - Giới thiệu được câu chuyện truyền thuyết định kể.  - Giới thiệu được nhân vật chính, các sự kiện chính trong truyền thuyết: bắt đầu - diễn biến - kết thúc.  - Ý nghĩa của truyện truyền thuyết. | 2.5 |
|  |  | d. Chính tả, ngữ pháp  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  |  | e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**Kí duyệt:**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TUẦN 28: Tiết 108+109 VĂN BẢN 3. BÀI TẬP LÀM VĂN**

**(Trích  Nhóc Ni-cô-la, những chuyện chưa kể, Rơ-nê Gô-xi-nhi, Giăng-giắc Xăng-pê)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS xác định được chủ đề của truyện.

- HS hiểu được sự khác nhau cơ bản giữa Vb nghị luận và VB văn học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: tự lập. biết suy nghĩ, nỗ lực cố gắng và hoàn thành nhiệm vụ của mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *+ Từ khi vào lớp 1 cho đến nay, hẳn đã có lúc em muốn nhờ người khác làm hộ bài tập khó hoặc khi cần nộp bài gấp. Em có thấy đó là điều bình thường không?*  *+ Nếu gặp một đề văn yêu cầu tả/kể về một người bạn thân nhất của em, em có cho rằng bài do người khác viết hộ sẽ nói đúng về người bạn hơn bài do em tự viết không?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá.  GV dẫn dắt: | - HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV hướng dẫn cách đọc:  Có thể yêu cầu HS phân vai người kể chuyện, nhân vật và có giọng đọc phù hợp tuỳ vào trạng thái tâm lí của các nhân vật trong từng tình huống cụ thể.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *lẹt đẹt, phật ý*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Đọc, tìm hiểu chú thích*** |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *Xác định thể loại, bố cục của văn bản?*  *Truyện sử dụng ngôi kể thứ mấy và tác dụng của ngôi kể?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: chia 3 phần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV bổ sung:**  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *1. Cậu bé Ni-cô-lai đã nhờ bố giúp việc gì?*  *2. Theo em, tại sao cậu phải nhờ bố làm hộ bài tập? Theo em hành động nhờ người khác làm giúp bài tập là nên hay không nên?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Có thể có nhiều lí do:  + Ni-cô-la học yếu môn Văn, không tự tin về môn văn  + Đề văn khó nên Ni-cô-la cảm thấy chật vật.  + Trong học tập, Ni-cô-la thường có thói quen cậy dựa, không tự lực  - Không nên nhờ người khác làm giúp mà mình cần nỗ lực, cố gắng làm bài tập của mình  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt tiếp câu hỏi:  + *Người bố có thái độ ra sao khi Ni-cô-la nhờ làm bài tập?*  *+ Bố có muốn làm bài thay cho Ni-cô-la vào lần sau nữa không?*  *+ Việc làm bài của người bố là để giúp con hay muốn con thấy mình rất giỏi văn?*  *+ Giọng kể chuyện ở đây nghiêm khắc hay hài hước?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Tại sao sau khi Ni-cô-la kể ra nhiều người bạn của mình mà bố cậu vẫn thấy khó viết?*  *+ Nếu không biết ai là bạn thân nhất của Ni-cô-la mà vẫn giúo cậu bé thì bài văn ấy sẽ nói về người nào? Nó có đáp ứng yêu cầu của đề được không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thựsc hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Cả người bố và ông Blê-đúc đều không hiểu về những người bạn của Ni-cô-la nên không thể viết được bài văn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV6**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Ni-cô-la đã có quyết định như thế nào ? Kết quả ra sao ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Quyết dịnh của Ni-cô-la là hoàn toàn đúng đắn, chỉ có làm bài bằng sự suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm của bản thân thì mới bộc lộ được năng lực thực sự của mình, thấy được những điểm cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục. Nếu nhờ bố hoặc ai khác làm bài thì bài văn đó sẽ không phải là của cậu bé.  Trong học tập, trao đổi với nhau là điều cần thiết nhưng  viết bài tập làm văn hay làm bài kiểm tra là hoạt động cá nhân, các em cần nỗ lực hết sức để làm bài cả mình.  **NV6**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Tóm tắt nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | ***2. Thể loại***  - VB văn học  - Ngôi kể: thứ nhất  - Tác dụng: ngôi kể thứ nhất giúp nhân vật thể hiện được những tâm trạng, suy nghĩ của mình một cách cụ thể và rõ nét nhất.  ***3. Bố cục:***3 phần  - P1: Từ đầu -> rất là tuyệt: Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài tập  - P2: Tiếp theo -> ông Blê-đuc tức giận*:* Mọi người cùng tranh luận vào bài tập của cậu bé  - P3: Còn lại: Ni-cô-la quyết định tự làm bài văn    **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Cậu bé nhờ bố làm giúp bài tập***  - Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài tập.    ***2. Mọi người cùng tranh luận vào bài tập của cậu bé***  - Thái độ người bố: vui vẻ, hài hước khi nhận lời giúp cậu bé.    - Bố của Ni-cô-la cảm thấy khó viết vì bố hoàn toàn không hiểu về những người bạn đó của cậu.    ***3. Ni-cô-lai quyết định tự làm bài văn***  - Cậu bé quyết định tự làm bài văn 🡪 bài văn đạt điểm cao, cô giáo khen ngợi.  - Ni-cô-lai đã nhận ra cần phải tự lực, cố gắng hoàn thành công việc  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  - Nội dung:  kể về việc cậu bé Ni-cô-la nhờ bố làm hộ bài tập văn.  - Ý nghĩa: nên tự lực, cố gắng hoàn thành công việc của mình.  ***2. Nghệ thuật***  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, sinh động. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Hãy đóng vai là Ni-cô-la và kể lại câu chuyện này.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thảo luậ: Theo em, nếu gặp phải đề văn như của Ni-cô-la, theo em, việc đầu tiên phải làm gì?*

*Gợi ý:*

-  Đầu tiên, cần chọn người bạn mà mình cảm thấy thân thiết, gàn gũi, thấu hiểu nhất.

- Nhớ lại những đặc điểm riêng, đức tính của bạn, nhữn kỉ niệm gắn bó thân thiết giữa hai người.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V.  HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Kí duyệt:**

.......................................................................................................................................................

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**D: Viết**

**Tiết 110- 111 -112-123: VIẾT VÀ THỰC HÀNH**

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG**

**(VẤN ĐỀ) MÀ EM QUAN TÂM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài văn.

- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏ.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu  HS: Các truyện cổ tích vừa học được kể từ ngôi thứ mấy?  *- Gv đặt câu hỏi: Em cho biết VB* ***Xem người ta kìa!*** *Được tác giả viết ra nhằm mục đích gì? Em có tán thành với ý kiến của tác giả không? Vì sao?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài:* Trong xã hội, có nhiều vấn đề chúng ta quan tâm và suy nghĩ. Vậy để trình bày một vấn đề, hiện tượng trong đời sống, chúng ta cần làm thế nào? | - VB viết ra nhằm trình bày về một hiện tượng rất phổ biến trong xã hội: cha mẹ thường so sánh con mình với người khác để noi gương theo. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày về một hiện tượng (vấn đề)**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài vănnghị luận trình bày về một hiện tượng (vấn đề)

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Dựa vào văn bản đã học ***Xem người ta kìa!,*** hãy trả lời các câu hỏi sau:  *+ Hiện tượng gì được nêu để bàn luận trong văn bản?*  *+ Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng, vấn đề đã nêu?*  *+ Lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì?*  - Từ đó, GV yêu cầu HS: Rút ra những yêu cầu đối với bài vănnghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề).  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  + Hiện tượng bàn luận: cha mẹ thường so sánh con cái của mình với những tấm gương tốt hơn.  + Người viết có sự đồng tình ở một mức độ (sự so sánh vì để con cái noi theo  và có ý kiến riêng của mình.  + Bài viết đã đưa ra những dẫn chứng và lí lẽ để khẳng định: Hoà đồng, gần gũi với mọi người nhưng cũng cần tôn trọng sự riêng biệt ở mỗi người.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  Như vậy để bài văn rõ ràng, rành mạch, có tính thuyết phục người đọc thì người viết cần phải nêu lên vấn đề bàn luận rõ ràng, bài viết thể hiện được quan điểm riêng của người viết và phải có những lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề):***     * Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. * Thể hiện được ý kiến của người viết. * Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của bài văn thuyết minh

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm những câu hỏi sau:  *+ Hiện tượng gì được nêu để bàn luận trong văn bản?*  *+ Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng, vấn đề đã nêu?*  *+ Lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - Dựa vào kết quả làm việc cá nhân hoặc nhóm, một số HS trình bày kết quả phân tích bài viết tham khảo trước lớp. GV dẫn dắt và tổng kết một số ý cơ bản để HS nắm được, ghi nhớ và vận dụng vào bài viết của mình. | **2. Phân tích bài viết tham khảo**  + Bài viết nêu ra vấn đề quy định HS mặc đồng phuc khi đến trường.  + Người viết đồng tình với quy định mặc đồng phục của học sinh.  + Dẫn chứng:   * Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hoà. * Đồng phục góp phần tạo nên bản sắc của từng trường. * Đồng phục xoá cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo. * Đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv hướng dẫn HS chọn đề tài: Yêu cầu HS đọc SHS để tham khảo các đề tài được giới thiệu  - GV hướng dẫn HS tìm ý: Sau khi HS tìm được đề tài, GV hướng dẫn HS tìm ý cho bài văn nghị luận theo Phiếu học tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **2. Các bước tiến hành**  **Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **Viết bài**  **Chỉnh sửa bài viết** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Kí duyệt:**

**................................................................................................................................Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 114: D: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS chọn được một vấn đề gần gũi, có ý nghĩa trong đời sống để trình bày ý kiến của mình.

- HS biết sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.

- Biết tóm tắt nội dung bài nói, tham gia trao đổi về nội dung của bài nói và kĩ năng của người trình bày.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh, video

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS xem lại bài viết dã viết trước ở nhà.  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài:* Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành nói về một hiện tượng, vấn đề đời sống |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói, yêu cầu HS làm việc theo nhóm:  + Sử dụng dàn ý của bài viết, lược bỏ những chỗ chỉ phù hợp với hình thức viết.  + Sắp xếp ý  + lựa chọn từ ngữ  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  + Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **1. Chuẩn bị bài nói**  **2. Các bước tiến hành**  a. Xác định mục đích nói và người nghe  - Xác định mục đích nói: thuyết phục người nghe về ý kiến của bản thân trước một hiện tượng, vấn đề trong đời sống.  Xác định người nghe: các bạn học sinh và cô giáo.  b. Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói  - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **3. Trình bày bài nói**  - Nội dung nói: bám sát đề cương đã thống nhất trong nhóm  - Cách thức nói: bài viết yêu cầu trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, ngôn ngữ mạch lạc, rõ ràng, chặt chẽ, phối hợp giữa lí lẽ và bằng chứng để bài nói có sức thuyết phục. |

**Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá.  - GV đặt thêm câu hỏi:  *+ Người nói đã nêu rõ được hiện tượng đời sống cần bàn chưa?*  *+ Hiện tượng có gần gũi và thiết thực không?*  *+ Nội dung nói đầy đủ chưa? Quan điểm của người nói thế nào? Có sức thuyết phục không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **3. Trình bày bài viết** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS vận dụng, kể một một hiện tượng vấn đề đời sống  (GV có thể chủ động ra đề)

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

**Bài 9. TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn; nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.

- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,...

- Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp.

- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ vả hành động của bản thân;

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách; tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài, có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh minh hoạ, đoạn phim ngắn nói về Trái Đất.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A:GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: *Chúng ta biết gì về Trái Đất? Chúng ta đã thực sự thấu hiểu và quan tâm chưa? Chúng ta đã làm gì để TĐ mãi an toàn và tươi đẹp?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + *GV dẫn dắt:* Trong bài học này, chúng ta sẽ được cùng nhau tìm hiểu về Trái Đất – ngôi nhà chung của gần 8 tỉ người. Trái đất là hành tinh lí tưởng nhất cho sự sống của con người cho đến hiện nay nhưng con người đã làm gì để bảo vệ và giữ gìn mái nhà ấy. Đồng thời, chúng ta cũng được tìm hiểu về một thể loại văn bản mới. | HS suy nghĩ và trả lời dựa vào hiểu biết bản thân. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: *Phần giới thiệu bài học muốn nói với chung ta điều gì?*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  Gv chuẩn kiến thức: | **1. Giới thiệu bài học**  - Chủ đề bài học: sự sống trong Trái đất và thái độ ứng xử cần có của chúng ta đối với Trái Đất.  - Văn bản thông ti: một loại văn bản với những đặc điểm riêng về nội dung và hình thức. |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về văn bản, đoạn văn trong văn bản, VB thông tin, VB đa phương tiện

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ VB có ý nghĩa như thế nào trong đời sống của chúng ta?*  + *Em đã nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của việc tổ chức đoạn văn khi thực hành viết một VB?*  *+ Theo em, có những loại văn bản nào*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung: Trong VB, giữa các đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ và tất cả đều hướng vào việc làm sáng tỏ chủ đề chung của VB. Một đoạn văn có thể đảm nhiệm một trong các chức năng: mở đẩu VB; trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính; kết thúc VB hoặc mở rộng, liên kết vấn đề.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ VB thông tin gồm những yếu tố nào tạo nên?*  *+ Khi đọc một bài báo, em có đọc sa-pô không? Vì sao? Sa-pô của bài báo có thể giúp gì cho em trong việc lĩnh hội thông tin chính từ VB?*  *+ Các VB truyện hay thơ mà em đã học ở các bài học trước có phải là VB thông tin không? Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Các yếu tố cấu thành:  nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm….  - Sa -pô là đoạn văn nằm giữa nhan đề và phần chính của bài báo hay văn bản thông tin nhằm mục đích giới thiệu, tóm tắt nội dung của văn bản.  Sa-pô giúp em nắm được thông tin tóm tắt của văn bản.  - Các văn bản truyện hay thơ thuộc văn bản văn học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + + *Hãy nêu suy nghĩ của em khi so sánh một VB thông tin chỉ có kênh chữ với VB thông tin đa phương thức.*  *+ Trong giao tiếp thường ngày và trong khi đọc sách báo, em có hay chú ý đến những từ “lạ” không? Có phải tất cả những từ “lạ” ấy đều là từ mượn?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  VB thông tin đa phương thức sẽ hấp dẫn hơn, trực quan, sinh động hơn vì ngoài kênh chữ còn có hình ảnh, kí hiệu, số liệu…  Những từ lạ có thể là từ mượn hoặc từ mới xuất hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | ***1. Văn bản***  - Văn bản là những cấu trúc ngôn từ hoàn chỉnh, chứa thông điệp và ý nghĩa. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc…  - Có nhiều tiêu chí phân loại văn bản:  + Dựa vào chức năng giao tiếp: VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin  + Dựa vào tính đa dạng của các phương tiện, phương thức truyền tải thông tin: VB thông thường, VB đa phương thức.  + Dựa và hình thức: VB nói và VB viết  ***2. Đoạn văn trong văn bản***  - Là bộ phận quan trọng của văn bản, sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ.    ***3. VB thông tin***  - Các yếu tố cấu thành:  nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm….    ***4. VB đa phương thức***  - Là văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh…    ***5. Từ mượn***  - Là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác như tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS*: So sánh văn bản thông tin và VB đa phương thức?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy nêu vai trò của văn bản thông tin trong đời sống của con người?*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

B: **ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 115-116-117: VĂN BẢN 1. TRÁT ĐẤT – CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG**

**(Lạc Thanh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- HS nhận biết được các thành phẩn của VB thông tin gồm: nhan đề, sa-pô, để mục, đoạn (chứa đựng ý và dữ liệu), tranh ảnh,...

- HS nhận biết và phân tích được một cách triển khai VB: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo quan hệ nhân quả.

- HS thấy được những nhân tố đe doạ môi trường sống trên Trái Đất.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

   - Giúp học sinh nhận thấy được vai trò của Trái Đất với con người và có ý thức, trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà chung của TĐ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu cả lớp lắng nghe bài hát: ***Ngôi nhà chung của chúng ta***  *https://www.youtube.com/watch?v=ooJ9TeTrBVA&ab\_channel=S%C6%A0NCA*  Gv đặt câu hỏi:  1. *Bài hát gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì? Theo em, để hiểu biết và yêu quý hơn hành tinh xanh này?*  *2. Em hiểu thế nào về “sự sống muôn màu”*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *+ GV dẫn dắt:* Hàng ngày, chúng ta hít thở, uống nguồn nước mát lành từ lòng đất, ăn những trái cây thơm ngon từ thiên nhiên, Trái Đất giống như người mẹ hiền nuôi dưỡng, chở che cho muôn loài, Vậy TĐ có từ bao giờ? Sự sống tốt đẹp đã nảy nở như thế nào trên hành tinh xanh của chúng ta? Con người có thể làm gì để bảo vệ Trái Đất? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về ***Trái Đất – cái nôi của sự sống*** | - HS lắng nghe bài hát  - Nêu cảm nhận về bài hát |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Văn bản* ***Trái Đất – cái nôi của sự sống*** thuộc thể loại văn bản nào? Tại sao em cho rằng như vậy?  *-* GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi. Chú ý những chỉ dẫn bên phải văn bản.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:VB này thuộc văn bản thông tin vì có các yếu tố cấu thành văn bản gồm: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm…  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Thể loại:*** Văn bản thông tin |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: *địa cực, tác nhân, hoá thạch, tuyệt chủng*  Gv yêu cầu HS chú ý một số từ mượn: e-lip, ô-dôn.  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc:  *+ Liệt kê những thông tin chủ yếu từ văn bản*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Phần chữ in đậm là những khái quát nội dung được triển khai trong văn bản. Khi đọc cần chú ý để không bỏ sót nội dung.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Phần sa-pô đã giới thiệu đến người đọc những nội dung nào?*  *+ Trong đoạn đầu tin, tác giả đã đề cập đến những thông tin nào về Trái Đất?*  *+ Em có nhận xét gì về những thông tin tác giả cung cấp?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Phần sa-pô: góp phần định hướng nội dung cho người đọc về vai trò của Trái đất với sự sống của muôn loài và nhận thức của con người về việc bảo vệ Trái đất.  Tác giả cung cấp cho người đọc các thông tin về Trái Đất  - Vị trí: TĐ là một trong 8 hành tinh của hệ Mặt Trời  - Có 2 chuyển động: quay quanh trục và quanh mặt trời.  - Quỹ đạo chuyển động: hình e-lip  🡪 thông tin ngắn gọn, số liệu chính xác  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Trong phần 2, tác giả đã nói như thế nào về nước trên Trái Đất? Theo em, xem nước như “vị thần hộ mệnh” của sự sống có hợp lí không?*  *+ Giữa đoạn nói về nước với nhan đề của văn bản có mối liên hệ như thế nào? Liệu đoạn nói về nước có chi phối nội dung của đoạn văn tiếp sau đó không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Tác giả đã nói đến vai trò của nước – khiến cho cho TĐ trở thành nơi duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức và bổ sung:  Đoạn văn có vai trò như bản lề của văn bản, thống nhất với nhan đề của văn bản khi khẳng định Trái Đất là cái nôi của sự sống. Đồng thời, nó chi phối nội dung của các mục được triển khai tiếp theo.  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi :**  *+ Sự sống trên TĐ phong phú như thế nào?*  *+ Bức tranh minh hoạ làm sáng tỏ thông tin gì trong văn bản?*  - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm về câu hỏi:*Hãy tìm thêm bằng chứng để chứng minh sự kì diệu của sự sống trên TĐ*  - GV gợi ý HS tìm thêm dẫn chứng theo các hướng: *động vật – thực vật, loài sống trên cạn – loài sống trên không – loài sống dưới nước; màu sắc – hình dáng – khả năng thích nghi – trí thông minh.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Bức tranh minh hoạt đã làm nổi bật những ý đã triển khai ở phần chữ. Trong tranh xuất hiện nhiều loài sinh vật sống trên mặt đấy và dưới nước 🡪 Bức tranh giúp người đọc có được sự hình dung bao quát về không gian tồn tại của vạn vật trên hành tinh chúng ta.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **-** GV bổ sung: Như vậy, Trái Đất chính là ngôi nhà diệu kì, trở thành nơi trú ngụ của vô số các loài sinh vật sống.  **NV5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS:  *+ Khi khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, tác giả đã xuất phát từ góc nhìn nào?*  *+ Theo em, điều gì tồn tại ở con người khiến con người được xem là đỉnh cao kì diệu? Hãy nhắc lại những câu chuyện mà trong đó có kể  về cách Thương đế hay Chúa trời tạo ra con người?*  *- GV gợi câu hỏi, HS tranh luận theo nhóm: Em có đồng tình với ý kiến con người là “đỉnh cao kì diệu” của tác giả không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Tác giả khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ xuất phát từ góc nhìn văn hoá, từ những đóng góp của con người cho TĐ.  Tuy nhiên, con người cũng khai thác thiên nhiên bừa bãi, ảnh hưởng xấu đến quá trình tồn tại và phát triển của sự sống trên TĐ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức và bổ sung:  Từ xa xưa, con người luôn ý thức và tìm về sự xuất hiện của mình trên TĐ. Như trong truyền thuyết ***Adam và Eva***. Chúa trời tạo ra người nam là Adam, xong tạo thêm người nữ là Eva ở cùng với Adam cho đỡ buồn, rồi một con rắn dụ dỗ hai người ăn trái Cấm, rồi sau đó họ sinh ra ba người con. Khi khoa học phát triển, con người đã tự chứng minh được sự phát triển, tiến hoá của loài người. Không những vậy, những thành tựu nghiên cứu của con người đã giúp TĐ ngày càng phát triển và văn mình hơn. Bởi những lẽ đó có thể khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ.  Tuy nhiên, loài người ở một khía cạnh khác, con người tự cho mình là bá chủ của muôn loài, đã khai thác và tác động  quá mức vào thiên nhiên như chặt phá rừng bừa bãi, săn bắn các loại thú quý hiếm khiến nhiều loài sinh vật có nguy cơ tuyệt chủng. (GV cho HS quan sát thêm hình ảnh).  **NV6**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS:  *+ Mục 5 “Tình trạng Trái Đất hiện ra sao?” thể hiện nội dung gì?*  *+ Tìm những chi tiết phản ánh hiện trạng của TĐ hiện nay?*  *+ Câu “TĐ có thể chịu đựng đến bao giờ?” mang sắc thái biểu cảm gì?Câu này xuất hiện có bất ngờ không? Vì sao?*  *+ Em có chia sẻ với nội dung tình cảm hàm chứa trong câu hỏi này không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Mục 5 thể hiện tình trạng hiện nay của TĐ rất đáng lo ngại do đang bị con người tàn phá.  + Những chi tiết phản ánh: thiên nhiên bị tàn phá, nhiều loài thú bị giết vô tội, đại dương bị khai thác quá mức, biến đổi khí hậu, lỗ thủng tầng odôn….  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức và bổ sung: Trái Đất là ngôi nhà chung cho muôn loài nhưng với sự sinh sôi, phát triển nhanh chóng. Con người đã có mặt ở khắp nơi trên hành tinh này, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho mục đích sống của mình. Tuy nhiên sự khai thác quá mức khiến thiên nhiên bị tàn phá nặng nề và chính con người hiện nay đang phải chịu những hậu quả từ việc làm của mình gây ra: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao… Câu hỏi của tác giả như một lời cảnh báo tất cả nhân loại về ý thức, trách nhiệm của mỗi người khi cùng chung sống trên hành tinh này. Hãy trả lại cho TĐ màu xanh kì diệu, hãy để cho muôn loài cùng được chung sống hoà bình. Đó là thông điệp mà người viết muốn nhắn gửi tới người đọc.  **NV7**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  **+** *Văn bản có ý nghĩa gì?Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | ***2. Đọc, tìm hiểu chú thích***  **3. Bố cục: 5** phần  - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời  - Vai trò của nước với sự sống trên Trái Đất  - Sự sống phong phú trên Trái Đất.  - Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ  - Hiện trạng của TĐ    **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời***  - Vị trí: TĐ là một trong 8 hành tinh của hệ Mặt Trời  - Có 2 chuyển động: quay quanh trục và quanh mặt trời.  - Quỹ đạo chuyển động: hình e-lip  - Nhận xét: các thông tin khoa học chính xác, ngắn gọn, rõ ràng, số liệu xác thực 🡪 giúp người đọc có cái nhìn khái quát nhất về TĐ.    ***2. Vai trò của nước với sự sống trên Trái Đất***  - Vai trò:  + Nhờ có nước mà TĐ là nơi duy nhất có sự sống.  +  Nếu không có nước, TĐ chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi  - Nước bao phủ gần khắp bề mặt trái đất.  🡪 Nước chính là “vị thần hộ mềnh” của sự sống.  - Đoạn văn đóng vai trò bản lề trong văn bản.    ***3. Sự sống phong phú trên Trái Đất.***  - Sự sống trải rộng từ trên khắp trái đất và trong khoảng thời gian dài.    ***4.  Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ***  - Con người: có bộ não và hệ thần kinh phát triển, có ý thức, tình cảm, có ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống, biết lao động cải tạo TĐ.  🡪 đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ.    ***5. Hiện trạng của TĐ***  - Tình trạng TĐ hiện nay rất đáng lo ngại: thiên nhiên bị tàn phá, nhiều loài thú bị giết vô tội, đại dương bị khai thác quá mức, biến đổi khí hậu, lỗ thủng tầng odôn….  🡪 Con người sẽ phải chịu hậu quả từ thiên nhiên.  - Học cách có mặt trên hành tinh, trước hết co người phải biết chia sẻ những lo lắng, buồn vui cùng TĐ.    **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Văn bản đề cập đến đến vai trò của Trái Đất với sự sự sống của muôn loài và cảnh báo về hiện trạng của TĐ hiện nay. Qua đó nhắc nhở con người về ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường.  **b. Nghệ thuật**  -  VB đã sử dụng hiệu quả các yếu tố của VB thông tin : nhan đề, sa-pô, số liệu, hình ảnh để truyền tải được nội dung, ý nghĩa đến người đọc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*  Từ việc đọc văn bản, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc một văn bản thông tin ?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Em hãy viết đoạn văn (5-7 câu) với chủ đề: ***Để hành tinh xanh mãi xanh...***

GV có thể đưa ra những gợi ý qua những câu hỏi: Tại sao TĐ được gọi là hành tinh xanh? Từ “xanh” vốn chỉ màu đã được chuyển nghĩa như thế nào trong trường hợp ày? Có thể diễn đạt lại yêu cầu viết như sau: Làm thế nào để TĐ luôn đẹp tươi và sự sống không ngừng tiếp diễn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  GV đọc nhanh kết quả bài viết của mọt vài HS, nêu nhận xét ngắn gọn và định hướng cách chữa cho tất cả HS.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Kí duyệt:**

..................................................................................................................................................  
**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 118: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn.

- HS thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá…) khi đối diện với đoạn văn hay văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *Từ đầu chương trình lớp 6, chúng ta đã được học nhiều văn bản. Hãy kể tên những văn bản mà em đã học? Trong các văn bản ấy, em thấy ngoài yếu tố ngôn ngữ còn có yếu tố nào khác không?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *Gv dẫn dắt:* Những vă bản chúng ta đã học từ đầu chương trình lớp 6 đến nay có cả văn bản truyện, thơ, kí…. Vậy Văn bản được phân loại như thế nào? Đặc điểm của văn bản và vai trò của các đoạn văn trong văn bản ra sao? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu. | HS huy động kiến thức đã có và kể tên, nêu hiểu biết của mình về văn bản. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, các chức năng của văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS theo dõi SHS, nhắc lại khái niệm văn bản.  - GV đặt tiếp câu hỏi: *Qua văn bản* ***Trái Đất – cái nôi của sự sống****, em hãy nêu những bằng chứng cụ thể để khẳng định nó là một văn bản?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - GV củng cố kiến thức: | **Văn bản**  - VB là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc..  **Bài 1/ trang 81**  Các bằng chứng cụ thể để khẳng định Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản:  - Là một văn bản tồn tại ở dạng viết.  - VB dùng để trao đổi thông tin: Tác giả đã nêu ra 5 đề mục có các thông tin tới người đọc như vị trí của TĐ trong hệ MT, vai trò của nước, sự sống của sinh vật trên TĐ và hiện trạng TĐ.  - Qua văn bản, tác giả trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình:  suy nghĩ về trách nhiệm của loài người trước hiện trạng của TĐ hiện nay. |
| **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Căn cứ vào những yếu tố nào để phân loại văn bản? Có những loại văn bản nào*  *+ VB* ***Trái Đất – cái nôi của sự sống*** *thuộc thể loại văn bản nào? Liệt kê những bộ phận cấu tạo của VB?*  *+ Theo em những yếu tố nào không thể thiếu trong mọi trường hợp tạo lập văn bản?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  *\** Phân loại:  - Dựa vào sự có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ: văn bản thông thường, văn bản đa phương thức  - Dựa vào những nhu cầu giao tiếp đa dạng dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học.  - Căn cứ vào chức năng chính của văn bản để xác định được loại văn bản đó.  \* Liệt kê các bộ phận cấu tạo của văn bản:  - Nhan đề  - Sa-pô  - Đề mục  - Các đoạn văn  - Tranh minh hoạ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng: | Phân loại:  - Dựa vào sự có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ: văn bản thông thường, văn bản đa phương thức  - Dựa vào những nhu cầu giao tiếp đa dạng dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học.  - Căn cứ vào chức năng chính của văn bản để xác định được loại văn bản đó.  **Bài 2/Trang 81**  VB ***Trái Đất – cái nôi của sự sống*** thuộc loại văn bản thông tin, chức năng chính là cung cấp thông tin tới người đọc. các bộ phận cấu tạo của văn bản:  - Nhan đề  - Sa-pô  - Đề mục  - Các đoạn văn  - Tranh minh hoạ |
| **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  Nhắc lại những thông tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản Trái đất - cái nôi của sự sống:  HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: ***VB Trái Đất – cái nôi của sự sống*** là một văn bản hoàn chỉnh do chứa đụng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính. | - Các thông tin trong văn bản phải tập trung vào một chủ đề, chứa thông điệp và có ý nghĩa.  **Bài 3/Trang 81**  VB Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản hoàn chỉnh do chứa đụng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính.  - Thông tin từ văn bản:   * Trái đất hành tinh duy nhất trong hệ Mặt trời có sự sống. * Nước là tài nguyên bao phủ 2/3 bề mặt Trái đất. Nhờ có nước sự sống trên Trái đất được duy trì, phát triển phong phú. * Trái đất là nơi cư trụ của muôn loài động vật từ bậc thấp đến bậc cao. * Con người trên Trái đất khai thác tài nguyên thiên nhiên một các bừa bãi * Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng   - Thông điệp từ văn bản: Con người cần có những suy nghĩ nghiêm túc và hành động tích cực để bảo vệ hành tinh xanh. Đó là vấn đề cấp thiết và cấp bách. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 4**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 và làm vào vở.  - GV hướng dẫn HS: kẻ bảng và thống kê  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **Bài tập 4/ trang 82** |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thứ tự đoạn văn trong văn bản** | **Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn** | **Ý chính của đoạn văn** | **Chức năng của đoạn văn trong văn bản** | | Đoạn 3 (Trái đất - nơi cư ngụ của muôn loài ) | Điểm mở đầu: Muôn loài tồn tại trên Trái đất; Điểm kết thúc: Tất cả sự sống trên Trái đất đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học bí ẩn, lạ lùng) | Sự sống trên Trái Đất thật phong phú, muôn màu | Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái đất là cái nôi của sự sống đối với muôn loài | | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Giả sử VB vừa học cần được bổ sung thêm một số đoạn văn nữa. Hãy viết một đoạn văn ngắn đáp ứng yêu cầu này và dự kiến vị trí mà nó nó được đặt trong văn bản?

*Gv hướng dẫn:* Có thể bổ sung thêm đoạn văn ***Những việc nhân loại cần làm*** để bàn về những biện pháp con người có thể làm để bảo vệ và giữ gìn hành tinh xanh. Yêu cầu HS hãy triển khai đoạn văn với đề mục như trên

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Tổ chức trò chơi | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

.......................................................................................................................................................  
**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết: 119-120:VĂN BẢN 2. CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Hs nhận biết vai trò quan trọng của số liệu và hình ảnh của một văn bản thông tin.

- HS nhận biết được mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Các loài cùng chung sống với như thế nào?*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Các loài cùng chung sống với như thế nào?*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: thật thà, lương thiện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt cho HS câu hỏi:   1. Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông, in-tơ-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất? Em suy nghĩ gì về việc chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu nói về sự đa dạng của thế giới tự nhiên? Em yêu thích chương trình nà nhất?  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV dẫn dắt: Trong Trái Đất rộng lớn và bao la, có hàng triệu loài sinh vật cùng sinh sống. Mỗi loài đều có vai trò và đóng góp riêng vào sự phát triển chung của vũ trụ. Vậy các loài cùng chung sống và chia sẻ như thế nào để TĐ có thể phát triển hoà bình, ổn định? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu. | - HS kể ngắn gọn những chương trình đã xem, ví dụ như: khám phá động vật, thế giới quanh em… và nêu suy nghĩ về chương trình mà HS yêu thích. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Văn bản* ***Hai loại khác biệt*** *thuộc thể loại nào?*  *+ Hãy nhắc lại khái niệm về văn bản đó*  *-* GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi, giọng đọc khác nhau ở những đoạn bàn luận hay thống kê số liệu. Chú ý khi đọc theo dõi cột bên phải để nhận biết một số ý được bàn luận.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: *tiến hoá, quần xã, kí sinh.*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Văn bản thông tin |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS có thể chia theo 8 đoạn ngắn để phân tích.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Có thể phân tích văn bản theo hướng tách nhỏ các đoạn văn. Tuy nhiên, chúng ta có thể phân theo bố cục 3 phần để thấy được tính chỉnh thể của văn bản.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Trong phần mở đầu tác giả đã dẫn vào bài bằng cách nào? Cách vào bài này theo em có tác dụng gì?*  *+ Vấn đề tác giả đặt ra trong phần này là gì? Theo em, đây có phải là vấn đề đáng quan tâm  hiện nay không? Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Tác giả đã kể lại cuộc hội thoại ngắn giữa hai nhân vật trong bộ phim hoạt hình nổi tiếng Vua sư tử để noi về vấn đề mà tác giả muốn đề cập 🡪 đời sống của muôn loài trên TĐ và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.  => Các vào bài này khiến cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, lôi cuốn, vì phim này đã được nhiều người biết tới.  - GV đã tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  Gv chuẩn kiến thức: Cách vào đề bằng việc đưa ra dẫn chứng từ một bộ phim hoạt hình kết hợp với cảm xúc của tác giả đã làm “mềm” đi sự khô khan thường có của VB thông tin. Đồng thời, vấn đề của tác giả đặt ra cũng là nỗi lo chung của toàn nhân loại khi nhiều loài sinh vật trên TĐ ngày càng bị con người tiêu diệt, một số loài có nguy cơ tuyệt chủng. Vậy vấn đề đó tác giả đã triển khai ra sao?  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt  câu hỏi:  *+ Hãy tìm những dẫn chứng trong đoạn  (2) để thể hiện sự phong phú của các loài trên TĐ?*  *+ Sự chênh lệch giữa số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế và con số về số lượng loài đã đã nhận biết nói với chúng ta điều gì?*  GV đặt tiếp câu hỏi tìm hỏi đoạn (3)  Hãy quan sát ảnh minh hoạ và dựa vào việc quan sát thực tế của em, hãy cho biết:  *+ Kể về một du lịch sinh thái hay khu bảo tồn thiên nhiên mà em biết. Ở đó em thấy các loài sinh vật nào và chúng sống với nhau ra sao?*  *Từ đó em hiểu gì về quần xã sinh vật?*  *+ Số lượng các loài ở mỗi quần xã có giống nhau không? Chúng phụ thuộc vào điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Dẫn chứng:1.400.000 loài, hơn 300.000 loài thực vật và 1.000.000 loài động vật.  🡪 sinh vật đa dạng và phong phú  + Các loài sinh vật vật cùng chung sống với nhau rất đông đúc, chúng ảnh hưởng và tác động đến nhau.  + Sự đa dạng ở mõi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố : sự cạnh tranh giữa các loài, mối quan hệ con mồi – vật ăn thịt, mức độ thay đổi các yếu tố vật lí – hoá học của môi trường…  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Có nhiều số liệu thống kê khác nhau, tuy nhiên, người đọc cần lưu ý số liệu thường chỉ có giá trị thời điểm, đòi hỏi người đọc phải thường xuyên nhớ về mốc ra đời của văn bản ấy. Vì vậy, khi đọc một văn bản thông tin, người đọc cần lưu ý về những dẫn chứng được thống kê trong văn bản.  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS đọc đoạn (5) và đặt câu hỏi :**  *+ Em hiểu thế nào về tính trật tự? “Trật tự” có đồng nghĩa với “ổn định” không?*  *+ Tính trật tự trong đời sống của muôn loài được biểu hiện như thế nào? Mục đích của sự trật tự này?*  *+ Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ trong quần xã sinh vật thì điều gì sẽ xảy ra*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Tính trật tự có thể được hiểu là sự sắp xếp theo một thứ tự, một quy tắc nhất định, có tổ chức, có kỉ luật trong một tập thể, tổ chức nào đó. Trật tự có thể hiểu là tình trạng ổn định.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **-** GV bổ sung: Như vậy, mỗi quần xã sẽ tìm cách tự cân bằng chính nó  **NV5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc tiếp đoạn (7) trong văn bản và trả lời câu hỏi:  *+ Những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống của muôn loài không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Con người có nhiều sáng tạo vô tận và xã hội loài người ngày càng phát triển phức tạp, tác động nhiều tới môi trường tự nhiên.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Con người chúng ta cũng như vô vàn các loại sinh vật khác có mặt trê TĐ này, Tất cả cùng thở chung một bầu không khí, cùng ăn thức ăn và uống nguồn nước từ thiên nhiên. Nhưng với trí óc phát triển nhanh chóng, những sáng tạo đã giúp con người cải thiện cuộc sống của mình tốt hơn, trở thành bá chủa trong muôn loài. Chính điều đó khiến cho con người trở nên tự kiêu, tự cho mình quyền sắp đặt lại trật tự, can thiệp một cách thô bạo vào sự phát triển của thiên nhiên khiến cho đời sống muôn loài bị xáo trộn, nhiều loài đã biến mất. Những điều đó sẽ có tác động xấu  ngược lại tới sự sống trên hành tinh của chúng ta và với trực tiếp loài người. Vì vậy con người cần tỉnh ngộ, biết cách chung sống hài hoà với muôn loài để xây dựng lại cuộc sống bình yên vốn có trước đây của TĐ.  **NV7**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  **+** *Đoạn văn thứ (8) đã đề cập đến vấn đề gì ?*  *+ Theo em, cách mở đầu và  kết thúc của văn bản có gì đặc sắc ?*  *+ Nếu bỏ đi đoạn mở và đoạn kết, chất lượng của VB thông tin này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Mở bài và kết bài đều nhắc đến câu thoại của nhân vật Vua sư tử Mu-pha-sa trong phim hoạt hình Vua sư tử.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Cách mở-kết hô ứng, giàu sắc thái cảm xúc đã giúp cho VB này trở nên hấp dẫn người đọc, tránh đi sự khô khan vốn có trong các VB thông tin. Đồng thời, gợi cho người đọc nhiều suy nghĩ không chỉ là vấn đề khoa học được đề cập mà còn là bài học ý nghĩa cho loài người được gợi lên từ tác phẩm nghệ thuật lừng danh thế giới “Vua sư tử”.  **NV8**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Văn bản có ý nghĩa gì ?Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | ***2. Đọc- kể tóm tắt***  ***3. Bố cục:***3 phần  - Đoạn 1:từ đầu =>*tổn thương của nó:* đặt vấn đề (đời sống của muôn loài trên TĐ và sự cân bằng rất dễ tổn thương của nó)  - Đoạn 2: *Tiếp =>đẹp đẽ này:* Nội dung chính (Sự đa dạng của các loài, tính trật tự trong đời sống của muôn loài, vai trò của con người trên TĐ)  - Đoạn 3: *Phần còn lại* : Kết luận vấn đề): Kết luận vấn đề    **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Đặt vấn đề***  - Đời sống của muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.  🡪 Là một vấn đề cấp thiết trong hoàn cảnh hiện nay khi con người đang can thiệp ngày càng nhiều vào thiên nhiên.    ***2. Thông tin chính của văn bản***  *a. Sự đa dạng của các loài*  - Các loài sinh vật trên TĐ rất đa dạng, phong phú.  - Con người chưa khám phá hết số lượng các loài trên TĐ.  - Giữa các loài có sự phụ thuộc lẫn nhau.    - Mỗi quần xã giống như một thế giới riêng, trong đó các loài cùng chung sống với số lượng cá thể khác nhau.  - Sự đa dạng ở mõi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố.    *b. Tính trật tự trong đời sống của muôn loài*  - Biểu hiện :  + Tính trật tự thể hiện ở số lượng các loài trong một quần xã : loài ưu thế, loài chủ chốt, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài đặc trưng…  + Sự phân bố các loài trong không gian sống chung : theo chiều thẳng đứng, chiều ngang  🡪 nhằm giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài sử dụng nguồn sống của môi trường hiệu quả nhất.  - Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ thì sự cân bằng trong đời sống của các loài trong một quần xã lập tức bị phá vỡ.    *c. Vai trò của con người trên TĐ*  - Con người cho rằng mình là chúa tể của thế giới, đã tuỳ ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá gây dựng  🡪 đời sống muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ, chịu tác động xấu từ con người.  ***3. Kết thúc vấn đề :***  - Con người cần hiểu và có cách ứng xử đúng đắn với muôn loài trên TĐ.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Văn bản đề cập  đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên TĐ và trật tự trong đời sống muôn loài.  \* Ý nghĩa : VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên TĐ.  **b. Nghệ thuật**  - Số liệu dẫn chứng phù hợp, cụ thể, lập luận rõ ràng, logic có tính thuyết phục.  - Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS: Qua văn bản, theo em, con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?*

GV sử dụng Slide trình chiếu một số hình ảnh về những tác động của con người đến môi trường: phá rừng, săn bắt động vật hoang dã....

GV gợi ý: HS thảo luận theo nhóm và chỉ ra: những can thiệp tiêu cực của con người và những nỗ lực duy trì, phát triển sự sống đa dạng trên TĐ. Yêu cầu HS đưa ra những dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ vấn đề

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn  (5-7 câu) với câu mở đầu: ***Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau.***

GV đưa ra hướng dẫn: nhấn mạnh ý “chung sống” và đề cao trách nhiệm của con người với vấn đề này,

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

1. **HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Kí duyệt:**

**................................................................................................................................**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 121: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.

- HS hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp đối với việc mượn từ, sử dụng từ mượn trong nói, viết và rộng ra là trong giao tiếp xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.

- Năng lực nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: Ở các cửa hàng thời trang, người ta thường sử dụng vật dụng gì để trưng bày quần áo? Ngoài những tên gọi trên, chúng ta còn dùng tiếng nước ngoài để gọi tên chúng? Em hãy chỉ ra các tên gọi đó?  Bé gái 3 tuổi vui thích khi nhìn thấy một ma-nơ-canh giống hệt ...  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV dẫn dắt: Những tên dùng gọi các đồ vật trên là loại từ nào, nguyên tắc sử dụng chúng ra sao, chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay. | HS trả lời: ma-nơ-canh |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Hiện tượng vay mượn từ, từ mượn và việc sử dụng từ mượn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định các từ mượn và nguồn gốc của từ mượn.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào nội dung SHS, hãy cho biết: *Từ mượn là gì? Từ mượn có nguồn gốc từ đâu?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Muốn sử dụng từ ngữ phù hợp với văn bản và đạt hiệu quả sử dụng cao, cần chú ý tới nghĩa của từ mà chúng ta định sử dụng. Đồng thời, lựa chọn cấu trúc câu trong văn bản cần chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/nói,d dặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp. | **I. Từ mượn**  - Từ mượn là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác.  - Từ vay mượn tiếng Hán  - Từ mượn ngôn ngữ châu Âu được việt hoá gần như hoàn toàn: cà phê, cà vạt, săm, lốp  - Từ mượn được viết nguyên dạng hoặc viết tách từng âm tiết, giữa các âm có gạch nối  - Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe. |
| GV yêu cầu HS quan sát câu văn trong VB “Các loài chung sống với nhau như thế nào?”  ***Quan hệ đối kháng được biểu hiện qua việc cạnh tranh, kí sinh, ăn thịt lẫn nhau.***  GV đặt câu hỏi: Dựa vào chú thích của bài và hiểu biết của bản thân, hãy giải thích nghĩa từ: đối kháng, kí sinh |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  GV hướng dẫn HS làm lần lượt từng ý.  GV lưu ý HS rằng nhiều yếu tố HáN ViỆt có khả năng hoạt động rất cao, thường được dùng để tạo ra những từ ghép mới.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.    **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS  làm bài tập 2.**  GV hướng dẫn HS thảo luận, nêu nhận xét về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  GV bổ sung: vốn từ tiếng Việt giàu có và phức tạp, gồm nhiều từ được mượn ở những ngôn ngữ khác, nhất là tiếng Hán (trước đây) và tiếng Pháp, tiếng Anh (sau này). Khi nhập vào tiếng Việt, các từ mượn đã được Việt hoá ở những mức độ khác nhau và quá trình này vẫn đang tiếp diễn. Nhờ việc chủ động vay mượn từ, tiếng Việt luôn phát triển, trong khi vẫn bảo lưu được những nét tinh tuý vốn có của mình.  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 3.  - GV hướng dẫn HS làm bài: lựa chọn những từ ngữ trong tiếng Việt có khả năng thay thế cho những từ mượn không cần thiết trong câu văn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung: Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe, gười đọc và không làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. | **II. Luyện tập**  **Bài 1/trang 86**  a. Các từ vay mượn tiếng Hán: kế hoạch, công nghiệp, băng, không khí, ô nhiễm. Các từ này có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt, có tính chất khái quát về nghĩa.  Các từ vay mượn tiếng Anh: ô-dôn. Từ có gạch nối giữa các âm tiết.  b. Từ ô-dôn tạo cảm giác về từ mượn rõ nhất. Vì đây là một thuật ngữ khoa học, có cấu tạo và hình thức chính tả khác biệt.  c.  - Không: không trung (khoảng không gian trên cao), không gian (là khoảng không mở rộng theo ba chiều cao, dài, rộng), không quân (một quân chủng hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời quốc gia)  - nhiễm: lây nhiễm (chỉ sự truyền lan của bệnh hoặc thói xấu nào đó), truyền nhiễm (lây lan của dịch bệnh), nhiễm khuẩn (chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể)  **Bài 2/ trang 86**  - Vốn từ tiếng Việt giàu có và phức tạp, gồm nhiều từ được mượn ở những ngôn ngữ khác.    **Bài  3/ trang 87**  Có thể diễn đạt lại:  ***Người hâm mộ*** thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy ***thần tượng*** của mình xuất hiện trên cửa chiếc chuyên cơ vừa đáp xuống ***sân bay***. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* làm thêm 1 số bài tập

**Bài tập 1**

Đọc câu văn sau đây và phân tích cách dùng từ mượn của tác giả:

*Có một nhịp điệu chung trong quá trình tiến hoá của các loài, mà sự sinh sôi mạnh mẽ hay suy giảm số lượng của loài này dẫn đến sự phát triển theo hướng nhiều thêm hay bớt đi tương ứng của loài kia.*

*(Ngọc Phú,* trích *Các loài chung sống với nhau như thế nào?)*

**Bài tập 2**

Viết một đoạn tin nhắn đăng kí mua hàng qua mạng có sử dụng từ mượn thích hợp.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Chấm bài làm của HS | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

....................................................................................................................................................

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 122:VĂN BẢN 3. TRÁI ĐẤT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được nét khác biệt giữa Vb văn học với Vb thông tin, ngay cả khi chúng cùng hướng với một chủ đề.

- HS nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất – ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *+* GV đặt câu hỏi khơi gợi vấn đề bằng các câu hỏi: *Em đã từng biết những cách ví von nào về Trái Đất? Vì sao có những điểm khác nhau trong cách nhìn về cùng một đối tượng? Riêng em, em thích hình ảnh so sánh nào?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá.  GV dẫn dắt: Với mỗi người, Trái Đất mang một dáng hình khác nhau. Vậy với tác giả Gam-da-tốp, ông đã nhìn nhận về Trái Đất như thế nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu. | - HS chia sẻ những hiểu biết của mình: Trái Đất là người bạn, là mẹ hiền…. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả qua phần sau khi đọc.  *-* GV hướng dẫn cách đọc: chú ý giọng đọc thích hợp: có đau xót, phẫn nộ, có thương xót, dịu dàng.  Để lột tả được những tình cảm chứa đựng trong bài thơ, cần chú ý đến hệ thống đại từ nhân xưng đã được sử dụng.  - GV đọc mẫu và gọi 1-2 HS đọc lại.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả - tác phẩm***  ***2. Đọc***  ***3. Bố cục***  - Khổ 1:  - Khổ 2***:*** |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Những cách hành xử nào đối với TĐ được nhắc tới trong khổ thơ? Chúng có điểm gì chung với nhau?*  *+ Thái độ của tác giả đối với chúng là gì? Vì sao em có thể nhận ra thái độ ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Các hành xử với TĐ được nhắc tới: xem TĐ là quả dưa, bổ cắn thành muôn mảnh; xem TĐ là quả bóng để giành giật, lao vào, đá đá.  + Điểm chung: đều đối xử rất thô bạo, tàn nhẫn với TĐ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung: Qua khổ thơ, tác giả đã sử dụng nghệ thuật so sánh để khắc hoạ hình ảnh  Trái đất  trong số đông loài người là vô cùng nhỏ bé, tầm thường, như quả dưa có thể bổ ăn, như trái bóng có thể giành giật, tranh đá. Các động từ mạnh liên tiếp đã lột tả  cái nhìn thiển cận, hành động bạo ngược của loài người. Trái Đất đã cho họ sự sống, nuôi dưỡng con người qua từ biết bao đời nay.  Khổ thơ cũng đã thể hiện được thái độ của tác giả với cách gọi về những kẻ đối xử thô bạo (bọn, họ, lũ) và gọi TĐ là người, có cảm xúc và suy nghĩ như đồng loại.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Nhà thơ đã  hình dung ra TĐ như thế nào? đối xử và xưng hô ra sao với Trái Đất?*  *+ Nhắc đến nước mắt và máu, nhà thơ muốn nói lên tình trạng gì của Trái Đất?*  *+ Từ đó, rút ra nhận xét về thái độ của nhà thơ với TĐ*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Có thể có nhiều lí do:  + Nhà thơ gọi TĐ là “người”,  hình dung ra TĐ với khuôn mặt thân thương, có những giọt nước mắt và vết thương đầy mình.  + Tác giả đã an ủi, cất tiếng hát xoa dịu nỗi đau  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Hãy chỉ ra sự khác nhau giữa cách hình dung về TĐ và thái độ cư xử của TĐ ở hai khổ thơ*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Có sự đối lập trong cách hình dung và thái độ cư xử với TĐ ở hai khổ thơ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  Gv chuẩn kiến thức: Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã phản ánh cách nhìn nhận, ứng xử của loài người với TĐ  + Khổ 1: TĐ là vật sở hữu vô tri vô giác, là miếng ăn miếng ,mồi béo bở và con người đã cư xử thô bạo, tàn nhẫn, thiếu nhân văn.  + Khổ 2: TĐ được hình dung như một con người có cảm xúc, là một số phận đau khổ, TĐ là đối tượng cần được sẻ chia, yêu thương và con người  cần cư xử nhân văn, hiểu biết.  **NV4**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Tóm tắt nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Khổ 1**  **-** Cách nhìn nhận về TĐ: quả dưa, quả bóng  - Cách đối xử với TĐ: bổ, cắn, giành giật, đá  🡪 Con người đã nhìn nhận TĐ như một vật sỏ hữu vô tri vô giác và cư xử một cách bạo ngược, ngu dốt    ***2. Khổ 2:***  - Xưng hô với TĐ là “người”: thể hiện thái độ trân trọng  - Hình dung về TĐ: gương mặt thân thương, giọt nước mắt rơi và máu chảy.  - Biện pháp nghệ thuật hoán dụ: nước mắt – tượng trưng cho những nỗi buồn, máu – tượng trưng cho những đau đớn, tổn thương mà TĐ phải chịu đựng, trải qua.  - Hành động của tác giả: an ủi, cảm thông, chia sẻ.  🡪 Tác giả đã cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu, đồng cảm với người bạn Trái Đất.    - Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã phản ánh cách cư xử của loài người với chính hành tinh nơi mình sinh sống.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  - Nội dung:  Bài thơ nói về cách hình dung về TĐ và thái độ cư xử với TĐ của con người.  - Nhắn nhủ con  người cần nhìn nhận, cư xử với TĐ như những người bạn  ***2. Nghệ thuật***  - Nghệ thuật so sánh, nhân hoá đặc sắc, giọng điệu cảm thông, thương xót, ngôn ngữ giản dị mà thấm thía, sâu sắc.  - Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã làm nổi bật chủ đề, nói lên thông điệp của tác giả muốn gửi gắm. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

1. Điểm chung về nội dung: sự lo lắng, xót xa, ưu tư về tình trạng hiện thời của TĐ, đều khẳng định sự cần thiết của việc chung tay bả vệ sự sóng trên TĐ.

2. Điểm khác của bài thơ: hình tượng độc đáo, tình cảm sâu sắc, liên tưởng so sánh bất ngờ và ý nghĩa triết lí thâm trầm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

*1.* Hãy tìm ra điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Gam-da-tốp với hai văn bản ***TĐ – cái nôi của sự sống*** và ***Các loài chung sống với nhau như thế nào?***

*2*. Cùng đưa ra thông điệp giống nhiều văn bản khác,nhưng bài thơ Trái Đất của Ra-xun Gam-da-tốp vẫn có được sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng ấy?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thảo luận: Theo em, để lau nước mắt và “rửa sạch máu” cho TĐ, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V.  HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Kí duyệt:**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**C: VIẾT**

**Tiết 123-124-125-126 VIẾT VÀ THỰC HÀNH VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN**

**TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS thấy được ý nghĩa, vị trí riêng của văn bản nhật dụng trong đời sống và biết cách viết một biên bản hợp thức về một cuộc họp.

- HS nhận thức được tầm quan trọng cảu kĩ năng tóm tắt văn bản phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích luỹ tài liệu và biết tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản đã đọc.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏ.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa câu hỏi gợi mở: *Em đã bao giờ được chọn làm người viết biên bản cho một cuộc họp, cuộc thảo luận chưa? Tại sao người ta phải cân nhắc khi chọn người viết biên bản? Hãy nêu một dẫn chứng cho thấy trong cuộc sống của chúng ta, biên bản đôi khi rất cần thiết…*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài:* Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu hai nội dung  Trong đời sống, chúng ta có thể gặp phải tình huống viết biên bản cho những cuộc họp, cuộc thảo luận. Do đó,  chúng ta cần phải biết cách viết một biên bản.  Đồng thời, với nhiều kiến thức phải nhớ, phải thuộc, chúng ta thường phải làm việc quá tải với nhiều tài liệu phải xử lí. Vì vậy, một giải pháp đơn giản mà hiệu quả, đó là tóm tắt VB bằng một sơ đồ. | - HS có thể kể ra một số biên bản: biên bản cuộc họp chi đội, biên bản kỉ luật, biên bản xếp loại thi đua…. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với biên bản và bản tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với biên bản và cách tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Thể thức của biên bản thông thường trong SHS và trả lời câu hỏi:  *+ Từ những gì được trình bày trong phần viết này, hãy nêu lên những tiêu chủa mà biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận cần phải đảm bảo.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Ý nghĩa của việc tóm tắt VB bằng sơ đồ trong SHS và trả lời câu hỏi:  *+ Một VB tóm tắt phải như nào để có thể được gọi là đạt/ tốt?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu yêu cầu**  ***1. Yêu cầu đối với biên bản***  Thể thức của biên bản thông thưòng:   * Đầu biên bản, phía bên phải ghi quổc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng có nhiệm vụ tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lí vụ việc. * Dưới từ “Biên bản”, ghi khái quát vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cẩn giải quyết hay nội dung của vụ việc cần xử lí, làm thành tên gọi của biên bản. * Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp, cuộc thảo luận, xử lí vụ việc,... * Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí. * Ghi diễn biễn của cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lí vụ việc với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận). * Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lí vụ việc. * Người chủ trì và thư kí (tuỳ trường hợp, có thể thêm người làm chứng) ki tên.   ***2. Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một VB đơn giản***   * Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản. * Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản. * Bảo đảm tính trực quan, thẩm mĩ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ tốt cho trí nhớ. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của một biên bản và cách tóm tắt nội dung bằng sơ đồ.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo biên bản họp lớp bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày chủ nhật xanh”  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm những câu hỏi sau:  *+ Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên.*  *+ Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chù trì, người thư kí?*  *+ Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?*  *+ Vì sao cuổi biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí?*  *+ Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - GV lưu y: Biên bản tham khảo trong bài thuộc loại biên bản thông thường. Đối với những biên bản của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, thể thức của chúng còn được quy định chặt chẽ, phức tạp hơn, do phải tuân thủ Nghị định của Chính phủ về vấn đề này.  **NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc lại VB  VB Trái Đất – cái nôi của sự sống và xem sơ đồ tóm tắt.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm những câu hỏi sau:  *+ Là người đã đọc, đã học VB, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được đề cập trong VB chưa?*  *+ Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ ưu điểm, nhược điểm gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  ***1. Biên bản họp lớp bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày chủ nhật xanh”***  - Biên bản đã tuân thủ thể thức biên bản.  - Biên bản phải có đủ tên gọi, ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, thư kí nhằm xác định rõ nội dung, thời gian và địa điểm  diễn ra, thành phần cuộc họp.  - Nội dung ghi chi tiết, cụ thể: diễn biễn của cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lí vụ việc với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra.  - Cuối biên bản cần có chữ kí của người chủ trì, người thư kí nhằm xác nhận lại những nội dung đã ghi trong biên bản là chính xác.  - Ngôn ngữ: chuẩn mực, rõ ràng    ***2. Sơ đồ tóm tắt nội dng VB Trái Đất – cái nôi của sự sống***  Sơ đồ tóm tắt đã bảo đảm được các yêu cầu:  - Tính trực qua  - Tính lo-gic, khoa học  - Tính khái quát  - Tính thẩm mĩ |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết biên bản và tóm tắt sơ đồ VB

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv hướng dẫn HS đọc phần mục đích viết và đối tượng người đọc để xác định yêu cầu về mục đích.  - GV có thể đưa ra yêu cầu biên bản. VD: *Hãy viết biên bản cuộc họp bàn kế hoạch tổ chức hoạt động ngày 8/3 của lớp 6A.*  - GV hướng dẫn HS đọc phần trước khi viết, viết biên bản và chỉnh sửa biên bản. Sau khi các em nắm rõ vấn đề, sẽ bắt tay vào viết  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  **NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv hướng dẫn HS đọc quy trình thực hành tóm tắt VB bằng sơ đồ qua ba mục: trước khi tóm tắt, Tóm tắt, Chỉnh sửa.  - GV đưa ra nội dung cần tóm tắt. VD Tóm tắt quan niệm của vua sư tử Mu-pha-sa về vòng đời bất tận (đoạn đầu VB *Các loài chung sống với nhau ntn?)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc, có thể nêu những băn khoăn, đề xuất. HS thực hành viết  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **III. Các bước tiến hành**  ***1. Viết biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận***  **Trước khi viết**  - Hình dung lại cuộc họp cà được ghi biên bản  - Xác định tên gọi của biên bản, lựa chọn nội dung cho biên bản sắp viết.  **Viết biên bản**  **Chỉnh sửa bài viết**    **2. Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản**  **Trước khi tóm tắt**  - Xác định đúng nội dung cốt lõi và hệ thống ý triển khai nội dung.  - Lựa chọn từ khoá phản ánh nội dung cốt lõi  - Xác định mối liên hệ giữa các từ khoá  **Tóm tắt**  - Vẽ các hình cụ thể chứa từ khoá  - Sắp xếp các hình theo trật tự thích hợp  - Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khoá) với nhau.  **Chỉnh sửa** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết biên bản và tóm tắt sơ đồ, bám sát dàn ý đã lập.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

**............................................................................................................................**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**D:NÓI VÀ NGHE**

**Tiets 127: THẢO LUẬN VỀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NẠN**

**Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS đề xuất giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, trên tinh thần mong muốn chất lượng cuộc sống của chính bản thân và của cả cộng đồng phải được cải thiện.

- HS biết cách tham gia thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh, video về ô nhiễm môi trường

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đạt câu hỏi gợi mở: *tại địa phương nơi em đang sinh sống có xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường ở đâu không? Nêu hiện trạng cụ thể?Em đã đề ra các giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm đó và góp ý cho chính quyền, người dân khu vực chưa?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài: Do dân số tăng nhanh nên tình trạng ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ở các đô thị nước ta ngày càng gia tăng và trở nên nghiêm trọng hơn. Mỗi công dân cần thể hiện ý thức, trách nhiệm đóng góp các giải pháp nhằm khắc phục hiện trạng đó. Vậy khi thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, chúng ta cần nói như thế nào để đạt được hiệu quả?* | HS có thể nêu hiện trạng ô nhiễm: nước sông ô nhiễm, rác thải vứt bừa bãi,….. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe.  - GV đặt câu hỏi thảo luận: Khi tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, điều chúng ta cần hướng đến là gì? Ai là người sẽ nghe ta trình bày ý kiến hay nêu đề xuất?  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận, trả lời các câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Mục đích của việc tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường là tìm một giải pháp tối ưu, khả thi, có thể thực hiệ ngay để cải thiện tình hình. Người nghe lúc này là người có chung mối quan tâm và mong muốn được cùng ta thảo luận về vấn đề.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS theo dõi nội dung SHS và trả lời câu hỏi: *Hãy nhắc lại những đòi hỏi có tính nguyên tắc của việc tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường?*  - GV cho HS thảo luận và nêu ra những biểu hiện cụ thể của tình trạng ô nhiễm môi trường tại địa phương. Sau đó, sẽ chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm thảo luận về về một biểu hiện cụ thể là đưa ra những giải pháp khắc phục:  + Nhóm 1: Rác thải vứt bừa bãi  + N2: cống rãnh tắc nghẽn, nước sông ô nhiễm  + N3: Vật liệu xây dựng ngổn ngang  + N4: Ổ gà, ổ voi , nước đọng trên đường.  - Các nhóm luyện nói theo các chủ đề đã xác định, thống nhất nội dung (thời gian:7 phút)  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận, trả lời các câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **1. Chuẩn bị bài nói**  **a. Xác định mục đích nói và người nghe**  - Mục đích: chia sẻ mối quan tâm chug về giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.  - Người nghe: thầy cô, bạn bè, người quan tâm đến vấn đề môi trường.    **b. Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện** |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói.  Gv quan sát hoạt động thảo luận của HS, kịp thời đưa ra những gợi dẫn và định hướng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Trình bày bài nói**  - Cần tuân thủ theo các yêu cầu chung: nội dung, ngữ điệu, sử dụng từ ngữ, tương tác với người nghe, thời gian nói.  - Về mặt nội dung cần chú ý:  + Mở đầu  + Triển khai  + Kết luận |

**Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS xem kĩ bảng yêu cầu trong SHS để nắm được những đòi hỏi cơ bản với người nghe, người nói, trước khi thực hiện việc trao đổi ý kiến  - Sau mỗi lượt HS trình bày về vấn đề khắc phục ô nhiễm. Người nghe sẽ trao đổi lại ý kiến, đề xuất.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Đưa ra những giải pháp tối ưu cho việc giải quyết tình trạng ô nhiễm. | **3. Trao đổi về bài nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS vận dụng, đưa ra những giải pháp khắc phục ô nhiễm

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 128:ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- HS nêu đực nội dung cơ bản của văn bản đọc; trình bày được một số yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận và VB thông tin được thể hiện qua VB. Trong bài 8. *Khác biệt và gần gũi* và bài 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung.*

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

   - Giúp học sinh nhận thấy được vai trò của Trái Đất với con người và có ý thức, trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà chung của TĐ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** chuẩn bị các VB cùng loại  (VB nghị luận hoặc VB thôg tin) hoặc cùng chủ đề.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: *Qua các tiết học bài 8, bài 9, các em đã sưu tầm và tìm đọc thêm được những văn bản nào? Cảm xúc của em khi đọc những tác phẩm đó?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *+ GV dẫn dắt:* Nếu như bài 8, các em được tìm hiểu vè những văn bản nghị luận, bàn về một vấn đề mà chắc hẳn tất cả chúng ta đều quan tâm, đó là sự gần gũi cũng như sự khác biệt cần có ở mỗi người. Thì bài 9 đã đưa chúng ta đến một thể loại văn bản cũng như chủ đề rất hữu ích va thiết thực với cuộc sống hiện nay, đó là VB thông tin với những nội dung về Trái Đất và sự sống muôn loài. Bài học hôm nay, chúng ta se cùng tìm hiểu mở rộng về những VB thuộc hai chủ đề này. | - HS chia sẻ về những văn bản đã tìm đọc thêm được. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trao đổi kết quả tự đọc**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nhắc lại các đặc điểm của VB nghị luận  - GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và giới thiệu với cả lớp theo các vấn đề  *+ VB này đề cập đến vấn đề gì?*  *+ Người viết có ý kiến như thế nào về vấn đề được nêu trong VB?*  *+ Hãy nêu những lí lẽ và bằng chứng mà người viết đã sử dụng trong VB?*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Văn bản nghị luận** |
| **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV nhắc lại những đặc điểm của VB thông tin  - GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và giới thiệu với cả lớp theo các vấn đề  *+ Nội dung cơ bản của văn bản thông tin là gì?*  *+ Mỗi đoạn văn trong VB có nội dung gì?*  *+ VB đuọc triển khai theo quan hệ nhân quả, theo trình tự thời gian hay theo cách nào khác?*  *+ VB có nhan đề, sa-pô, đề mục, hình ảnh, số liệu hay không? Những yêu tố đó có tác dụng gì?*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **2. VB thông tin** |

**Hoạt động 2: Trình bày kết quả tự đọc**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  đặc trưng thể loại, nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Một số HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin quan trọng đã trao đổi trong nhóm.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS lắng nghe, trao đổi và đưa ra ý kiến góp ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Phần chữ in đậm là những khái quát nội dung được triển khai trong văn bản. Khi đọc cần chú ý để không bỏ sót nội dung. | **2. Trình bày kết quả** |

**Hoạt động 3: Nhận xét hoạt động đọc**

**a. Mục tiêu:** HS rút kinh nghiệm, trao đổi cho nhau những hiểu biết.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Một số HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin quan trọng đã trao đổi trong nhóm.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS lắng nghe, trao đổi và đưa ra ý kiến góp ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Phần chữ in đậm là những khái quát nội dung được triển khai trong văn bản. Khi đọc cần chú ý để không bỏ sót nội dung. | **3. Nhận xét, rút kinh nghiệm** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*  Từ việc đọc văn bản, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc một văn bản thông tin và văn bản nghị luận ?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Hãy tìm thêm một số sách với chủ đề đã học và rút ra kinh nghiệm cho bản thân.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. GV đọc nhanh kết quả bài viết của mọt vài HS, nêu nhận xét ngắn gọn và định hướng cách chữa cho tất cả HS.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

**Bài 10. CUỐN SÁCH TÔI YÊU**

**…………………………………………………..**

**Môn: Ngữ văn 6 - Lớp: ……..**

**Số tiết:** 8 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học.

- Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học.

- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

**3. Phẩm chất:**

- HS yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Cuốn sách theo chru đề học tập được đihj hướng

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, các phương tiện khác như màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh hoạ (tranh ảnh, phim ngắn…)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 129-130-131: DẠY HỌC THEO DỰ ÁN**

**DỰ ÁN: CUỐN SÁCH TÔI YÊU**

**Chủ đề: Gõ cửa trái tim, Khác biệt và gần gũi**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tiến trình tổ chức** | | **Sản phẩm** | **Phân công**  **nhiệm vụ** | |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Nội dung** |  | **Ở lớp** | **Ở nhà** |
| 1 | Khởi động | Giới thiệu bài học, Tri thức ngữ văn | - Danh mục sách được chọn, po-xtơ chung của dự án  - Góc đọc sách của nhóm, lớp |  |  |
| 2,3,4 | Thực hiện dự án: **Đọc** | Thách thức đầu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách | Nhật kí đọc sách của nhóm (pô-xơt, phiếu đọc sách) |  |  |
| 5,6 | Thực hiện dự án: **Viết** | Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả | - Sản phẩm nghệ thuật minh hoạt sách (kết hợp viết và vẽ minh hoạ)  - Bài viết trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc |  |  |
| 7,8 | Thực hiện dự án: **Nói và nghe** | Về đích: Ngày hội với sách | Bài trình bày trực tiếp hoặc băng hình, đoạn phim ngắn ghi lại nội dung nhóm, cá nhân trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc. |  |  |

**GIAI ĐOẠN 1: KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học. tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức trò chơi: ***Giải mã mật thư xanh***  *GV tổ chức phần thi ngắn giữa các nhóm theo hình thức câu đố*  *1.*  Trái đất mặc áo mấy tầng Đố em biết áo mấy tầng là chi  🡪 Đáp án: Khí quyển Không có quả không có cây Thế mà có hạt rụng đầy nơi nơi Cỏ cây thấy rụng thì vui Loài vật thấy rụng tìm nơi ẩn mình  🡪 Đáp án: Hạt mưa Cầu gì chỉ mọc sau mưa Lung linh bảy sắc, bắc vừa tới mây?  🡪Đáp án: Cầu vồng Chân gì ở tít tắp xa Gọi là chân đấy, nhưng mà không chân  🡪 Đáp án: Chân trời Là sông chẳng giọt nước nào Lại còn vắt vẻo trên cao lạ kỳ Ban ngày tránh nắng sông đi Lúc sông hiện rỏ là khi đêm về  🡪 Đáp án:  sông Ngân Hà Chẳng phải củi , chẳng phải than Mà nuôi được lửa từ ngàn năm xưa Hình hài nào thấy bao giờ  ở đâu mà thiếu , lửa chờ chẳng lên  🡪 Đáp án: Khí oxi Trong như hạt ngọc Mọc trên lá xanh Nắng rọi xuống cành  🡪Đáp án: Hạt sương Biến nhanh như chớp Hình hài nào thấy xưa nay thế mà chạy được suốt ngày suốt đêm  🡪Đáp án: Gió  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + *GV dẫn dắt:* Sách là người thầy, người bạn thân thiết của chúng ta và giúp mỗi người có thêm nhiều tri thức. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu và khám phá những cuốn sách với chủ đề “Trái Đất – ngôi nhà chung”. | HS suy nghĩ và trả lời dựa vào hiểu biết bản thân. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về VB nghị luận văn học

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ VB nghị luận văn học là gì?*  *+Lí lẽ là gì? Bằng chứng trong VB được lấy từ đâu?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | ***1. VB nghị luận văn học***  - Là một loại của văn nghị luận, có nội dung bàn về một vấn đề văn học như tác giả, tác phẩm, thể loại,... Nghị luận văn học sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề văn học được nói tới.  - Lí lẽ trong nghị luận văn học chính là những nhận xét cụ thể của người viết về tác giả, tác phẩm, thể loại,...  - Bằng chứng thường được lấy từ tác phẩm văn học. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS*: So sánh đặc điểm vủa VB nghị luận và VB nghị luận văn học để chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa hai thể loại?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Đọc VB nghị luận văn học và tìm ra các đặc điểm đặc trưng thể loại*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**GIAI ĐOẠN 2: THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**ĐỌC**

**THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- HS nắm được yêu cầu của việc đọc sách

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

   - Giúp học sinh nhận thấy được vai trò của Trái Đất với con người và có ý thức, trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà chung của TĐ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, chuẩn bị những cuốn sách đọc em yêu thích.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV kiểm tra yêu cầu đã phân công từ tiết trước cho HS: Thiết kế một góc đọc sách nhỏ trong lớp học. Mỗi HS đóng góp vài cuốn sách mà mình muốn đọc cùng với các bạn.  -GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: *Cuốn sách gần nhất em đã đọc là sách gì? Hãy chia sẻ điều thú vị nhất mà em cảm nhận được từ cuốn sách mới đọc. Kể tên một cuốn sách mà em cho là cần đọc trong tuần này và thuyết phục mọi người cùng đọc.*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *+ GV dẫn dắt:* Mỗi cuốn sách đều có những giá trị riêng, mang đến cho người đọc những suy nghĩ, trải nghiệm từ cuộc sống. Mỗi ngày, chúng ta đọc một cuốn sách là thêm những điều bổ ích và thú vị được khám phá. Bài học hôm nay chúng ta cùng tham gia thử thách đọc sách mỗi ngày nhé. | - HS trình bày sản phẩm giá sách của tổ mình.  - Kể tên những cuốn sách hay và điều thú vị từ sách mà em rút ra được. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Sách hay cùng đọc**

**a. Mục tiêu:** Lựa chọn được những chủ đề sách yêu thích và đọc các cuốn sách có liên quan. Nắm rõ được các thông tin cuốn sách, nội dung, nghệ thuật đắc ắc của cuốn sách.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Mỗi nhóm lựa chọn 2 trong số các chủ đề sau: Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất – ngôi nhà chung.  + HS cùng đọc sách đã lựa chọn và nắm rõ các thông tin: tên sách, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản. Các thông tin về nội dung: đề tàim chủ đề sách, bố cục, nhân vật, sự kiện, chi tiết.  + HS thể hiện nội dung lên pô-xtơ và trang trí nội dung.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:Các nhóm hoàn thành sản phẩm trình bày trên giấy Ao và trình bày  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **1. Đọc và thể hiện sản phẩm**  - Cả nhóm cùng đọc và rút ra những thông tin cần thiết về tác phẩm.  - Thể hiện sản phẩm: pô-xtơ minh hoạt cho sp, xây dựng đoạn phim ngắn… |

**Hoạt động 2: Cuốn sách yêu thích**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản, ấn tượng về cuốn sách đó.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc sách và cá nhân. Trong quá trình đọc, ghi lại những thông tin về sách theo các gợi ý sau đây:  *+ Vì sao cuốn sách có nhan đề như vậy?*  *+ Phần mở đầu của cuố có điều gì đáng chú ý? Vì sao?*  *+ Em đã gặp những ai và đến nơi đâu qua trang sách đã đọc?*  *+ Những điều còn đọng lại trong tâm trí em về cuốn sách? Vì sao em thích cuốn sách này?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV khuyến khích học sinh chia sẻ thêm những suy nghĩ của mình về cuốn sách. Khích lệ các em trình bày ý kiến, bộc lộ cảm nghĩ, quan điểm, sở thích cá nhân. | **2. Đọc và cảm nhận sách** |

**Hoạt động 3: Gặp gỡ tác giả**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin chính về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS: đọc VB *Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi*, thông qua văn bản này chúng ta cần nhận ra được đặc điểm của VB nghị luận văn học   GV yêu cầu HS: đọc văn bản theo nhóm. Chú ý các thông tin mục “theo dõi” để tìm các lĩ lẽ của người viết và các bằng chứng được nêu ra để minh hoạ, làm rõ cho lí lẽ.:  - GV yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau. Nhóm nào nhiều đáp án đúng sẽ giành chiến thắng:  **Câu a. Vì *sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là* ‘ *người con của núi”?***  A. Vì nhà thơ có nhiều bài thơ viết về núi rừng, cỏ cây, hoa lá của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.  B. Vì nhà thơ sinh ra và lớn lên ở Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và từ nhỏ đã đắm mình trong hơi thở của núi rừng.  **C.** Vì trước khi trở thành nhà thơ, Lò Ngân Sủn đích thực là một “người con của núi”, của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.  D. Vì Lò Ngân Sủn là tác giả của những bài thơ tiêu biểu về núi rừng như *Chiều biên giới, Trời và đất, Di trên chín khúc Bản Xèo, Ngôi nhà rông.*  **Câu b. *Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài.***  A. Đọc thơ Lò Ngân Sủn ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt.  B. Núi không chỉ là hình ảnh thường được nói đến trong thơ ông mà còn như một phẩn hồn thơ Lò Ngân Sủn.  **c.** Những bài thơ tiêu biểu của Lò Ngân Sủn như *Chiều biên giới, Trời và đất, Đi trên*  *chín khúc Bản Xèo, Ngôi nhà rông* đều mang âm vọng của núi, mênh mang lời của núi.  D. Vậy điểu gì đã nuôi dưỡng và bổi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông?  **Câu c. *Những câu thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết?***  A. Lí lẽ  B. Bằng chứng  **Câu d. *Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề ở phần mở đẩu?***  A. Giải thích rõ và chứng minh cho vấn đề được nêu ra để bàn luận  B. Làm bằng chứng cho vấn đề được nêu ra để bàn luận  **c.** Nêu cảm xúc của người viết về vấn đề cần bàn luận  D. Tổng hợp và kết luận về vấn để đã được nêu ra để bàn luận  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  a. A, b. A, c. D, d. D  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức. | **2. Đọc và cảm nhận sách**  VB: *Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi* là văn bản nghị luận văn học:  - Là loại VB bàn về một vấn đề văn học, đó là bàn về nhà thơ Lò Ngân Sủn.  - Lĩ lẽ trong VB là nhận định của tác giả về nhà thơ Lò Ngân Sủn: thơ ông là những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt.  - Dẫn chứng đưa ra là những câu thơ của nhà thơ đã viết. |

**Hoạt động 4: Phiêu lưu cùng trang sách**

**a. Mục tiêu:** Biết được sự tương đồng và khác biệt giữa nội dung, hình thức của phim và sách

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ cho HS trước khi đến lớp: Đọc truyện cổ tích Tấm Cám.  - GV yêu cầu HS tại lớp: Cùng xem một trích đoạn bộ phim ***Tấm Cám - chuyện chưa kể*** được chuyển thể thành phim của nhà sản xuất Ngô Thanh Vân.  - Sau khi xem xong, HS thực hiện các nhiệm vụ sau:  + Thảo luận và so sánh để thấy điểm tương đồng, khác biệt giữa nội dung và hình thức của phim và truyện.  + Thiết kế một pô-xtơ để giới thiệu bộ kim đã xem.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  HS chỉ ra được điểm tương đồng, khác biệt:  - Tương đồng: phim giữ nguyên cốt truyện, kể về những thử thách mà Tấm phải trải qua.  - Khác biệt: Phim có sử dụng âm nhạc, đầu tư hình ảnh diễn viên… nên hấp dẫn người xem.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

1. Từ việc đọc văn bản, em nhắc lại những đặc điểm của Vb nghị luận văn học.

2. Hoàn thành pô-xtơ giới thiệu phim

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Em có thể kể tên thêm một số bộ phim mà em biết được chuyển thể từ các tác phẩm văn học.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Pô-xtơ do HS thiết kế  - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Kí duyệt:**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**VIẾT**

**TiẾT 132-134-135:THÁCH THỨC THỨ HAI: SÁNG TẠO CÙNG TÁC GIẢ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết những sáng tạo trong nghệ thuật để tác phẩm văn học trở nên hấp dẫn, sinh động.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực hợp tác để hoàn thành sản phẩm

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *Theo em, một cuốn truyện sẽ hấp dẫn người đọc ở ấn tượng đầu tiên là gì?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *Gv dẫn dắt:* Sáng tạo trong nghệ thuật luôn là khó khăn, đòi hỏi các tác giả có sự cảm nhận tinh tế và phù hợp với xu hướng của người đọc. Buổi học hôm nay chúng ta cùng trải nghiệm sáng tạo cùng tác giả. | HS huy động kiến thức để trả lời. Ví dụ cuốn sách hấp dẫn khi tên truyện hay, bìa được trang trí đẹp… |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Sáng tạo sản phẩm nghệ thuật**

**a. Mục tiêu:** Biết cách thể hiện, minh hoạ cho nội dung một cuốn sách

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS theo dõi SHS và thực hiện nhiệm vụ:  *+ Chọn cuốn sách muốn minh hoạ.*  *+ Chọn chi tiết, nhân vật định minh hoạ*  *+ Nêu ý tưởng minh hoạ và thể hiện bằng hình thức phù hợp (vẽ tranh, dựng mô hình)*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - GV củng cố kiến thức: |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần yêu cầu trong SHS và trả lời câu hỏi:  *+ Từ những gì được trình bày trong phần viết này, hãy nêu lên nhữngyêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu yêu cầu**  **Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc**   * Nêu được tên sách và tác giả. * Nêu được hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách và ý kiến của em về hiện tượng đó. * Sử dụng được lí lẽ và bằng chứng để làm rõ hiện tượng. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của một bài văn trình bày yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo ***Nỗi đau của Ken-ga và trách nhiệm của con người với môi trường.***  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm những câu hỏi sau:  *+ Phần mở đầu, bài viết đã giới thiệu những thông tin gì?*  *+ Phần thân bài: tác giả đã đưa ra những lí lẽ và bằng chứng nào? Từ những điều đó, bài viết đã dẫn người đọc đến hiện tượng cần bàn luận là gì?*  *+ Phần kết bài: tác giả nói về điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Phần mở bài:  + Giới thiệu tên sách, tác giả  + Nêu hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra: suy nghĩ về trách nhiệm của con người đối với môi trường sống trên TĐ  - Phần thân bài”  + Bằng chứng: Ken-ga vùng vẫy, tuyệt vọng, toàn thân ngập trong lớp váng dầu ma con người đã vô tình để dầu tràn ra từ con tàu.  + Lĩ lẽ: khi môi trường sống bị ô nhiễm, sự sống của tất cả các sinh vật trên TĐ đều bị đe doạ nghiêm trọng  + Liên hệ thực tế: ý thức, những biện pháp  của con người để bảo vệ môi trường  - Kết bài: Nêu lên tầm quan trọng của cuốn sách  + Giúp người đọc có thêm hiểu biết về thiên nhiên, tình yêu thương và chia sẻ  + Hiểu rõ hơn về những điều có thể làm để góp phần gìn giữ TĐ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - GV lưu y: Biên bản tham khảo trong bài thuộc loại biên bản thông thường. Đối với những biên bản của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, thể thức của chúng còn được quy định chặt chẽ, phức tạp hơn, do phải tuân thủ Nghị định của Chính phủ về vấn đề này. | **II. Phân tích bài viết tham khảo** |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết biên bản và tóm tắt sơ đồ VB

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv hướng dẫn HS đọc phần mục đích viết và đối tượng người đọc để xác định yêu cầu về mục đích.  - GV có thể đưa ra yêu cầu: *Chọn một cuốn sách em yêu thích và suy nghĩ về một hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.*  VD: Dế Mèn phưu lưu kí và bài học về cách cư xử của mọi người trong xã hội.  - GV hướng dẫn HS đọc phần trước khi viết, viết bài và chỉnh sửa biên bản. Sau khi các em nắm rõ vấn đề, sẽ bắt tay vào viết  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **III. Các bước tiến hành**  **Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **Viết bài**  **Chỉnh sửa bài viết** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

**GIAI ĐOẠN 3: BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 136: NÓI VÀ NGHE**

**VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực viết và thuyết trình về sản phẩm.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, yêu thích đọc sách

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, sản phẩm (pô-xtơ trình bày kết quả và bài viết từ tiết trước)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV nhắc lại nhiệm vụ từ tiết trước: Chuẩn bị bài viết về vấn đề gợi lên từ một cuốn sách đã đọc.  HS tiếp nhận nhiệm vụ, chuẩn bị nội dung.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài:* | HS có thể chia sẻ |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe.  - GV yêu càu HS đọc kĩ phần chuẩn bị nội dung nói để xác định nội dung bài nói của mình.  - Các nhóm tập luyện nói và góp ý cho nhau về nội dung, cách trình bày để bài nói được xây dựng hoàn chỉnh.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận, trả lời các câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **1. Chuẩn bị bài nói**  **a. Xác định mục đích nói và người nghe**  - Mục đích: chia sẻ để mọi người hiểu rõ hơn về vấn đề đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.  - Người nghe: thầy cô, bạn bè, người quan tâm.  **b. Chuẩn bị nội dung nói**  **c. Tập luyện** |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói.  Gv quan sát hoạt động thảo luận của HS, kịp thời đưa ra những gợi dẫn và định hướng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Trình bày bài nói**  - Trình bày lần lượt các ý đã được xác định trong đề cương bài nói.  - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng cụ thể (dẫn từ sách hoặc đời sống thực) để làm rõ vấn đề.  - Bộc lộ được cảm xúc, thái độ phù hợp. |

**Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS xem kĩ bảng yêu cầu trong SHS để nắm được những đòi hỏi cơ bản với người nghe, người nói, trước khi thực hiện việc trao đổi ý kiến  - Sau mỗi lượt HS trình bày về vấn đề đặt ra từ cuốn sách. Người nghe sẽ trao đổi lại ý kiến, đề xuất, góp ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Trao đổi về bài nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS vận dụng, đưa ra những giải pháp khắc phục ô nhiễm

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Kí duyệt:**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 137-138: ÔN TẬP HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố kiến thức về các thể loại hoặc loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì II.

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *+* GV chơi trò chơi ***Ai nhanh hơn***  *Trong học kì II, em đã học những thể loại, loại VB nào?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá.  GV dẫn dắt: Bài học hôm nay chúng ta cùng ôn tập lại các thể loạ văn bản và các kiến thức tiếng Việt đã được học trong HK II. | - HS kể nhanh các thể loại, loại VB đã học: truyền thuyết, truyện cổ tích, VB nghị luận, VB thông tin. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Ôn tập các thể loại văn bản đã học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm thể loại văn bản, tên các tác giả và tác phẩm đã học.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về thể loại văn bản đã học bằng cách lập bảng thống kê.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Các thể loại VB** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiểu văn bản/Ví dụ một văn bản được học** | **Đặc điểm cơ bản của kiểu văn bản, thể loại qua văn bản ví dụ** | **Điều em tâm đắc với một đoạn văn bản** |
| Truyền thuyết (Thánh Gióng) | Thánh Gióng là thiên anh hùng ca thần thoại đẹp đẽ, hào hùng, ca ngợi tình yêu nước, bất khuất chiến đấu chống giặc ngoại xâm vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam thời cổ đại. Để thắng giặc ngoại xâm cần có tinh thần đoàn kết, chung sức, chung lòng, lớn mạnh vượt bậc, chiến đấu, hy sinh...Truyên xây dựng yếu tố kỳ ảo: Thánh Gióng sinh ra khác thường, lớn nhanh như thổi, giặc đến biến thành tráng sĩ cao lớn, ngựa sắt phun được lửa, nhổ tre ven đường đánh giặc, Gióng bay lên trời,... | Sau tiếng nói thần kì, Thánh Gióng ăn không biết no, quần áo không còn mặc vừa. Trước sự kì lạ của Gióng, dân làng mang gạo sang nuôi Gióng cùng bố mẹ. Chi tiết này cho thấy rõ lòng yêu nước và sức mạnh tình đoàn kết của dân tộc ta. Khi có giặc đến dân ta đồng lòng, giúp sức để đánh đuổi giặc xâm lược, hơn thế nữa sự trưởng thành của người anh hùng Thánh Gióng còn cho thấy, sự lớn mạnh của Gióng xuất phát từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng mà lớn lên. Gióng lớn nhanh như thổi, khi giặc đến chân núi Trâu cậu bé ba tuổi vươn vai trở thành một tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt. Sự lớn lên của Gióng càng đậm tô hơn mối quan hệ giữa sự nghiệp cứu nước và người anh hùng: để đáp ứng yêu cầu lịch sử, Gióng phải lớn nhanh để phù hợp với hoàn cảnh của đất nước, Gióng phải khổng lồ về vóc dáng, ý chí thì mới có thể đảm đương được trọng trách lúc bấy giờ. |
| Cổ tích (Cây  khế) | Chuyện kể về nhân vật bất hạnh, nghèo khổ nhưng có đức hạnh (nhân vật người em). Câu chuyện sử dụng yếu tố kỳ ảo con chim thần để nói lên niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác. | Sinh ra trong một gia đình không quá nghèo khó, những vợ chồng người em trong câu chuyện chỉ được anh trai mình chia cho một mảnh đất nhỏ đủ để dựng một căn nhà lá với cây khế ở trước nhà. Cây khế đó cũng là tài sản duy nhất mà hai vợ chồng người em có được. Tình huống truyện đã lột tả được bản tính tham lam, keo kiệt và thiếu tình thương của vợ chồng người anh trai với em ruột của mình. Lấy hết toàn bộ gia tài cha mẹ để lại, chia cho em mảnh đất nhỏ với cây khế làm vốn sinh nhai, thử hỏi có người anh nào lại cạn tình đến như vậy? Vợ chồng người em hiền lành chất phác, tuy chỉ được chia cho mảnh đất đủ dựng ngôi nhà nhỏ nhưng vẫn không oán than nửa lời, ngược lại họ chăm chỉ đi làm thuê cấy mướn kiếm sống và chăm sóc cho cây khế – tài sản duy nhất mà họ có. Đức tính hiền lành, chăm chỉ chịu thương chịu khó này của hai vợ chồng quả thật đáng quý và đáng học hỏi. |
| Văn bản nghị luận (Xem người ta kìa!) | Văn bản bàn về vấn đề cái riêng biệt trong mỗi con người là điều đáng trân trọng, cần phải được phát huy, hòa nhập ttrong cái chung của tập thể. Để có sức thuyết phục, tác giả đã sử dụng lý lẽ (Học hỏi theo sự hoàn hảo của người nhưng thế giới là muôn màu muôn vẻ, cần có những điều riêng biệt để đóng góp cho tập thể những cái của chính mình?), dẫn chứng (ngoại hình, tính cách các bạn trong lớp không ai giống ai,...) | Câu nói "Xem người ta kìa" ở cuối bài văn chính là một lời khích lệ, động viên chính bản thân mình. Người khác đã hay, đã thú vị theo cách của họ, vậy tại sao mình không đặc biệt theo cách của chính mình. |
| Văn bản thông tin (Trái đất - cái nôi của sự sống) | Văn bản có sapo dưới nhan đề, có 5 đề mục, 2 ảnh. Văn bản được triển khai theo quan hệ nguyên nhân kêt quả | Đoạn văn cuối của văn bản đặt ra câu hỏi Tình trạng Trái đất hiện ra sao? Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng. Đó là kết quả của sự tàn phá do con người làm nên. Trái đất có thể chịu đựng được đến bao giờ chính là vấn đề cấp thiết được đặt ra, cần sự chung tay của toàn nhân loại. |

**Hoạt động 2: Ôn tập các kiểu bài văn đã học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  mục đích, yêu cầu, các bước thực hiện bài viết đã học.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập số 2/ trang 108 và liệt kê vào bảng.  - Gv đặt câu hỏi: *Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài trong học kì vừa qua. Cho biết mục đích của hoạt động nói ở bài 6, 7, 8, 9 và 10 có gì giống và khác nhau.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS kẻ bảng và trình bày  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II. Các kiểu bài viết đã học**  **-** Viết bài văn nhập vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.  **-** Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm.  **-** Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các kiểu bài viết** | **Mục đích** | **Yêu cầu** | **Các bước cơ bản thực hiện bài viết** | **Đề tài cụ thể** | **Những kinh nghiệm mà em tự rút ra được khi thực hiện viết từng kiểu bài** |
| Viết bài văn nhập vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích | Làm cho câu chuyện trở nên khác lạ, thú vị và tạo ra hiệu quả bất ngờ | Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện nhập vai một nhân vật trong truyện. Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; nội dung được kể không làm sai lạc nội dung vốn có của truyện. Cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo. Có thể bỏ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật. | Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng. Chọn lời kể phù hợp. Ghi những nội dung chính của câu chuyện, lập dàn ý | Viết bài văn nhập vai nhân vật Tấm kể lại truyện Tấm Cám | Cần có sự nhất quán về ngôi kể. Kiểm tra sự nhất quán, hợp lý đối với các chi tiết được sáng tạo thêm. |
| Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm | Thể hiện được ý kiến, quan điểm riêng đối với một vấn đề đang được xã hội quan tâm | Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. Thể hiện được ý kiến của người viết. Dùng lý lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc | Lựa chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý | Viết bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề xử lý rác thải nhựa | Những khía cạnh cần bàn luận phải thể hiện quan điểm cá nhân một cách rõ nét |
| Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận | Nắm bắt được đầy đủ, chính xác điều đã diện ra | Đúng với thể thức của một biên bản thông thường | Viết phần mở đầu, phần chính, viết chi tiết nội dung cuộc họp, thuật lại đầy đủ các ý kiến bàn luận, ghi kết luận nội dung của người chủ trì, thời gian kết thúc buổi họp, buổi thảo luận | Viết biên bản cuộc họp Đại hội chi đoàn của lớp em | Kiểm tra chính xác thể thức |

**Hoạt động 3: Ôn tập các kiểu bài văn đã học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được  những kiến thức tiếng việt đã học và vận dụng vào bài tập

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập số 3/ trang 108  - Gv đặt câu hỏi gợi dẫn, HS tìm hiểu về công dụng:  *+ Hiểu được nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và tác dụng của các biện pháp tu từ, em có thấy thuận lợi hơn khi đọc cấc tác phẩm thơ, truyện không?*  *+ Nắm được vị trí, chức năng của trạng ngữ, khi tạo câu, em có thấy dễ dàng hơn trong việc nêu các thông tin về thời gian, địa điểm, điều kiện?*  *+ Hiểu biết về tác dụng của lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong biểu đạt có giúp em tiến bộ hơn khi viết các kiểu bài?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **III. Kiến thức tiếng Việt**   * Công dụng của dấu châm phẩy * Cách lựa chọn từ ngữ trong câu * Trạng ngữ * Đặc điểm và các loại văn bản * Từ mượn |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS làm bài tập*

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất (...) Mặt đất đã kiệt sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành. Đất trời lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã mang lại cho chúng cái sức sống ứ dầy, tràn lên các nhánh lá mầm non.* ***Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.***

*(Tiếng mưa - Nguyễn Thị Thu Trang)*

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

2. Xác định và chỉ ra một biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong văn bản?

3. Mưa mùa xuân đã đem đến cho muôn loài điều gì?

4. Dựa vào nội dung câu in đậm trên, là một người con em sẽ trả nghĩa cho cha mẹ, thầy cô như thế nào khi đang ngồi trên ghế nhà trường? Trình bày suy nghĩ của em bằng một đoạn văn 5-7 câu, có sử dụng trạng ngữ.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS luyện nói với chủ đề được viết, đặt ra từ bài tập trên.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

